

BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**TÀI LIỆU HỌP BAN CHỈ ĐẠO
PHIÊN THỨ TƯ**

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH PHIÊN HỌP THỨ TƯ CỦA BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2023

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và Chương trình Phiên họp thứ tư	Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ
2	Khai mạc Phiên họp thứ tư	Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ
3	Báo cáo chuyên đề “Cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp”	Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ
4	Công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 (SIPAS 2022) và Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2022 (PAR Index 2022)	Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ Nguyễn Trọng Thừa (Báo cáo kết quả được Bộ Nội vụ cung cấp tại Phiên họp)
5	Thảo luận	Điều hành thảo luận: <ul style="list-style-type: none">- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang- Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ- Các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ và Lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương

TT	Nội dung	Thực hiện
6	Nghỉ giải lao	
7	Tiếp tục thảo luận	Các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ và Lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương
8	Phát biểu Kết luận Phiên họp thứ tư	Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

DANH MỤC TÀI LIỆU

I. CÁC DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH		
STT	Nội dung	Trang
1	Dự thảo Báo cáo chuyên đề “Cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp”.	5
2	Dự thảo Báo cáo công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2023.	17
3	Dự thảo Báo cáo tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và kết quả kiểm tra, rà soát tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính tại các địa phương.	41

II. CÁC THAM LUẬN CỦA BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG			
STT	Nội dung	Thực hiện	Trang
1	Những điểm nghẽn trong triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; kiến nghị và giải pháp.	Bộ Công an	65
2	Kết quả cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số trong ngành Tài chính, những bài học kinh nghiệm thành công.	Bộ Tài chính	68
3	Nâng cao chất lượng thẩm định quy định thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.	Bộ Tư pháp	73
4	Những kết quả nổi bật trong xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số thời gian qua và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.	Bộ Thông tin và Truyền thông	78
5	Những kết quả nổi bật của công tác cải cách hành chính, tồn tại, hạn chế và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	82

II. CÁC THAM LUẬN CỦA BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG			
STT	Nội dung	Thực hiện	Trang
6	Những kết quả nổi bật của công tác cải cách hành chính, tồn tại, hạn chế và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	86
7	Kết quả cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của ngành Ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	90
8	Giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.	UBND Thành phố Hà Nội	94
9	Sáng kiến và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	99
10	Các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa phương.	UBND tỉnh Bắc Giang	102
11	Nỗ lực của chính quyền địa phương, cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân.	UBND tỉnh Quảng Ninh	105
12	Đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính tại địa phương.	UBND tỉnh Quảng Ngãi	109
13	Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.	UBND tỉnh Lâm Đồng	112
14	Đánh giá khái quát kết quả công tác cải cách hành chính của tỉnh đã đạt được. Những tác động tích cực của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	UBND tỉnh Kiên Giang	116
15	Nỗ lực của chính quyền địa phương, cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân.	UBND tỉnh Cà Mau	120

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
Cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số
phục vụ người dân, doanh nghiệp

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ luôn quan tâm, coi trọng việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải thiện môi trường kinh doanh gắn với chuyển đổi số quốc gia góp phần quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước, tạo đà cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược, trong đó tập trung tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, chú trọng tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 cũng đã nêu các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội, trong đó tập trung cải cách TTHC một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch, phấn đấu đến năm 2030 môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.

Với mục tiêu thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, các chiến lược, chương trình về cải cách hành chính, chuyển đổi số quốc gia, trong đó xác định cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp¹ là nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá, chuyển đổi môi trường, phương thức làm việc của các cơ quan nhà nước từ thủ công, giấy tờ sang môi trường số, công khai, minh bạch và cắt giảm mạnh chi phí tuân thủ, hình thành công chức điện tử, công dân số, doanh nghiệp số, thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Thể chế hóa Nghị quyết của Đảng, nhiều văn bản quy phạm quan trọng tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành như: Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ

¹ Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; (2) Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; (3) Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; (4) Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ và Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025; (5) Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển CPĐT hướng tới Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia (Đề án 06).

sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Nghị định số 09/2019/NĐ-CP về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng; Nghị định số 59/2022/NĐ-CP về định danh và xác thực điện tử; Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg về gửi, nhận văn bản điện tử; Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg về quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia... Bên cạnh đó, các Thông tư hướng dẫn việc triển khai cũng đã được ban hành².

Với nguyên tắc “Lấy con người là trung tâm, cải cách dẫn dắt, công nghệ hỗ trợ thúc đẩy”, công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

1. Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, quy định kinh doanh gắn với chuyển đổi số

- Các quy định kinh doanh được thống kê, hệ thống hóa tập trung trên môi trường điện tử, tạo lập cơ sở dữ liệu quản lý quy định kinh doanh để hỗ trợ rà soát, phát hiện các quy định còn chồng chéo, qua đó đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa, đồng thời công khai các quy định kinh doanh phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu, tìm kiếm thông tin. Đến nay, các bộ đã công khai, cập nhật 17.830 quy định hiện hành, 149 quy định dự kiến ban hành và phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1.029 quy định trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

Bên cạnh đó, các bộ, ngành đã tích cực triển khai việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đến nay đã cắt giảm, đơn giản hóa 2.189 quy định kinh doanh tại 175 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)³. Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1.099 quy định của 10 bộ, cơ quan, theo đó phải sửa đổi, bổ sung 197 văn bản QPPL⁴ để thực thi, trong đó, các bộ đã thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa 395 quy định kinh doanh tại 54 văn bản QPPL. Một số Bộ, cơ quan thực hiện tốt việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh như: Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Thông tin và Truyền thông,...

- Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, người dân trong quá trình cải cách các quy định kinh doanh thông qua việc thiết lập kênh tương tác 2 chiều với cơ quan nhà nước trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, giúp người dân, doanh nghiệp góp ý các quy định kinh doanh dự kiến ban hành, theo dõi việc giải trình, tiếp thu ý kiến của bộ, ngành. Đồng thời, tiếp nhận các khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp về quy định kinh doanh hiện hành, hỗ trợ tổng hợp, phân tích dữ liệu phản ánh, kiến nghị, giúp phát hiện vấn đề còn tồn tại, bắt cập để có phương án giải quyết xử lý, khơi thông, bãi bỏ các

² Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; Thông tư số 01/2021/TT-VPCP; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP...

³ Gồm: 13 Luật, 50 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 107 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

⁴ Gồm: 14 Luật, 74 Nghị định, 105 Thông tư và 04 văn bản khác.

quy định là rào cản hạn chế hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến nay, đã có 153 quy định kinh doanh dự kiến ban hành tại 29 dự thảo văn bản QPPL và 50 phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh được tham vấn người dân, doanh nghiệp trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh. Hơn 30 Hiệp hội doanh nghiệp đã đăng ký tài khoản, gửi ý kiến góp ý đối với các dự thảo văn bản QPPL, phương án cắt giảm, đơn giản hóa và gửi vướng mắc, đề xuất về quy định kinh doanh tới các bộ, ngành. Một số bộ tích cực tham vấn trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh như Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam...

- Việc quản lý, theo dõi quá trình thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa được đưa lên môi trường điện tử giúp các bộ, cơ quan và người dân, doanh nghiệp theo dõi, đánh giá nỗ lực cải cách quy định của từng bộ, ngành⁵ theo thời gian thực, dựa trên dữ liệu trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, tăng cường tính công khai, minh bạch, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh.

Bên cạnh đó, Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy vai trò là “cầu nối” giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với người dân, doanh nghiệp thông qua việc lắng nghe, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế, chính sách, TTHC. Một số báo cáo⁶ của Hội đồng xây dựng với nhiều đề xuất, kiến nghị, giải pháp được đánh giá cao, giúp các bộ, ngành, địa phương tham khảo, nghiên cứu, tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

2. Chuyển đổi số trong thực hiện TTHC

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC⁷, trong đó gắn việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình thực thi nhiệm vụ, tiếp nhận, giải quyết TTHC, đây là giải pháp quan trọng để hình thành, làm giàu, làm sạch, làm sống dữ liệu (tài nguyên chiến lược của cách mạng số). Đến nay, đã có 25,9% kết quả giải quyết TTHC được cấp bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng, tăng 5 lần so với tháng 9/2022; 62,7% hồ sơ TTHC được số hóa, trong đó có 25% được số hóa toàn trình từ khâu tiếp nhận đến trả kết quả theo đúng quy định, tăng 4 lần so với tháng 9/2022. Thông qua việc số hóa trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đã giúp làm giàu, làm sạch, làm sống dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hình thành các kho dữ liệu lớn phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công. Một số bộ, địa phương triển khai tốt như: Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Hải Dương, Hà Nam, Quảng Ninh, Bắc Giang, Quảng Trị, Lâm Đồng,...

⁵ 3 nhóm chỉ số thành phần (công khai, minh bạch; kết quả cải cách; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp).

⁶ (1) Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC (APCI) thường niên nhằm phản ánh khách quan mức độ cải cách quy định, TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh; (2) Báo cáo về năng lực cạnh tranh của Việt Nam từ đánh giá của nhà đầu tư nước ngoài và (3) Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 của Diễn đàn Kinh tế thế giới; (4) Báo cáo về thực trạng cung cấp, thực hiện TTHC của doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

⁷ Việc gắn số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, mạnh mẽ trong thực hiện TTHC; giúp thay đổi cách thức xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hiện nay; đồng thời, giúp cá nhân, tổ chức cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục theo hướng hồ sơ, giấy tờ, thông tin chỉ cung cấp một lần và được số hóa để tái sử dụng cho lần sau.

- Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giúp việc thực hiện TTHC của người dân, doanh nghiệp được thuận lợi, đơn giản, thực chất. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC giúp đơn giản hóa trình tự, các bước, công việc thực hiện của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất lao động. Đến nay, đã có 62/63 địa phương và 10/21 bộ, ngành thực hiện hợp nhất Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh và kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP. Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực tái cấu trúc quy trình, cung cấp 4.390 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, nhiều dịch vụ công phát sinh hồ sơ lớn trong 3 tháng đầu năm 2023 như thông báo khuyến mại (360 nghìn), đăng ký xe (725 nghìn), giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (45 nghìn)... Cổng Dịch vụ công quốc gia đã có hơn 6 triệu tài khoản đăng ký (tăng 3,8 lần so với cùng kỳ năm 2022); hơn 186 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái (tăng hơn 1,7 lần so với cùng kỳ năm 2022); hơn 12.5 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng (tăng hơn 3,8 lần so với cùng kỳ năm 2022); hơn 7,8 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 4,8 nghìn tỷ đồng (tăng gần 10 lần so với cùng kỳ năm 2022). Bên cạnh đó, Cổng Thông tin một cửa quốc gia đã thực hiện 250/261 dịch vụ công trực tuyến của 13 bộ, ngành triển khai theo cơ chế một cửa quốc gia với hơn 55 nghìn doanh nghiệp tham gia. Kết quả này có sự đóng góp, tổ chức triển khai tích cực, hiệu quả của nhiều bộ, ngành, địa phương như: Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Bình Phước, Bình Định, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Quảng Ninh, Long An, Khánh Hòa, Kon Tum, Hải Dương, An Giang, Thái Nguyên,...

Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Hà Nam đã tích cực triển khai thí điểm 02 dịch vụ công liên thông “đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí”. Trên cơ sở kết quả làm thí điểm cũng như ý kiến tham gia của các bộ, ngành và hai địa phương nêu trên, Văn phòng Chính phủ đã hoàn thiện, ban hành quy trình liên thông điện tử đối với 02 nhóm dịch vụ công liên thông để triển khai thống nhất trên toàn quốc⁸.

- Tăng cường công khai, minh bạch; tạo thuận lợi cho người dân thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước. Đến nay, đã công khai 6.472 TTHC (tại bộ, cơ quan: 3.868 TTHC, tại địa phương: 1.395 TTHC và 1.753 TTHC của cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương). Đồng thời, người dân, doanh nghiệp có thể theo dõi được toàn bộ quá trình giải quyết TTHC của mình, tạo thuận lợi cho việc theo

⁸ Công văn số 2084/VPCP-KSTT ngày 30/3/2023.

đổi, giám sát, đánh giá. Nhiều bộ, ngành, địa phương theo chỉ đạo của Chính phủ, định kỳ hàng tháng công khai danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm muộn trong giải quyết TTHC, dịch vụ công; 100% hồ sơ TTHC để chậm, muộn đều phải có báo cáo giải trình lý do với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và thực hiện xin lỗi người dân.

- Thực hiện chỉ đạo, điều hành chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp được thực hiện dựa trên dữ liệu theo thời gian thực. Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đã được đưa vào vận hành chính thức từ ngày 01/8/2022⁹, là công cụ hữu hiệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, tạo bước chuyển biến căn bản trong việc kiểm soát thực thi ("điểm nghẽn" lớn nhất hiện nay), giúp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm giải trình, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Một số địa phương đã tích cực khai thác Bộ chỉ số để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại địa phương mình như: Bình Định, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Hà Nam, Kon Tum, Yên Bái,...

- Đề án 06 được triển khai đã giúp tạo đột phá trong phát triển công dân số, phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo ra nhiều tiện ích, dịch vụ, mang lại lợi ích thiết thực, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, hiệu quả hơn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và chỉ đạo, điều hành các cấp. Đến nay đã cấp hơn 79,5 triệu thẻ căn cước gắn chip điện tử cho công dân, tăng gần 2,9 triệu thẻ so với năm 2022¹⁰, kích hoạt trên 6 triệu tài khoản VNeID; hoàn thành tích hợp 21/25 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của 13 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông và 60 địa phương (tăng 01 doanh nghiệp và 29 địa phương so với tháng 12/2022) phục vụ làm sạch dữ liệu của các cơ quan nhà nước bảo đảm tiêu chí dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

Liên quan đến việc nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công, trên cơ sở khai thác thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản đề nghị các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát 48 Thông tư, Quyết định, văn bản thuộc thẩm quyền có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú, thực hiện công bố, công khai, hướng dẫn thực hiện TTHC có yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc xác nhận tại nơi cư trú¹¹.

3. Phân cấp trong giải quyết TTHC, đơn giản hóa TTHC nội bộ

- Để giảm tầng nấc, khâu trung gian, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC của cơ quan hành chính, giúp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí cho người dân,

⁹ Với 5 nhóm chỉ số: Công khai, minh bạch; Tiến độ, kết quả giải quyết; Số hóa hồ sơ; Cung cấp dịch vụ trực tuyến; Mức độ hài lòng.

¹⁰ Năm 2022, Bộ Công an đã cấp gần 76,6 triệu thẻ căn cước công dân.

¹¹ Công văn số 1472/VPCP-KSTT ngày 09/3/2023.

doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ (699/5.187 TTHC trên 100 lĩnh vực, dự kiến sửa đổi, bổ sung 232 văn bản để thực thi, gồm: 32 Luật, 87 Nghị định, 08 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 05 Thông tư liên tịch, 97 Thông tư, 03 Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ). Đến nay, đã thực thi phương án phân cấp 81 TTHC tại 15 văn bản QPPL. Việc phân cấp hiệu quả phải đi đôi với ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC để các cơ quan phân cấp có thể nắm bắt tình hình, kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan được phân cấp. Một số bộ, ngành triển khai tốt như: Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, Bộ Giao thông vận tải, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,...

- Việc đơn giản hóa TTHC nội bộ gắn liền với ứng dụng CNTT, tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, giúp phân định rõ trách nhiệm, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ, khơi thông nguồn lực xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh. Hiện nay, các bộ, ngành, địa phương đang rà soát, thống kê, ban hành danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý, đồng thời, các bộ, cơ quan ngang bộ đã tập trung rà soát, đơn giản hóa đối với 59 nhóm TTHC trọng tâm ưu tiên trên 12 lĩnh vực¹² theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022. Đến nay, một số bộ, địa phương, như: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Yên Bái, Lào Cai, Thanh Hóa, ... đã ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý.

Bên cạnh đó, việc gửi, nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử và chuẩn hóa báo cáo, chuyển từ báo cáo giấy sang báo cáo điện tử là bước số hóa quan trọng phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trong nội khối hành chính nhà nước, đơn giản hóa TTHC nội bộ, giảm gánh nặng hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí, bảo đảm công khai, minh bạch. Đến nay đã có hơn 19,5 triệu văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia, trung bình có khoảng 550.000 văn bản/tháng (việc khai thác sử dụng Trục liên thông văn bản quốc gia giúp tiết kiệm 1.200 tỷ/năm). Hầu hết các bộ, cơ quan, địa phương đã chú trọng việc chuẩn hóa báo cáo theo yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ để phục vụ triển khai báo cáo điện tử. Các Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa phương được xây dựng, hình thành nguồn thông tin, dữ liệu số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, đồng thời tích hợp, cung cấp một số thông tin, dữ liệu quan trọng với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, có 69/179 chế độ báo cáo các bộ, cơ quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên Hệ thống thông tin

¹² Gồm: Quản lý ngân sách nhà nước; Quản lý tài sản công; Quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên; Quản lý đầu tư công; Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Tổ chức bộ máy; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức chính quyền địa phương; Thi đua, khen thưởng; Quản lý đất đai; Quản lý điều hành chính sách điện năng; Giao thông đường bộ.

báo cáo Chính phủ (việc khai thác sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ giúp tiết kiệm 460 tỷ/năm). Một số bộ, cơ quan triển khai tốt như Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, An Giang, Bắc Giang, Bình Định, Bình Thuận, Hưng Yên, Kon Tum, Lạng Sơn, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang,...

Hệ thống theo dõi, đánh giá nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao đã được hoàn thiện, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu phục vụ chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, giúp tăng cường công khai, minh bạch, cá thể hóa trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong thực thi nhiệm vụ được giao, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế:

- TTHC trên nhiều lĩnh vực còn nhiều rào cản, quy định chồng chéo, đặc biệt là những lĩnh vực liên quan đến đất đai, quản lý tài chính, đầu tư công, y tế, giáo dục, kiểm tra chuyên ngành, xuất nhập khẩu...; 19 Nghị quyết chuyên đề về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư chưa hoàn thành việc thực thi. Công tác rà soát, sửa đổi các văn bản thuộc thẩm quyền quy định việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy còn chậm.¹³

- Việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh còn chậm, nhất là việc thực thi các phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Một số bộ chưa trình Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh¹⁴. Một số bộ, ngành, địa phương chưa khai thác hiệu quả Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, chưa tích cực phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp.

- Việc ban hành quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC và chỉnh sửa hệ thống thông tin giải quyết TTHC tại một số bộ, ngành, địa phương còn chậm; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp. Các dịch vụ công trực tuyến mới chỉ đơn thuần chuyển từ môi trường giấy sang môi trường điện tử, chưa quan tâm tái cấu trúc quy trình, trải nghiệm của người dùng nên chưa thực sự thuận lợi, đơn giản cho người dân, doanh nghiệp, nhiều trường hợp vừa phải làm thủ công, vừa làm trực tuyến gây mất thời gian. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC còn chưa cao.

¹³ Việc rà soát, sửa đổi 48 Thông tư, Quyết định, văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền có quy định việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy, xác nhận thông tin tại nơi cư trú, công bố công khai các TTHC liên quan để địa phương công bố và thực hiện, phải hoàn thành trước 20/3/2023 (theo văn bản số 1472 ngày 09/3/2023 của Văn phòng Chính phủ) nhưng đến nay, việc triển khai của các đơn vị còn chậm. Mới có Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ động sửa đổi, bổ sung các thông tư thuộc thẩm quyền.

¹⁴ Các Bộ: Công an, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Tài chính, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thể chế liên quan đến số hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu còn thiếu, như: Bộ Nội vụ chưa ban hành hướng dẫn về lưu trữ điện tử (thời hạn trong tháng 3/2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg). Việc số hóa, tái sử dụng dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn rất hạn chế. Các biểu mẫu điện tử chủ yếu vẫn yêu cầu người dân tự điền và tải lên để nộp, chưa thiết kế các biểu mẫu tương tác, hỗ trợ điền các thông tin sẵn có. Việc áp dụng chữ ký số công cộng đối với người dân khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến chưa cao.

- Công tác chỉ đạo, điều hành phần lớn vẫn theo phương thức thủ công truyền thống, chủ yếu dựa trên giấy tờ dẫn đến chưa kịp thời, chưa rõ trách nhiệm giải trình và chưa cá thể hóa được trách nhiệm cá nhân. Việc gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử tại một số bộ, ngành còn chưa nghiêm; chưa quan tâm đúng mức đến công tác chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo và thực hiện nghiêm việc cung cấp thông tin, dữ liệu điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền.

- Các hệ thống CNTT chưa đồng bộ, hiệu quả và mức độ sẵn sàng về ứng dụng CNTT giữa các bộ, ngành, địa phương còn chưa đồng đều; việc kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu còn nhiều hạn chế do thiếu sự chuẩn hóa, kiểm soát, quản lý chất lượng về thông tin, dữ liệu. Còn tồn tại tình trạng “cát cứ thông tin”, co cụm dữ liệu, không chia sẻ hoặc gây khó khăn trong chia sẻ thông tin, dữ liệu. Sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan chưa thực sự chặt chẽ vì lợi ích chung. Việc đảm bảo an ninh, an toàn thông tin chưa được quan tâm đúng mức.

- Nguồn lực cho việc triển khai còn gặp khó khăn; quy định về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa được sửa đổi để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hiện nay; công tác thông tin, truyền thông trong việc đẩy mạnh cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp chưa được coi trọng.

b) Nguyên nhân:

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu như: Một số cơ quan, đơn vị chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhất là vai trò của người đứng đầu; trách nhiệm trong thực thi công vụ của một số bộ phận cán bộ, công chức chưa cao, chưa có ý thức thay đổi thói quen sử dụng văn bản điện tử thay cho văn bản giấy; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chặt chẽ, kịp thời; các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC chưa có sự chuẩn hóa, thống nhất về dữ liệu để các hệ thống có thể hiểu và trao đổi được thông tin, dữ liệu; cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu; hạ tầng CNTT, trang thiết bị còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư kịp thời...

Bên cạnh đó, còn có những nguyên nhân khách quan như: Đây là những vấn đề mới, khó, nhiều lực cản, đòi hỏi phải có thời gian thích ứng cũng như thay đổi thói quen, cách làm cho phù hợp; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC là công việc mới được triển khai, cần thời gian để tiếp cận, đào tạo...

5. Bài học kinh nghiệm

- Thống nhất quan điểm chỉ đạo, điều hành và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương để các nhiệm vụ được triển khai một cách đồng bộ, nhất quán, hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra, nhất là qua triển khai Đề án 06 thì sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong đơn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện đã mang lại hiệu quả rõ rệt.

- Nâng cao quan điểm gắn kết cải cách TTHC gắn kết với chuyển đổi số, cải cách dẫn dắt, ứng dụng CNTT là công cụ, thay vì chỉ tập trung chủ yếu vào áp dụng công nghệ và coi công nghệ là yếu tố quyết định để hiện đại hóa nền hành chính.

- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cũng như sự hỗ trợ của các chuyên gia trong nước và quốc tế, xác định người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng công tác cải cách TTHC các cấp để nâng cao chất lượng phục vụ và tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai các nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đồng thời tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá, đo lường chính xác kết quả, hiệu quả công tác triển khai để có các giải pháp thúc đẩy kịp thời.

- Quan tâm chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác cải cách TTHC, đặc biệt chú trọng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức giải quyết TTHC tại cấp xã, phường để đảm bảo công tác cải cách TTHC và ứng dụng CNTT được thực hiện thống nhất từ Trung ương đến cơ sở

6. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật để tạo hành lang pháp lý bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác cải cách TTHC, tạo thuận lợi, cắt giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp, qua đó thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, chuyển đổi số quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Tập trung triển khai thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, phương án phân cấp trong giải quyết TTHC đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiếp tục rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, thống kê, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng, trong đó trọng tâm là 55 nhóm TTHC thuộc 12 lĩnh vực ưu tiên rà soát được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; gắn kết việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, thực hiện TTHC không phụ thuộc vào

địa giới hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đáp ứng yêu cầu thực chất, đơn giản, thuận lợi, dễ tiếp cận, dễ sử dụng cho người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung ưu tiên triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án 06, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế là “điểm nghẽn” làm chậm tiến độ triển khai Đề án. Đây là đề án quan trọng, đột phá, tạo ra nhiều tiện ích, dịch vụ, mang lại lợi ích thiết thực, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, hiệu quả hơn.

- Tiếp tục tăng cường xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử, triển khai báo cáo điện tử và khai thác, phát huy hiệu quả các công cụ kỹ thuật số phục vụ chỉ đạo điều hành, giám sát thực thi.

- Bố trí bảo đảm nguồn lực triển khai; khẩn trương hoàn thiện các hệ thống, hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu triển khai và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC, dịch vụ công.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh thông tin, truyền thông, tuyên truyền, phổ biến về công tác cải cách TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

7. Kiến nghị, đề xuất

Để thúc đẩy công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thời gian tới, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các bộ, ngành, địa phương:

- Các bộ, ngành đẩy nhanh việc rà soát, thực thi 19 Nghị quyết chuyên đề về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ của công dân liên quan đến quản lý dân cư; khẩn trương ban hành các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền và trình sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh và phân cấp giải quyết TTHC đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ưu tiên áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Thực hiện tham vấn, tương tác với các hiệp hội, doanh nghiệp và đối tượng có liên quan đối với các quy định trong dự án, dự thảo văn bản QPPL và kịp thời xử lý, trả lời vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp, người dân trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

- Rà soát đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công trực tuyến đã cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm. Thực hiện theo Lộ trình tại Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phân đầu hoàn thành trong tháng 9/2023, để dịch vụ công đáp ứng tối thiểu 90% mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức.

- Khẩn trương rà soát, đề xuất đầu tư thiết bị, hạ tầng đường tuyến; xây dựng quy trình, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc số hóa hồ sơ giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa cấp xã từ ngày 01/6/2023 để người dân không phải cung cấp lại thông tin.

- Triển khai thống kê, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, tập trung vào các nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022, để nâng cao hiệu quả thực thi công vụ, khơi thông các nguồn lực xã hội, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử tại các cấp chính quyền; thúc đẩy tiến độ chuẩn hóa chế độ báo cáo, xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, thời gian hoàn thành tháng 6/2023.

b) Bộ Công an đẩy nhanh tiến độ kiểm tra an toàn thông tin, an ninh mạng, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh. Đánh giá trải nghiệm người dùng để nâng cấp ứng dụng VNeID bảo đảm nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm tạo sự thuận lợi, thân thiện, dễ khai thác sử dụng; nghiên cứu giải pháp tích hợp chữ ký số công cộng trong tài khoản định danh điện tử qua ứng dụng VNeID. Thời gian hoàn thành trong tháng 5/2023.

c) Bộ Nội vụ khẩn trương ban hành hướng dẫn về lưu trữ điện tử trên cơ sở quy định hiện hành của pháp luật về lưu trữ để các bộ, ngành, địa phương thực hiện lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC. Hoàn thành trong tháng 5/2023.

d) Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá tình hình nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng CNTT của các bộ, ngành, địa phương theo văn bản số 1552/BTTTT-TTH ngày 26/4/2022; chỉ đạo việc mở rộng dung lượng băng thông đường truyền, xóa vùng lờm sóng di động, cung cấp dịch vụ Internet chất lượng cao cho các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; nghiên cứu, sửa đổi các quy định pháp lý liên quan đến việc cấp, quản lý Chữ ký số công cộng cho người dân, tổ chức theo hướng áp dụng tài khoản định danh điện tử để đăng ký cấp chứng thư số cho tổ chức, cá nhân.

đ) Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ, Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021, Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài chính khẩn trương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Nghị định¹⁵ để thúc đẩy mạnh mẽ việc cải cách kiểm tra chuyên ngành theo

¹⁵ Dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu; dự thảo Nghị định kết nối và chia sẻ

Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021.

e) Văn phòng Chính phủ đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cắt giảm quy định kinh doanh, phân cấp trong giải quyết TTHC, đơn giản hóa TTHC nội bộ; triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công và tái cấu trúc quy trình, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo chuyên đề của Văn phòng Chính phủ về cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp phục vụ Hội nghị chuyên đề của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ./.

Số: /BC-BCĐCCHC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO**BÁO CÁO****Công tác cải cách hành chính Quý I
và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2023**

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) được ban hành tại Quyết định số 57/QĐ-BCĐCCHC ngày 27/4/2022, Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính Quý II năm 2023 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**1. Công tác chỉ đạo, quán triệt**

Trong Quý I năm 2023, các bộ, thành viên Ban Chỉ đạo đã tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp quan trọng nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó, có nhiều nội dung chỉ đạo liên quan đến cải cách hành chính.

- Ngày 06/01/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 với chủ đề điều hành là “Đoàn kết, kỷ cương; bản lĩnh, linh hoạt; đổi mới, sáng tạo; kịp thời hiệu quả”. Trong đó, xác định “tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia” là một trong các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Lãnh đạo Chính phủ đã tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ IV (2023 - 2028) của Hiệp hội doanh nghiệp và nhỏ và vừa Việt Nam trong tháng 3 năm 2023, theo đó, Chính phủ luôn khẳng định “Thấu hiểu, chia sẻ với những khó khăn, thách thức, Chính phủ sẽ tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách, giải pháp để hỗ trợ, tiếp sức đội ngũ doanh nhân, cộng đồng doanh nghiệp phát triển. Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương sẽ tiếp tục đồng hành, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi nhất cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung, lực lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng phát triển mạnh mẽ, hiệu quả hơn nữa”. Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 tại các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

- Thủ tướng Chính phủ đã ký Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 27/1/2023 đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết nguyên đán Quý Mão 2023. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu các tập đoàn, tổng công ty nhà nước tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; 3 Chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực; thúc đẩy tiến độ triển khai các đề án, dự án lớn, quan trọng, có tính lan tỏa cao, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành, lĩnh vực và của đất nước.

- Chính phủ đã tổ chức các phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, tính riêng trong tháng 2/2023 Chính phủ đã ban hành 02 nghị quyết để chỉ đạo, yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng các luật, tổ chức soạn thảo các dự án văn bản quy phạm pháp luật đã có trong chương trình, kế hoạch của Quốc hội và Chính phủ, kiên quyết từng bước khắc phục tình trạng nợ ban hành văn bản.

- Ban Chỉ đạo đã tổ chức phiên họp tổng kết công tác năm 2022, bàn phương hướng, nhiệm vụ năm 2023, với sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo. Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo đã ký ban hành Quyết định số 12/QĐ-BCĐCCHC ngày 08/3/2023 về Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023 và Quyết định số 13/QĐ-BCĐCCHC ngày 08/3/2023 về Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo. Tại Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ, ngành, địa phương 57 nhiệm vụ, trong đó, một trong những mục tiêu quan trọng của Kế hoạch là nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của các thành viên Ban Chỉ đạo, tạo đột phá trong cải cách hành chính năm 2023. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính.

Để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính, ngày 03/3/2023, Ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-BCĐCCHC thành lập “Tổ công tác của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính” nhằm kịp thời rà soát, đôn đốc, nắm bắt tình hình, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện giải quyết thủ tục hành chính gắn với việc bỏ Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy; đồng thời, tham mưu, kiến nghị cấp có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện quy định về bỏ Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy trong giải quyết thủ tục hành chính. Theo đó, Tổ Công tác đã tổ chức Đoàn kiểm tra thực tế tại 20 đơn vị hành chính cấp xã, 11 đơn vị hành chính cấp huyện của 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gồm: Bắc Giang; Bắc Ninh; Vĩnh Phúc; Hà Nam; Hưng Yên; Thành phố Hồ Chí Minh; Cần Thơ; Long An; An

Giang và Bình Dương. Hiện nay, Ban Chỉ đạo đang tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính gắn với việc triển khai thực hiện Luật cư trú và Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Thực hiện Thông báo số 55/TB-VPCP ngày 24/02/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Phiên họp thứ ba ngày 03 tháng 02 năm 2023, Bộ Nội vụ đã ban hành văn bản số 1512/BNV-CCHC ngày 07/4/2023 gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của bộ, cơ quan, địa phương.

- Theo thống kê, trong Quý I/2023, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành 143 văn bản⁽¹⁶⁾, các địa phương đã ban hành 1.064 văn bản⁽¹⁷⁾ để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính trên từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Số liệu thống kê cho thấy, kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ đã đề ra 878 nhiệm vụ⁽¹⁸⁾, UBND các tỉnh, thành phố đã đề ra 2.967 nhiệm vụ và phân công rõ thời gian, trách nhiệm triển khai cho từng cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện; có nơi cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân trong triển khai từng nhiệm vụ cải cách hành chính được giao. Bên cạnh đó, nhiều nơi đã có sự chủ động, vào cuộc quyết liệt và sát sao của các cấp ủy đảng thông qua việc ban hành các văn bản, nghị quyết, chỉ thị để chỉ đạo, quán triệt đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại bộ, cơ quan, địa phương. Tính đến ngày 21/3/2023, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành 264 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 30,06% so với kế hoạch; UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành 708 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 23,86% so với kế hoạch đề ra. Một số bộ, ngành, địa phương tích cực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính có kết quả, đạt tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ cao so với kế hoạch ngay trong Quý I/2023, là: Bộ Kế hoạch và Đầu tư 38,88%, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 42,10%, Phú Thọ 32,25%, Hà Nội 34,54%, Cần Thơ 36,76%, Hưng Yên 46,42%,...

- Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đã thường xuyên theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính; kịp thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất và trực tiếp giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các nội dung liên quan đến cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Quý I năm 2023, Bộ Nội vụ cũng đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan có liên quan để triển khai các hoạt động thẩm định, đánh giá xác định kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 (PAR Index) của các bộ, các tỉnh; triển khai các hoạt động khảo sát người dân, tổ chức để xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2022 (SIPAS). Trên cơ sở kết quả tự chấm của các bộ, các tỉnh, Bộ Nội vụ đã phối

¹⁶ Chưa có thống kê của Bộ Công an; Văn phòng Chính phủ; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

¹⁷ Chưa có thống kê của tỉnh An Giang.

¹⁸ Chưa có thống kê của Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Bộ Giao thông vận tải.

hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan có liên quan để triển khai hoạt động thẩm định, đánh giá xác định kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các bộ, các tỉnh, bảo đảm chính xác, khách quan và công bằng trong đánh giá, xếp hạng. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã triển khai khảo sát khoảng 50.000 phiếu dành cho đối tượng lãnh đạo, quản lý các cấp theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để lấy ý kiến đánh giá kết quả cải cách hành chính của các bộ, cơ quan, địa phương. Bộ Nội vụ đã phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các cơ quan liên quan thực hiện khảo sát trên 37.000 người dân để phục vụ xác định Chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2022. Dự kiến các Chỉ số trên sẽ được Bộ Nội vụ hoàn thiện và tham mưu cho cấp có thẩm quyền công bố trong đầu Quý II/2023.

2. Công tác tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính

Trong Quý I năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách, đây là một những nội dung quan trọng, góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương. Cũng trong Quý I, các thành viên Ban Chỉ đạo tiếp tục quan tâm chỉ đạo triển khai có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính dưới nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Đài Truyền hình Việt Nam tiếp tục thực hiện phát sóng định kỳ hàng tuần các phóng sự chuyên sâu về cải cách hành chính hoặc lồng ghép với các chương trình khác để tuyên truyền, lan tỏa những cách làm hay, mô hình mới và những gương sáng điển hình trong quá trình thực hiện cải cách tại bộ, ngành, địa phương, nhất là những nội dung, định hướng cải cách của Chính phủ quy định tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Một số phóng sự đáng chú ý, thu hút sự quan tâm, theo dõi của đông đảo người dân, như: Phóng sự - Tinh gọn hơn, hiệu quả hơn; Chuyển đổi số - nguồn lực phát triển; Vàng và phát triển; Sự kiện và bình luận “Giấy và Số”,... Các đơn vị làm công tác thông tin của Thông tấn xã Việt Nam cũng đã xây dựng những tuyến tin, bài giới thiệu mục tiêu, nội dung của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, phản ánh những đổi mới, sáng kiến trong thực hiện cải cách hành chính, đồng thời, góp ý với một số bộ, ngành, địa phương chưa thực hiện tốt công tác cải cách hành chính. Bộ Quốc phòng đã xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2023, thực hiện 231 lượt phối hợp với cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền 615 tin, bài, phóng sự, ảnh về hoạt động của Thủ tướng Bộ Quốc phòng chỉ đạo công tác cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số cùng các hoạt động khác của các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo trên VTV về các nội dung thanh toán không dùng tiền mặt; hướng dẫn người dân về những cải tiến đổi mới và các vấn đề liên quan thủ tục dịch vụ ngân hàng.

Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ định kỳ hàng tuần phát hành bản tin điện tử cải cách hành chính, gửi đến hộp thư điện tử và triển khai thử nghiệm gửi bản tin qua tài khoản Zalo của hơn 5.000 lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến địa phương để cung cấp thông tin, tuyên truyền về những kết quả, giải pháp, kinh nghiệm, sáng kiến cải cách hành chính hay đang được áp dụng, triển khai có hiệu quả tại bộ, ngành, địa phương.

Các thành viên Ban Chỉ đạo cũng đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, điển hình như: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tư pháp; Thanh tra Chính phủ.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Về công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật:

Trong Quý I/2023, các bộ, ngành đã ban hành 116 thông tư và tham mưu, trình Chính phủ 26 nghị định để điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh, trong số đó, có nhiều văn bản liên quan đến cải cách hành chính. Về xây dựng văn bản quy định chi tiết, tính đến ngày 14/3/2023, tổng số văn bản quy định chi tiết được giao là 53 văn bản, đã hoàn thành 05/53 văn bản, 04/53 văn bản quá hạn, 44/53 văn bản đang thực hiện trong hạn.

- Về công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch⁽¹⁹⁾ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023, theo đó, đã xác định 02 lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi là: (i) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về giá; (ii) theo dõi tình hình thi hành pháp luật về bảo đảm an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực ban hành kế hoạch; rà soát, xây dựng danh mục các văn bản quy phạm pháp luật và ban hành các văn bản hướng dẫn để triển khai các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý. Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 về việc quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Chế độ báo cáo này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước; Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc.

- Trong Quý I/2023, trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát, các bộ, ngành đã tổng hợp được 57 văn bản⁽²⁰⁾ quy phạm pháp luật cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc công bố hết hiệu lực). Tại địa phương, có 177 văn bản⁽²¹⁾ cần phải xử lý sau kiểm tra, 709 văn bản⁽²²⁾ cần phải xử lý sau rà soát; đến nay, cơ

¹⁹ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/01/2023.

²⁰ Chưa có số liệu thống kê của các Bộ: Công an, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và xã hội, Văn phòng Chính phủ.

²¹ Chưa có số liệu thống kê của các địa phương: Bắc Ninh, Hà Giang, Thanh Hóa.

²² Chưa có số liệu thống kê của các địa phương: Thanh Hóa, Hà Giang, Cần Thơ.

bản các văn bản trên đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định. Các đơn vị đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong Quý I/2023 là: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ; các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hưng Yên, Lào Cai, Phú Thọ,...

2. Cải cách thủ tục hành chính

Trong Quý I/2023, các bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính (TTHC); tăng cường kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu; đẩy mạnh rà soát, tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nhất là 25 dịch vụ công thiết yếu⁽²³⁾ phục vụ người dân, doanh nghiệp; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh,...

- Về công bố, công khai TTHC:

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 23/3/2023, các bộ, ngành, địa phương đã rà soát, ban hành 575 quyết định công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý⁽²⁴⁾; đồng thời, công khai, cập nhật danh mục và nội dung TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan, địa phương mình trên Cổng dịch vụ công quốc gia và các kênh thông tin khác theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu và thực hiện TTHC. Theo thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tại thời điểm ngày 23/3/2023, cả nước có 6.472 TTHC, trong đó 3.868 TTHC thực hiện tại bộ, cơ quan Trung ương, 1.395 TTHC thực hiện tại địa phương và 1.753 TTHC ngành dọc tại địa phương. Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 74/TB-VPCP ngày 14/3/2023 thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện việc bãi bỏ yêu cầu nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy, giấy xác nhận cư trú. Ngày 13/02/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 04/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo đó, Nghị định số 04/2023/NĐ-CP sửa đổi thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động kiểm định, thay vì gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

²³ Gồm các dịch vụ công quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg: Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân; Cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân; Đăng ký thường trú; Đăng ký tạm trú; Khai báo tạm vắng; Thông báo lưu trú; Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy; Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội); Đăng ký khai sinh; Đăng ký khai tử; Đăng ký kết hôn; Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông; Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu; Thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu; Liên thông đăng ký khai sinh đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí; Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình; Đăng ký thuê lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuê đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân; Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe; Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng; Cấp phiếu lý lịch tư pháp; Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp; Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện); Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện).

²⁴ Số liệu thống kê từ Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Về vận hành Công Dịch vụ công quốc gia: Các bộ, ngành, địa phương đã đẩy mạnh tiến độ rà soát, cấu trúc lại quy trình TTHC để tích hợp vào Công dịch vụ công quốc gia; tăng cường kết nối, thanh toán trực tuyến để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tính đến ngày 23/3/2023, đã có 4.396 TTHC cung cấp trực tuyến trên Công Dịch vụ công quốc gia (2.525 thủ tục của người dân, 2.345 thủ tục của doanh nghiệp), trong đó có nhiều dịch vụ công được người dân, doanh nghiệp quan tâm như: Đăng ký, cấp biển số xe; cấp điện mới từ lưới điện hạ áp; đổi giấy phép lái xe; cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế,... Theo thống kê, đến ngày 23/3/2023 đã có trên 183 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái và có hơn 10 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện qua Công Dịch vụ công quốc gia.

Bộ Y tế đã tổ chức Hội nghị tập huấn thực hiện Thông tư dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe phục vụ Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030". Với sự hỗ trợ tích cực của Cơ quan Bảo hiểm Xã hội (BHXH) Việt Nam, 63/63 Sở Y tế đã triển khai thực hiện liên thông dữ liệu, cụ thể: 1.200 cơ sở y tế đã được cấp tài khoản, 673 cơ sở khám, chữa bệnh đã liên thông dữ liệu, 56.300 giấy phép lái xe, 1.500 giấy chứng sinh, hàng trăm giấy báo tử đã liên thông lên Cổng Giám định bảo hiểm y tế để liên thông với Công Dịch vụ công quốc gia, sẵn sàng phục vụ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Theo số liệu thống kê trên hệ thống phần mềm, từ tháng 01/2023 đến 15 giờ ngày 21/3/2023, toàn quốc có 1.079 cơ sở khám, chữa bệnh được phê duyệt gửi dữ liệu khám sức khỏe lái xe, trong đó có 658 cơ sở đã gửi dữ liệu, với 56.132 dữ liệu được gửi. Đối với dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử, sau hơn 20 ngày triển khai, hệ thống của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã ghi nhận có 147 cơ sở khám, chữa bệnh gửi dữ liệu giấy chứng sinh, với 1.444 dữ liệu được gửi; 32 cơ sở khám, chữa bệnh gửi dữ liệu giấy báo tử, với 57 dữ liệu được gửi...

- Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được triển khai có hiệu quả tại các bộ, ngành, địa phương. Triển khai Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức hội nghị triển khai hoặc ban hành văn bản quán triệt đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc; tích cực rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi quản lý; rà soát, đánh giá tình hình giải quyết TTHC để sắp xếp, bố trí nhân sự một cách hợp lý, hiệu quả dựa trên tần suất giao dịch, khối lượng công việc tại Bộ phận Một cửa các cấp. Cùng với đó, nhiều bộ, ngành, địa phương cũng tăng cường quan tâm, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, phần mềm ứng dụng và thường xuyên tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Theo báo cáo, trong Quý I/2023 kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính có tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn tiếp tục duy trì ở mức cao,

bình quân cả nước đạt 98,01%; trong đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các bộ, cơ quan Trung ương đạt 99,87%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt 98,61%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của UBND cấp huyện đạt 94,20%, UBND cấp xã đạt 99,36%⁽²⁵⁾.

Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo. Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công trực tuyến đã cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, hoàn thành trong tháng 9/2023; đối với 53 dịch vụ công thiết yếu (tại Đề án 06 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ), hoàn thành trong tháng 6/2023. Tập trung rà soát, cải tiến quy trình tiếp nhận, hướng dẫn hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận Một cửa các cấp theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, động lực để cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, phục vụ tốt hơn, hoàn thành trong tháng 6 năm 2023; lựa chọn những nhóm thủ tục hành chính gắn trực tiếp với người dân, doanh nghiệp để tập trung triển khai thực chất, thuận lợi, kịp thời, hiệu quả; thay đổi tư duy từ "làm thay, làm hộ" sang hỗ trợ, hướng dẫn để nâng cao kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp; quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng yếu thế (người già, người khuyết tật...).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Trong Quý I/2023, Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy, các bộ, cơ quan ngang bộ đang tích cực rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan mình theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian và đáp ứng nguyên tắc, các tiêu chí thành lập tổ chức phù hợp với quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP⁽²⁶⁾. Đến nay, Bộ Nội vụ đã hoàn thành thẩm định lần 2 đối với 26/26 dự thảo Nghị định⁽²⁷⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 26 bộ, ngành, trong đó đã có 24/26 Nghị định được ban hành; đồng thời, dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày

²⁵ Các đơn vị chưa cập nhật số liệu báo cáo, bao gồm: Các Bộ: Công an, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Nội vụ; các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh, Điện Biên.

²⁶ Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

²⁷ Dự thảo Nghị định của Bộ Khoa học và Công nghệ (đã lấy ý kiến thành viên Chính phủ, chuẩn bị ban hành); dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính (Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng Bộ Tài chính trực tiếp trao đổi với Bộ trưởng Bộ Công an để thống nhất về các nội dung còn ý kiến khác nhau của dự thảo Nghị định, khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định).

07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập tổ chức lại giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, sẽ tiến hành tiếp thu hoàn thiện dự thảo Nghị định đề trình Chính phủ trong Quý I/2023. Việc ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan đã có những chuyển biến tích cực, tạo cơ sở pháp lý cho việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tại địa phương, đến nay, có 17 bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành thông tư hướng dẫn.

Bộ Nội vụ đang tham mưu xây dựng Đề án Đổi mới cơ chế quản lý tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL), tiến hành tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các bộ ngành địa phương và chuyên gia để hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chính phủ xem xét quyết định bảo đảm đồng bộ với việc sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng hóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó đặc biệt lưu ý phương án sắp xếp ĐVSNCL thuộc lĩnh vực y tế và giáo dục.

Về quản lý biên chế, Bộ Nội vụ đang nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020; xây dựng Báo cáo trình Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế trong đó rà soát số liệu cụ thể về biên chế viên chức đang đảm nhiệm vị trí việc làm là công chức trong các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương; dự thảo văn bản báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ đề xuất Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị phê duyệt chủ trương về: (i) Điều chuyển số viên chức đang đảm nhiệm vị trí việc làm công chức trong các tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước thành công chức; (ii) Chuyển số người có mặt đang thực hiện vị trí việc làm công chức trong các tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước có cơ chế tài chính đặc thù chưa được giao biên chế công chức; đồng thời đề xuất Ban Tổ chức Trung ương hoặc Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát số lượng nhóm đối tượng nêu trên tại thời điểm 31/12/2022 để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị xem xét quyết định việc giao điều chuyển cho phù hợp, thời hạn báo cáo trước ngày 31/7/2023.

Về vị trí việc làm, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ phục vụ trong cơ quan tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ phục vụ trong ĐVSNCL; cùng với đó, Bộ Nội vụ đề xuất thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng vị trí việc làm trong các cơ quan tổ chức hành chính, ĐVSNCL (Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực là Trưởng ban) và dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong tháng 3/2023.

Tại địa phương, trên cơ sở các quy định mới của Chính phủ tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP⁽²⁸⁾ và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP⁽²⁹⁾, nhiều nơi đã tích cực rà soát, ban hành Đề án sắp xếp lại, kiện toàn tổ chức bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo thẩm quyền được giao, xác định rõ lộ trình và đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

Bộ Nội vụ đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Nghị định này quy định về nguyên tắc điều kiện, thẩm quyền, nội dung, hình thức và việc thực hiện kiểm định chất lượng đầu vào đối với người tham gia tuyển dụng vào làm công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức theo quy định tại Nghị định này áp dụng đối với người đăng ký tuyển dụng vào công chức thông qua hình thức thi tuyển. Bên cạnh đó Bộ Nội vụ đang hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung một số quy định của Chính phủ về cán bộ, công chức, viên chức để phù hợp với Nghị định số 06/2023/NĐ-CP nêu trên và về đánh giá xếp loại đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của Đảng; đã xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương về nội dung dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước trước khi trình Chính phủ. Trình Ban Cán sự đảng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 198-QĐ/TW (Tờ trình số 33-TTr/BCSD ngày 06/3/2023); báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ về “Đề án thí điểm mở rộng việc bố trí Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân, Chánh Thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ lãnh đạo cấp trưởng các ngành Công an, Thuế, Hải quan, ... không phải là người địa phương (Tờ trình số 1574- TTr/BCSDCP ngày 03/02/2023).

Các bộ, ngành đã chủ động, tích cực xây dựng và hoàn thiện các quy định về xác định vị trí việc làm của công chức và người làm việc trong ĐVSNCL theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Hầu hết các bộ, cơ quan ngang bộ đã xây dựng dự thảo thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, trong đó, Bộ

²⁸ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

²⁹ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nội vụ đã ban hành Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ; Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong ĐVSNNCL thuộc lĩnh vực lưu trữ.

5. Cải cách tài chính công

- Về quản lý nợ công, Bộ Tài chính tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp về quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, trên cơ sở nguyên tắc quản lý nợ công là đảm bảo nhiệm vụ huy động vốn vay để đáp ứng nhu cầu cân đối ngân sách Nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội với mức độ chi phí - rủi ro phù hợp; kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong từng thời kỳ; thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn trong nước.

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện trên cơ sở triển khai hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công. Bộ Tài chính đã tích cực chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, đẩy mạnh triển khai kết nối dữ liệu vào Kho cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản công. Việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại bộ, ngành, địa phương tiếp tục được Bộ Tài chính phối hợp, triển khai có kết quả.

- Công tác giải ngân vốn đầu tư công đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện quyết liệt, các bộ, ngành, địa phương vào cuộc chủ động, theo đó đã đạt được những kết quả cụ thể. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tính đến hết tháng 02/2023 đạt 6,97% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (thấp hơn cùng kỳ năm 2022, đạt 8,61%). Trong đó vốn trong nước đạt 6,79% kế hoạch và đạt 7,24% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (thấp hơn cùng kỳ năm 2022, đạt 9,22%); vốn ngoài nước đạt 0,40% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ năm 2022, đạt 0,20%); có 10 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 10%, một số bộ, địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt cao như: Điện Biên (23,44%), Tiền Giang (21,04%), Lâm Đồng (20,31%); có 19/63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 5%.

- Về đổi mới đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Bộ Tài chính đang tích cực rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Ngày 14/3/2023, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ về việc ban hành Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công (Tờ trình số 30/TTr-BTC), trong đó có đề xuất nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách ưu đãi khuyến khích xã hội hóa để triển khai thực hiện.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Ngay từ đầu năm, các bộ, ngành, địa phương đã tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020. Việc xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương góp phần đổi mới lề lối, phương thức làm việc, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành tiếp tục được khai thác, vận hành có hiệu quả, theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia trong tháng 02/2023 là 493.764 văn bản (gửi 91.394 văn bản, nhận 402.370 văn bản); lũy kế 02 tháng đầu năm 2023, số lượng văn bản điện tử, gửi, nhận qua Trục khoảng 1 triệu văn bản; từ khi khai trương (12/3/2019) đến nay Hệ thống có tổng số hơn 18.6 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet) tiếp tục phát huy hiệu quả, tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ 68 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 1.513 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn 532 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy).

Các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, thúc đẩy thực hiện với trọng tâm là đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/02/2023, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã có trên 489 nghìn tài khoản đăng ký; trên 16 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; trên 1 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích từ cổng; trên 1,2 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; trên 971 nghìn giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 273 tỷ đồng.

Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, tính đến ngày 21/02/2023, tổng số giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) trong tháng 02/2023 đạt 53.738.373; trung bình hằng ngày có khoảng 2,5 triệu giao dịch thực hiện thông qua NDXP; tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP từ khi khai trương đến nay là hơn 1,1 tỷ giao dịch.

Bên cạnh đó, một số cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tiếp tục được xây dựng và vận hành có hiệu quả. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến nay, CSDL quốc gia về dân cư đã kết nối chính thức với 13 đơn vị bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông và 57 địa phương để phục vụ khai thác thông tin. Trong tháng 02/2023 có hơn 42 triệu lượt tra cứu thông tin công dân, chủ yếu là các dịch vụ xác thực thông tin dân cư, xác thực số căn cước công dân, chứng minh nhân dân, xác thực thông tin hộ gia đình,... Hệ thống CSDL quốc gia về dân cư đã đáp ứng các địa phương tiếp cận, khai thác phục vụ giải quyết TTHC. Ngoài ra, đã hỗ trợ các đoàn thể xây dựng dữ liệu quản lý đoàn

viên, hội viên trên nền tảng CSDL quốc gia về dân cư (đến nay toàn quốc đã nhập thông tin của 1.930.502 hội viên Hội nông dân; 595.744 hội viên Hội người cao tuổi). Triển khai kết nối, làm sạch thông tin thuê bao di động của 03 nhà mạng viễn thông: Viettel, Mobifone, Vinaphone với 85.402.466 triệu yêu cầu đối sánh. Triển khai Đề án 06, BHXH Việt Nam đã phối hợp với Bộ Công an thực hiện xác thực thông tin công dân trong CSDL quốc gia về dân cư qua số Chứng minh nhân dân để đối chiếu, đồng bộ (lấy) số Căn cước công dân (CCCD) từ CSDL quốc gia về dân cư sang CSDL của BHXH, tính đến ngày 18/02/2023, đã hoàn thành xác thực đúng thông tin công dân của hơn 74 triệu nhân khẩu. Tính đến ngày 18/02/2023, toàn quốc đã có 12.268 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện tra cứu thông tin thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) bằng CCCD gắn chíp, chiếm 96% tổng số cơ sở khám chữa bệnh BHYT.

BHXH Việt Nam tiếp tục kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa BHXH với Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ Thông tin và Truyền thông); Bộ Tư pháp; Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính); Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Bộ Y tế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nội vụ; Văn phòng Chính phủ trong kết nối, cung cấp thông tin trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, thực hiện tổng hợp báo cáo số liệu hàng ngày, thống kê tình hình hỗ trợ các nhóm đối tượng. Dữ liệu từ BHXH cấp huyện trở lên được tự động cập nhật lên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ liên quan hoàn thiện quy trình để tích hợp, cung cấp các dịch vụ công.

- Về CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc: Tính đến ngày 21/02/2023, trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch đã có 33.070.276 dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có 8.410.979 trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định, 4.580.082 hồ sơ khai sinh có số định danh cá nhân được chuyển sang hệ thống của BHXH; 7.616.411 dữ liệu đăng ký kết hôn; 4.992.816 dữ liệu đăng ký khai tử và 8.947.684 dữ liệu khác.

- Về CSDL quốc gia về đất đai: Tiếp tục triển khai dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (dự án VILG), khối lượng xây dựng CSDL sau điều chỉnh là 250 huyện, thuộc 30 tỉnh, thành phố (trong đó, xây dựng mới CSDL là 160 huyện và chuyển đổi CSDL là 90 huyện), đã vận hành CSDL đất đai thường xuyên tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh của các tỉnh, thành phố. Đã hoàn thành kết nối, liên thông dữ liệu đất đai của 52/63 địa phương với Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia; kết nối dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu đất đai cấp địa phương với Nền tảng NDXP, Trung tâm điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và sẵn sàng chia sẻ dữ liệu cho các Bộ ngành, địa phương. Hiện nay tất cả 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai xây dựng CSDL đất đai với 217/705 đơn vị cấp huyện với 43 triệu thửa đất đã hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh của các tỉnh, thành phố; tiếp tục xây dựng CSDL 250 huyện, thuộc 30 tỉnh, thành phố, dự kiến hoàn thành 6/2023.

- Về CSDL quốc gia đăng ký doanh nghiệp: Hiện nay đã có thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của hơn 01 triệu doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; đã kết nối với CSDL quốc gia về bảo hiểm, Công Dịch vụ công quốc gia qua Trục liên thông văn bản quốc gia (VDXP); đã thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp với các Hệ thống: Hệ thống thông tin đầu tư nước ngoài, Hệ thống thông tin đấu thầu qua mạng; Hệ thống thông tin của một số Bộ, ngành và địa phương thông qua Trục tích hợp dữ liệu quốc gia (NGSP) như Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp đổi giấy phép kinh doanh vận tải, biển hiệu phù hiệu xe ô tô của Bộ Giao thông vận tải, Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian tới, tiếp tục mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống một cửa điện tử tại một số địa phương.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ; một số bộ chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật theo quy định, dẫn đến khó khăn cho tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Việc kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong giải quyết TTHC còn bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập, có nơi, có lúc gây phiền hà cho người dân; việc rà soát, đồng bộ kết quả giải quyết hồ sơ TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia ở một số nơi chưa kịp thời; việc số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hạn chế; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến có nơi còn hình thức, chưa hiệu quả.

- Tình trạng trễ hẹn trong giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ vẫn còn xảy ra ở các cấp hành chính, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội.

- Chế độ, chính sách cho công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể.

2. Nguyên nhân

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính ở một số nơi còn hạn chế, chưa quyết liệt, thiếu sáng tạo và chậm đổi mới; người đứng đầu ở một số bộ, cơ quan, địa phương chưa trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý, dẫn đến hiệu quả cải cách chưa cao.

- Một số nơi còn lúng túng, thiếu linh hoạt trong việc chỉ đạo xử lý các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức một số nơi còn hạn chế, chưa đồng đều và chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng công tác chuyên môn, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, ban hành các giải pháp cụ thể, thiết thực và tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan, địa phương.

Tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch kiểm tra năm 2023 đã phê duyệt. Bộ Nội vụ tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các bộ, các tỉnh và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2022, bảo đảm chính xác, khách quan và công bằng.

3. Các bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ. Bộ Nội vụ hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chí xác định số lượng cấp phó trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Tập trung ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tăng cường rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, quy định TTHC, điều kiện kinh doanh, bảo đảm thực chất, hiệu quả trên cơ sở lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Ban hành các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân theo Đề án 06. Khẩn trương nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để thực thi các phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Các bộ, cơ quan khẩn trương ban hành các văn bản pháp luật theo quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, nhằm thực hiện nghiêm quy định bỏ Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy, hướng dẫn đầy đủ, thống nhất việc sử dụng dữ liệu dân cư, mã số định danh cá nhân trong giải quyết TTHC cho người dân theo quy định của Luật Cư trú năm 2020 và các văn bản hướng dẫn.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoàn thành việc ban hành hướng dẫn vị trí việc làm của công chức, viên chức, tạo điều kiện cho các bộ, ngành khác và địa phương triển khai thực hiện; hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về đổi mới công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật để đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức,

viên chức, bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng và thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách phát hiện, trọng dụng nhân tài và chính sách liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh, góp phần nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

6. Tăng cường rà soát, tháo gỡ những rào cản về thể chế, cơ chế để nâng cao hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công tại các bộ, ngành, địa phương. Tổ chức triển khai có hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; phối hợp các bộ, ngành hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công ở các lĩnh vực có đủ điều kiện.

7. Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, hướng dẫn, chuẩn hóa quy trình, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP; ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp thôn, xóm, tổ dân phố để hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số xuất phát từ người dân, tiếp cận người dân và vì lợi ích của Nhân dân.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý I năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính Quý II năm 2023, Ban Chỉ đạo xin trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó TTg Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà (để b/c);
- TTr. Nguyễn Trọng Thừa;
- Các thành viên BCD;
- Lưu: VT, VP BCD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**THỦ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Nguyễn Trọng Thừa**

Phụ lục

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TẠI PHIÊN HỌP THỨ BA CỦA BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ VÀ QUA BÁO CÁO CCHC QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐCCHC ngày tháng năm 2023
của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ)

TT	ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
1.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none">- Kiến nghị với Chính phủ:<ul style="list-style-type: none">+ Một số văn bản quy định chi tiết Luật, nghị Quyết của Quốc hội được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ chủ trì soạn thảo trong một thời gian rất ngắn, cần có thời gian hợp lý để đảm bảo khả thi thực hiện.+ Trong năm 2022, Bộ đã trình Chính phủ 09 dự thảo Nghị định, Chính phủ đã ban hành (03) Nghị định; còn (06) Nghị định và (01) dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ chưa được xem xét ban hành. Ngoài ra, còn (03) dự thảo Nghị định được trình từ 2021 cũng chưa được Chính phủ xem xét, ban hành. Đề nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ tiếp tục hoàn thiện dự thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.+ Nghiên cứu, chỉ đạo rà soát ban hành khung luật pháp, chính trong các quy định về bản sao điện tử có chứng thực, giấy tờ có chữ ký số điện tử.- Đề nghị Bộ Nội vụ tăng cường hội thảo chuyên đề, đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về công tác CCHC đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn 2023 - 2030.- Đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm hoàn thiện chính thức vận hành hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ (Version 2) để thuận lợi trong theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện của các bộ, ngành.
2.	Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>Để khắc phục những tồn tại trong công tác cải cách hành chính, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao hiểu biết và nhận thức về CCHC cho cán bộ, công chức nhà nước, tổ chức và công dân.- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuyển đổi việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang tiêu chuẩn quốc

TT	ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
		<p>gia TCVN 9001:2015 bảo đảm theo đúng lộ trình và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể về việc số hóa TTHC; cách thức quản lý và triển khai đối với các TTHC đặc thù thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành khác.
3.	Thanh tra Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Nội vụ và các bộ, ngành sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về cơ cấu ngạch công chức; Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành; Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập. - Đề nghị xem xét tính đặc thù của một số cơ quan như Thanh tra Chính phủ trong việc triển khai dịch vụ công mức độ 3, 4 và xây dựng Cổng Dịch vụ công để sửa đổi Bộ tiêu chí chấm điểm CCHC cho phù hợp, khách quan.
4.	Thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ xem xét, sớm có chủ trương và chỉ đạo cụ thể về việc có tiếp tục thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý hay không để các bộ - ngành, địa phương có đủ thông tin, cơ sở pháp lý cần thiết để xây dựng kế hoạch thi tuyển trong thời gian tới. - Kiến nghị Bộ Nội vụ quy định số lượng tối đa thành viên Hội đồng thi tuyển và hướng dẫn về tỷ lệ thành viên Ban Thường vụ cấp ủy tham gia Hội đồng đảm bảo phù hợp với thực tiễn, nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị có thể mời thêm nhiều chuyên gia, nhà khoa học tham gia Hội đồng nhằm nâng cao chất lượng tuyển chọn. - Kiến nghị Bộ Nội vụ có hướng dẫn về các chức danh, chức vụ tương đương trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (cụ thể hóa Kết luận số 35-KL/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở) để có cơ sở triển khai thực hiện. - Kiến nghị Bộ Nội vụ và các bộ, ngành sớm giải quyết các kiến nghị của UBND Thành phố về xây dựng chính quyền đô thị và ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm, biên chế công chức từng lĩnh vực, phạm vi ngành để UBND cấp tỉnh triển khai thực hiện tại địa phương.

TT	ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
		<ul style="list-style-type: none"> - Trung ương, Bộ Nội vụ có văn bản hướng dẫn cụ thể việc giảm đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là ở lĩnh vực giáo dục, y tế (không tính chỉ tiêu giảm như lĩnh vực khác) vì đây là một yêu cầu rất khó khăn đối với một siêu đô thị đông dân bậc nhất như Thành phố Hồ Chí Minh. Hướng dẫn thống nhất về mô hình tổ chức bộ máy hoạt động của đơn vị Công báo cấp tỉnh để thống nhất tổ chức thực hiện. - Kiến nghị Bộ Xây dựng tổ chức tập huấn Luật Xây dựng, Luật Kiến trúc và các văn bản hướng dẫn thi hành; tập huấn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD). - Bộ Công Thương đề xuất các nước tham gia các hiệp định tham gia cấp C/O điện tử nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thông quan hàng hóa cho cộng đồng doanh nghiệp. - Bộ Tư pháp sớm hướng dẫn thực hiện mô hình, tổ chức hoạt động, thành lập Hội đồng quản lý đối với đơn vị sự nghiệp lĩnh vực Công chứng của địa phương. - Bộ Y tế kết cấu đủ các chi phí (nhất là chi phí khấu hao trang thiết bị) vào cơ cấu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Ban hành văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan về chính sách kiêm nhiệm, chính sách giải quyết đầu ra cho cán bộ dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại. - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần nghiên cứu đẩy mạnh hoàn thiện thể chế chính sách pháp luật về ĐVSNCL trong lĩnh vực VH TT. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao và quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Kiến nghị Chính phủ sớm thông qua phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị thuộc UBND quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
5.	Đà Nẵng	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Trung ương sớm ban hành định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng giá dịch vụ cho ngành giáo dục để có cơ sở thực hiện chính sách xã hội hóa, cơ chế tự chủ, cơ chế đặt hàng thuộc lĩnh vực giáo dục; từ đó góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương tinh giản biên chế đối với những người hưởng lương trực tiếp từ ngân sách nhà nước. - Chia sẻ cơ sở dữ liệu chuyên ngành từ các hệ thống do các bộ, ngành Trung ương triển khai với các địa phương để làm

TT	ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
		<p>cơ sở đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến toàn phần, 1 phần, kết nối các cơ sở dữ liệu với nhau để đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính.</p>
6.	Bình Dương	<p>- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ: Xem xét, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến tới người dân về lợi ích mang lại của chứng thực bản sao điện tử, khuyến khích người dân đăng ký tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, miễn giảm chi phí cho người dân khi thực hiện chứng thực bản sao điện tử. Đồng thời, yêu cầu các cơ quan, tổ chức cung ứng TTHC ngoài nhà nước chấp thuận các văn bản đã được chứng thực điện tử.</p> <p>Xem xét đơn giản hóa quy trình thanh toán trực tuyến trên Cổng cổng dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, ghi nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được xem như hình thức thanh toán trực tuyến để đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ Chỉ số 766.</p> <p>- Kiến nghị Bộ Nội vụ sớm có văn bản quy định về giá trị pháp lý và lưu trữ đối với hồ sơ TTHC điện tử để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ.</p>
7.	Kiên Giang	<p>- Kiến nghị Chính phủ xem xét ban hành quy định hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế tại địa phương quy định một số lĩnh vực chỉ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3 và 4), không tiếp nhận trực tiếp.</p> <p>- Kiến nghị Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư cho chuyển đổi số; thiết kế khung chương trình chuyển đổi số đảm bảo sự đồng bộ trong triển khai từ cấp Trung ương đến địa phương và huy động sự tham gia của các doanh nghiệp trong phát triển các nền tảng số, dịch vụ số.</p>
8.	Bắc Giang	<p>- Quy định cụ thể chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để làm căn cứ cho các tỉnh thực hiện (hiện nay Thông tư 172 năm 2012 quy định về mức chi cho công tác CCHC đã hết hiệu lực thi hành, Thông tư 26 năm 2019 thay thế Thông tư 172 và Thông tư 33 năm 2022 sửa Thông tư 26 không quy định cụ thể mức chi cho cán bộ một cửa. Do vậy, UBND tỉnh muốn trình HĐND tỉnh tăng mức phụ cấp cho cán bộ “một cửa” nhưng không có cơ sở).</p> <p>- Sửa đổi Thông tư 167 (năm 2012) về mức chi cho công</p>

TT	ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
		<p>tác kiểm soát thủ tục hành chính, vì sau hơn 10 năm thực hiện, mức chi đã không còn phù hợp tình hình thực tế nên không khuyến khích được cán bộ, công chức, viên chức tâm huyết với công việc.</p> <p>- Đề nghị Văn phòng Chính phủ có hướng dẫn cụ thể các giấy tờ phải số hóa khi tiếp nhận và giải quyết TTHC; hướng dẫn cụ thể việc tái sử dụng các thành phần hồ sơ của khi công dân, doanh nghiệp đến giải quyết TTHC; quy định việc tra cứu thông tin công dân, xác nhận số định danh cá nhân và chứng minh thư nhân dân; xác thực thông tin hộ gia đình thay cho các giấy tờ liên quan trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để đảm bảo đồng bộ trên toàn quốc; thống nhất cách tính thời gian giải quyết TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia với thời gian giải quyết TTHC của các bộ, ban, ngành.</p> <p>- Đề nghị Bộ Công an chia sẻ bổ sung các trường thông tin về biến động quá trình cư trú và thông tin về các thành viên trong hộ gia đình; bổ sung nội dung có thể in, trích xuất được giấy xác nhận thông tin về nơi cư trú trong phần mềm tra cứu thông tin của công dân giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có kết nối với Cổng dịch vụ công của các tỉnh.</p> <p>- Đề nghị các Bộ: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Y tế phối hợp với tỉnh để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm chuyên ngành và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.</p>
9.	Đắk Lắk	<p>- Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét việc liên thông dữ liệu giữa Hệ thống iGate với phần mềm nghiệp vụ của Bộ Tư pháp được ổn định, đảm bảo kết nối.</p> <p>- Đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét việc liên kết và đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đắk Lắk với phần mềm chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải.</p>
10.	Hà Tĩnh	<p>- Theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì các Bộ ngành Trung ương có trách nhiệm: “Hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ</p>

TT	ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
		<p>chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý”. Vì vậy, đề nghị các bộ, ngành kịp thời ban hành các Thông tư hướng dẫn để địa phương có đủ cơ sở pháp lý thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị các bộ, ngành kịp thời tham mưu danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành để địa phương có đầy đủ cơ sở pháp lý rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp đảm bảo đúng quy định theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP. - Đề nghị Bộ Nội vụ tổ chức đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện. - Đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể mô hình quản lý các di tích trên địa bàn tỉnh vì hiện nay chưa có quy định nào quy định cụ thể thẩm quyền quản lý các di tích và mô hình quản lý di tích ở các địa phương chưa có sự đồng nhất. - Kính đề nghị Ban Tổ chức Trung ương phối hợp Bộ Nội vụ giao kế hoạch biên chế đối với tỉnh Hà Tĩnh bổ sung số biên chế hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. - Kính đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể các địa phương triển khai thực hiện Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức. - Kiến nghị các bộ, ngành Trung ương kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP theo chuyên ngành được giao quản lý từ Trung ương đến địa phương, để thực hiện đồng bộ, thống nhất trong cả nước. - Kiến nghị các bộ, ngành Trung ương ban hành định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập để có cơ sở xây dựng kế hoạch biên chế gắn với thực hiện tinh giản biên chế viên chức.
11.	Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Chính phủ sớm trình Quốc hội ban hành “Luật Tổ chức thi hành pháp luật” để cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 làm cơ sở pháp lý cho việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thực hiện công tác thi hành pháp luật nói chung và theo dõi tình hình thi hành

TT	ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
		<p>pháp luật nói riêng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Văn phòng Chính phủ đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ kịp thời công bố và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC các TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để làm cơ sở cho các địa phương công bố, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên địa bàn. Kết nối, tích hợp phần mềm chuyên dùng của các bộ, ngành với Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tăng mức chi hỗ trợ cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC và bổ sung nội dung và mức chi công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ công chức này hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. - Đề nghị Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở để các địa phương triển khai đảm bảo đồng bộ, thống nhất và hiệu quả; ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng.
12.	Long An	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị chuyển đổi vị trí Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh từ trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh sang trực thuộc UBND tỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo sự thuận lợi cho việc phối hợp giải quyết hồ sơ giữa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh với các sở ngành; thành lập Trung tâm hành chính công cấp huyện trực thuộc UBND cấp huyện kết nối với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để thực hiện việc liên thông giải quyết hồ sơ giữa các cấp. - Kiến nghị Trung ương tăng nguồn vốn hỗ trợ cho các địa phương để các địa phương có đủ vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư kế cấu hạ tầng, trang thiết bị và trụ sở UBND cấp xã, nhằm góp phần thực hiện CCHC đạt hiệu quả cao.
13.	Thái Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị Bộ Công an hướng dẫn khi kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành Trung ương đảm bảo hiển thị đầy đủ các trường thông tin theo quy định; việc tra cứu thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thao tác đơn

TT	ĐƠN VỊ	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
		giản, hiệu quả (chỉ phải nhập mã định danh).
14.	Vĩnh Phúc	<p>- Đề nghị Bộ Nội vụ:</p> <p>+ Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý nhà nước về nội vụ làm cơ sở để các địa phương trình UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc thẩm quyền của địa phương.</p> <p>+ Phối hợp với các bộ, ngành ban hành thông tư hướng dẫn về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện hoặc Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp cấp huyện; quy định danh mục sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực để làm cơ sở cho các địa phương xác định đơn sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.</p> <p>+ Hướng dẫn việc phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt.</p> <p>- Đề nghị Bộ Tài chính: Sớm ban hành hướng dẫn việc giao vốn, tài sản cho ĐVSNCL để thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ làm cơ sở để các địa phương sớm triển khai thực hiện các nội dung được quy định trong Nghị định; đồng thời thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, giải đáp, học tập kinh nghiệm giữa các địa phương về các quy định hiện hành liên quan đến ĐVSNCL.</p>

Số: /BC-BCĐCCHC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO**Tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và kết quả kiểm tra,
rà soát tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong giải quyết
thủ tục hành chính tại các địa phương**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính

Thực hiện Công điện số 90/CĐ-TTg ngày 28/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy; trên cơ sở báo cáo của các địa phương về tình hình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và kết quả kiểm tra thực tế việc giải quyết TTHC có yêu cầu công dân cung cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ xác nhận thông tin cư trú tại 10 tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để nắm bắt, đánh giá tình hình tổ chức triển khai thực hiện Luật Cư trú năm 2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công (Nghị định số 104/2022/NĐ-CP); Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo tại các địa phương (Chỉ thị số 05/CT-TTg), Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã có Công văn số 05/BCĐCCHC ngày 03/3/2023 về việc báo cáo tình hình tiếp nhận và giải quyết TTHC gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu báo cáo các nội dung liên quan đến tình hình tiếp nhận và giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là việc kết nối, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư trong thực hiện các TTHC có yêu cầu thành phần hồ sơ là sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, xác nhận thông tin cư trú.

Ngày 03/3/2023, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Quyết định số 04/QĐ-BCĐCCHC về việc thành lập Tổ Công tác của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (Ban Chỉ đạo) về kiểm tra,

rà soát tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong giải quyết TTHC. Trên cơ sở đó, Tổ Công tác của Ban Chỉ đạo đã tổ chức 02 Đoàn kiểm tra do Chánh văn phòng Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ làm Trưởng đoàn, các thành viên Đoàn kiểm tra gồm có: Đại diện Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước; Vụ Cải cách hành chính). Theo đó, từ ngày 07/3/2023 đến ngày 17/3/2023 Đoàn đã tiến hành kiểm tra tại 20 đơn vị hành chính cấp xã, 11 đơn vị hành chính cấp huyện của 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gồm: Bắc Giang; Bắc Ninh; Vĩnh Phúc; Hà Nam; Hưng Yên; Thành phố Hồ Chí Minh; Cần Thơ; Long An; An Giang và Bình Dương) để nắm bắt tình hình, kết quả, những thuận lợi và khó khăn, vướng mắc trong tiếp nhận và giải quyết TTHC tại các địa phương, việc kết nối, chia sẻ, khai thác CSDL quốc gia về dân cư trong giải quyết TTHC; kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, bảo đảm thực hiện nghiêm quy định tại Luật Cư trú năm 2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP và Đề án 06; đặc biệt là việc không yêu cầu người dân xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Công điện số 90/CĐ-TTg ngày 28/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp theo đó, ngày 10/3/2023, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 1058/BNV-CCHC về việc đẩy mạnh thực hiện thanh tra công vụ, đảm bảo thực hiện bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy trong giải quyết TTHC, trong đó, yêu cầu Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh thực hiện thanh tra công vụ gắn với kiểm tra cải cách hành chính và đảm bảo thực hiện bỏ thành phần sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy trong hồ sơ giải quyết các TTHC, không để gây mất niềm tin của người dân đối với cơ quan hành chính nhà nước.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Các địa phương xác định việc triển khai thực hiện các quy định mới của Luật cư trú năm 2020, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Đề án 06 và Chỉ thị số 05/CT-TTg là nhiệm vụ trọng tâm; theo đó, đã quan tâm đẩy mạnh các hoạt động hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo quán triệt triển khai nghiêm túc, đầy đủ các quy định nhằm triển khai có hiệu quả việc khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức trong thực hiện TTHC; đồng thời, một số địa tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06 của địa phương.

Công an các tỉnh đã chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tập trung triển khai các nhiệm vụ tạo lập, hoàn thiện CSDL chuyên ngành để triển khai kết nối với CSDL quốc gia về dân cư; thực hiện kết nối chính thức CSDL quốc gia về dân cư với Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, thành phố,... Theo đó, bước đầu đã thực hiện kết nối, chia sẻ, xác thực thông tin công dân thông qua CSDL quốc gia về dân cư và Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết TTHC để phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng những thông tin đã có trong CSDL quốc gia về dân cư thì không yêu cầu người dân khai báo lại.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật cư trú năm 2020, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Đề án 06, đặc biệt là việc sử dụng 07 phương thức khai thác thông tin công dân thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú trong giải quyết TTHC được các địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện, theo đó bước đầu đã thực hiện niêm yết công khai các phương thức thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy trong giải quyết TTHC tại trụ sở cơ quan, Bộ phận Một cửa các cấp; đồng thời đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng như báo, đài phát thanh và truyền hình của địa phương.

2. Tình hình, kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC

Theo báo cáo của địa phương và thực tế kiểm tra, nhìn chung, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp, thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại địa phương. Các địa phương đã tích cực rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền; rà soát, đánh giá tình hình giải quyết TTHC để sắp xếp, bố trí nhân sự một cách hợp lý, hiệu quả dựa trên tần suất giao dịch, khối lượng công việc tại Bộ phận Một cửa các cấp. Bên cạnh đó, các địa phương tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC; tăng cường kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu; đẩy mạnh tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nhất là 25 dịch vụ công thiết yếu³⁰ phục vụ người dân, doanh nghiệp; rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; công khai, cập nhật danh mục và nội dung TTHC thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng dịch vụ công của tỉnh và các kênh thông tin khác theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu và thực hiện TTHC; tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết TTHC và tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo báo cáo, tổng số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại các địa phương từ 1.622 TTHC đến 2.667 TTHC (chi tiết Phụ lục I kèm theo), trong đó chia ra:

³⁰ Gồm các dịch vụ công quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTG: Xác nhận sổ Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân; Cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân; Đăng ký thường trú; Đăng ký tạm trú; Khai báo tạm vắng; Thông báo lưu trú; Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy; Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội); Đăng ký khai sinh; Đăng ký khai tử; Đăng ký kết hôn; Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông; Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu; Thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu; Liên thông đăng ký khai sinh đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí; Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình; Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân; Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe; Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng; Cấp phiếu lý lịch tư pháp; Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp; Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện); Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện).

- Tổng số TTHC đang thực hiện tại cấp tỉnh: Từ 1.286 TTHC đến 1.866 TTHC;
- Tổng số TTHC đang thực hiện tại cấp huyện: Từ 202 TTHC đến 649 TTHC;
- Tổng số TTHC đang thực hiện tại cấp xã: Từ 90 TTHC đến 244 TTHC;

Số liệu thống kê TTHC có yêu cầu thành phần hồ sơ là sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy, giấy xác nhận thông tin cư trú tại các địa phương, theo báo cáo có khoảng 267 TTHC tập trung chủ yếu trên các lĩnh vực, như: Xây dựng; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Giáo dục và Đào tạo. Các TTHC này có ở cả 3 cấp hành chính, là: Cấp tỉnh; cấp huyện và cấp xã.

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC đúng và trước hạn tiếp tục được duy trì ở mức cao, bình quân cả nước đạt trên 98% (chi tiết Phụ lục II kèm theo).

3. Tình hình, kết quả triển khai Đề án 06 gắn với giải quyết TTHC và triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện Đề án 06, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về việc thực hiện Luật Cư trú năm 2020 và thực hiện các phương thức thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy hết giá trị sử dụng sau ngày 31/12/2022. Một số địa phương đã thành lập Tổ công tác Đề án 06, ban hành kế hoạch triển khai, kiểm tra, khảo sát kết quả thực hiện Đề án 06, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP và hướng dẫn các phương thức khai thác thông tin của công dân thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.

Theo báo cáo của các tỉnh, hiện nay việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC và chỉ đạo điều hành giữa các bộ, ngành, địa phương đã đạt được một số kết quả nhất định. Theo đó, tại một số địa phương đã thực hiện kết nối thành công và ổn định giữa các phần mềm, CSDL của địa phương với CSDL quốc gia về dân cư đối với 10/18 CSDL³¹ chuyên ngành; còn 08 CSDL³² chưa kết nối thành công do các yêu cầu về kết nối, an toàn bảo mật,... Một số địa phương bước đầu đã tổ chức hướng dẫn công chức, viên chức sử dụng 07 phương thức để khai thác, sử dụng thông tin trong CSDL quốc gia về dân cư, thẻ căn cước công dân (CCCD) khi giải quyết TTHC, thực hiện dịch vụ công; niêm yết công khai 07 phương thức khai thác thông tin công dân³³ thay thế sổ hộ

³¹ (1) Bảo hiểm xã hội; (2) Điện lực; (3) Cục thuế tỉnh; (4) Giáo dục & Đào Tạo; (5) Kế hoạch và Đầu tư; (6) Y tế; (7) Giao thông vận tải; (8) Lao động - Thương binh và Xã hội; (9) Sở Tư pháp; (10) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

³² (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; (2) Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng; (4) Cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý tài sản, thu nhập; (5) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Khoa học và Công nghệ; (6) Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; (7) Cơ sở dữ liệu bản án, quyết định của Tòa án; (8) Cơ sở dữ liệu thông tin Quyết định thi hành các biện pháp ngăn chặn đối với công dân đang trong quá trình điều tra; (9) Cơ sở dữ liệu thống kê tư pháp, thống kê tội phạm; các Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công chức viên chức trong ngành; (10) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

³³ Sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú; Sử dụng thiết bị đọc mã QR Code trên căn cước công dân gắn chip; Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước công dân; Tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; Sử dụng ứng dụng VneID; Sử dụng giấy xác nhận thông tin về cư trú; Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

khẩu, sổ tạm trú trong giải quyết TTHC. Hầu hết các địa phương đã cung cấp tài khoản trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia cho cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ TTHC, đồng thời hướng dẫn, tập huấn cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để sử dụng thành thạo quy trình khai thác, tra cứu thông tin về nơi cư trú của công dân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh có kết nối với CSDL quốc gia về dân cư; yêu cầu cán bộ, công chức khi tiếp nhận giải quyết TTHC xác thực thông tin về nơi cư trú thông qua CCCD, không yêu cầu người dân xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy.

Việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư để xác thực, định danh, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã được các địa phương triển khai có kết quả. Việc đồng bộ các nội dung đăng ký khai sinh, cấp số định danh cá nhân của công dân và thực hiện an sinh xã hội tại cấp xã trên cơ sở triển khai giải pháp dùng chung hạ tầng bước đầu đã được các địa phương triển khai, tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện TTHC.

Thực hiện Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và DVCTT của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, các địa phương đã ban hành danh mục DVCTT toàn trình và DVCTT một phần, đặc biệt là trong thực hiện các TTHC có yêu cầu thành phần hồ sơ là sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, xác nhận thông tin cư trú để công dân, biết khi thực hiện giải quyết TTHC. Các DVCTT đã được triển khai thống nhất, tạo thuận lợi cho công tác số hóa hồ sơ để chia sẻ dữ liệu, trong đó các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ TTHC đã được một số địa phương lưu trên hệ thống Cổng dịch vụ công; giúp cán bộ, công chức tra cứu, cập nhật thông tin TTHC dễ dàng, đầy đủ và chính xác. Từng bước tạo lập thói quen, thay đổi nhận thức của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC; nâng cao ý thức đối với việc khai báo, đồng bộ các thông tin cá nhân của công dân trên hệ thống quản lý dữ liệu; người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không cần phải mang theo nhiều giấy tờ như trước đây,...

b) Những khó khăn, vướng mắc:

Việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với các phần mềm, CSDL chuyên ngành của một số bộ, ngành còn gặp nhiều khó khăn, thường có lỗi xảy ra (ví dụ như lĩnh vực: Tư pháp, Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế,...); Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các địa phương chưa kết nối, liên thông được với phần mềm chứng thực điện tử trên Cổng dịch vụ công (DVC) quốc gia; việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực hộ tịch chưa được đồng bộ, ngoài dữ liệu khai sinh, các thông tin hộ tịch khác (như: tình trạng hôn nhân, thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, đăng ký giám hộ, đăng ký khai tử,...) chưa được cập nhật, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa 03 cơ quan thuế, đăng kiểm và hải quan vẫn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, chưa đồng nhất, dữ liệu chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời, dẫn đến một số trường hợp không thể tra cứu, nộp hồ sơ trên Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC của Bộ Công an. Việc tra cứu thông tin của

công dân còn một số tồn tại, bất cập như: Có trường hợp chưa hiển thị được đầy đủ các trường thông tin theo yêu cầu (20 trường thông tin); thông tin trong CSDL quốc gia về dân cư còn thiếu, sai lệch, không trùng khớp với thông tin hộ tịch,...

Việc kết nối liên thông giữa Phần mềm một cửa điện tử và các phần mềm chuyên ngành dùng chung (Phần mềm Lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp,...) đôi khi còn lỗi kết nối, một số địa phương chưa thể kết nối giữa Phần mềm một cửa điện tử và các phần mềm chuyên ngành dùng chung, theo đó đã gặp không ít khó khăn trong quá trình thực hiện và số hóa kết quả giải quyết TTHC,...

Theo phản ánh của các tỉnh, hiện nay Phiếu lý lịch tư pháp đang sử dụng mẫu in thống nhất của Bộ Tư pháp nên không thể thực hiện ký số trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của địa phương khi liên thông với Phần mềm một cửa, điều này gây khó khăn cho việc thực hiện quy trình “ký số, chuyển điện tử, in kết quả, đóng dấu, trả kết quả”. Việc kết nối, chia sẻ giữa Phần mềm một cửa điện tử với CSDL quốc gia về dân cư tại một số địa phương có một số nội dung kết nối chưa thông suốt, hiển thị chưa đầy đủ, ví dụ như: Yêu cầu về xác thực thông tin hộ gia đình (mã 034) chưa trả về kết quả tổng số thành viên trong hộ; tra cứu thông tin công dân (mã 037) trả về kết quả 26 trường thông tin, tuy nhiên mới có 14 trường thông tin có dữ liệu (thiếu dữ liệu về bố, mẹ, vợ/chồng, thông tin trong hộ gia đình), do đó gây khó khăn trong khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC.

4. Tình hình, kết quả thực hiện các TTHC có yêu cầu thành phần hồ sơ là sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, xác nhận thông tin cư trú

a) Kết quả đạt được:

- Nhìn chung, UBND các tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo, ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện triển khai, quán triệt thực hiện nghiêm Luật Cư trú năm 2020, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP và Đề án 06, trong đó, tập trung rà soát, tham mưu và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định của địa phương có liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC, cung cấp DVCTT bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; triển khai các nhiệm vụ liên quan đến việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú trên CSDL quốc gia về dân cư để giải quyết TTHC. Các địa phương đã tổ chức quán triệt đến tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và Bộ phận Một cửa các cấp về việc không yêu cầu người dân xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC; đồng thời, yêu cầu các cơ quan, đơn vị tăng cường rà soát, kiểm tra và xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định trong tiếp nhận và giải quyết TTHC; đẩy mạnh nâng cấp các hệ thống thông tin giải quyết TTHC bảo đảm việc kết nối, tích hợp với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ việc tra cứu thông tin về cư trú trong thực hiện TTHC. UBND một số tỉnh đã ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra, khảo sát việc thực hiện các nội dung theo Đề án 06 và triển khai các phương thức sử dụng thông tin về cư trú để phục vụ giải quyết TTHC, đề kịp thời hỗ trợ các đơn vị, địa phương khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Qua thực tế kiểm tra tại các địa phương, đa số UBND các tỉnh đã có văn bản chỉ đạo triển khai việc kết nối, khai thác CSDL quốc gia về dân cư trong giải quyết TTHC. Một số tỉnh đã tích cực, chủ động chỉ đạo thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với việc khai thác CSDL quốc gia về dân cư, triển khai thực hiện Đề án 06, thực hiện nghiêm việc bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy trong giải quyết TTHC, có sự hướng dẫn, triển khai đồng bộ, tích cực của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Theo báo cáo, một số địa phương có số lượng truy cập vào CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC nhiều, như: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bắc Giang,...

- Về hạ tầng kỹ thuật: Trên cơ sở phân quyền khai thác 20 trường dữ liệu CSDL quốc gia về dân cư của Bộ Công an, các địa phương đã chủ động triển khai, thực hiện kết nối với phần mềm tiếp nhận và giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp, triển khai cấp tài khoản cho công chức tiếp nhận và giải quyết TTHC để khai thác CSDL quốc gia về dân cư. Theo đó, đa số các địa phương đã có thể kết nối, khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC.

- Về cán bộ, công chức: Qua kiểm tra thực tế, một số địa phương đã triển khai tập huấn hoặc có tài liệu hướng dẫn công chức sử dụng, khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC (Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Cần Thơ); đội ngũ công chức có thái độ, tinh thần trách nhiệm tốt, có kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ vững, biết truy cập, khai thác CSDL quốc gia về dân cư trong giải quyết TTHC,... (điển hình như: Các phường Trần Phú, Thọ Xương của thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Bộ phận Một cửa thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Quận 1, Tp Hồ Chí Minh; Phường 7 thành phố Tân An, Bộ phận Một cửa thành phố Tân An, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An,...).

- Về trang bị, hạ tầng kỹ thuật: Bộ phận Một cửa các cấp của một số địa phương được bố trí ở vị trí thuận lợi, trang bị cơ sở vật chất tốt phục vụ người dân, doanh nghiệp; trong số 10 tỉnh được kiểm tra chỉ có Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương duy nhất đã trang bị máy quét, đầu đọc mã vạch, chíp trên CCCD cho công chức tại Bộ phận Một cửa, kinh phí do các quận tự triển khai, có nơi đã triển khai đến cấp phường; tuy nhiên việc triển khai không đồng đều giữa các quận.

b) Khó khăn, vướng mắc:

- Quá trình khai thác CSDL quốc gia về dân cư để giải quyết một số TTHC còn gặp khó khăn, cụ thể là thủ tục về Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do thông tin công dân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC không có đầy đủ quá trình di biến động của công dân nên rất khó khăn cho việc đối soát thông tin, tìm kiếm hồ sơ, theo đó, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã phải thực hiện việc xác minh quá trình cư trú từ công an cấp xã.

- Chỉ công dân Việt Nam, có CCCD mới đăng ký được hồ sơ trực tuyến, trong khi đó các TTHC về hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện có yếu tố nước ngoài đòi hỏi người đăng ký thực hiện TTHC có liên quan đến người nước ngoài sẽ không thực hiện được, trong khi đó, Hệ thống chưa hỗ

trợ người nước ngoài đăng ký tài khoản để thực hiện các TTHC về hộ tịch có liên quan đến yếu tố nước ngoài.

- Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thường xuyên bị lỗi đăng nhập; chỉ tra cứu được tình trạng hôn nhân của công dân theo nơi cư trú, không tra cứu được tình trạng hôn nhân của công dân nếu công dân đăng ký kết hôn bên vợ hoặc bên chồng ở địa phương khác,... do đó đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện TTHC.

- Việc kết nối giữa các phần mềm phục vụ tra cứu thông tin của cá nhân trên hệ thống dữ liệu dân cư còn gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật hệ thống kết nối còn chậm, tắc nghẽn, mất nhiều thời gian trong việc tra cứu thông tin cá nhân.

- Các địa phương, nhất là đơn vị hành chính cấp xã chưa có thiết bị công nghệ thông tin đọc mã QR Code, thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD phục vụ tra cứu, giải quyết TTHC theo quy định mới,...

- Việc triển khai cung cấp DVCTT còn chưa thực chất, tình trạng cán bộ, công chức Bộ phận Một cửa dùng tài khoản cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thay cho công dân còn phổ biến ở nhiều địa phương; nhiều địa phương chưa thực hiện số hóa, tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- Một số công dân khi thực hiện TTHC không có thiết bị điện tử thông minh; trình độ, kiến thức công nghệ thông tin chưa đồng đều, nhiều người dân chưa được tiếp xúc nhiều với máy tính, internet, khả năng tiếp cận và nâng cao kỹ năng số của công dân còn hạn chế đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả cung cấp DVCTT tại địa phương.

- Một số TTHC lĩnh vực đất đai mặc dù thành phần hồ sơ không có yêu cầu nộp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, xác nhận thông tin cư trú tuy nhiên trong quá trình thực hiện cần xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp để làm cơ sở giải quyết thì cần có thông tin về nơi thường trú của công dân (Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất). Đối với thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ CCCD, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất cần phải nộp thêm các giấy tờ: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc CCCD mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận; do đó khi thực hiện giải quyết các TTHC này cần có các thông tin về nơi thường trú khi thay đổi. Một số TTHC trong lĩnh vực đất đai cần xác định có sai sót thông tin của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất so với giấy tờ pháp nhân hoặc nhân thân tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất, do đó cần thông tin về thường trú của các thành viên hộ gia đình làm cơ sở giải quyết TTHC (ví dụ: Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp).

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của nhiều địa phương mới chính thức kết nối với CSDL quốc gia về dân cư (có địa phương mới kết nối từ đầu tháng 3/2023 - tỉnh Hòa Bình), do đó việc khai thác các thông tin về dân cư trên CSDL quốc gia còn gặp nhiều khó khăn, chưa thực sự thông thạo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Các địa phương đã có sự chủ động trong chỉ đạo triển khai việc thực hiện giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong giải quyết TTHC; đã tích cực triển khai cung cấp DVCTT.

- Một số địa phương đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn, cấp tài khoản cho công chức Bộ phận Một cửa các cấp để truy cập vào phần mềm, khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC; một số địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa công an với Bộ phận Một cửa các cấp trong việc khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC người dân.

- Công tác tuyên truyền về DVCTT và việc khai thác, sử dụng CSDL quốc gia về dân cư phục vụ tiếp nhận và giải quyết TTHC cơ bản đã được các địa phương triển khai bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả trong giải quyết TTHC cho người dân.

- Đa số các địa phương đã có thể thực hiện kết nối giữa phần mềm một cửa điện tử của địa phương với CSDL quốc gia về dân cư để khai thác, phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT cho tổ chức, công dân. Một số địa phương đã thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác CSDL quốc gia về dân cư trong giải quyết TTHC thống suốt từ cấp tỉnh, cấp huyện, đến cấp xã (ví dụ như: Bắc Giang,...).

- Công tác số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC đã được các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện nhằm tái sử dụng thông tin, giấy tờ đã được số hóa, có giá trị pháp lý để người dân, doanh nghiệp chỉ cần cung cấp một lần.

- Chất lượng giải quyết TTHC ngày càng được nâng lên; tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC đúng và trước hạn luôn đạt ở mức cao.

2. Tồn tại, hạn chế

- Nhiều quy định pháp luật để thực hiện Luật Cư trú năm 2020 và quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP chưa kịp thời sửa đổi, theo đó quá trình thực hiện tại địa phương còn gặp khó khăn³⁴.

³⁴ Theo văn bản số 1472/VPCP-KSTT ngày 09/3/2023 của Văn phòng Chính phủ, hiện có 267 TTHC còn có quy định yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú; 48 văn bản của các bộ, ngành, địa phương cần phải rà soát, sửa đổi để triển khai thực hiện

- Chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể, thống nhất về việc tra cứu, khai thác thông tin công dân, xác nhận số định danh cá nhân, xác thực thông tin hộ gia đình,... trên CSDL quốc gia về dân cư thay cho các giấy tờ liên quan trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (Phần mềm Một cửa điện tử) của các địa phương và việc lưu trữ, bổ sung thông tin khai thác từ CSDL quốc gia về dân cư trong hồ sơ TTHC để đảm bảo tính pháp lý, khoa học, đồng bộ, thống nhất trong quy trình giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân.

- Vẫn còn tình trạng công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa chưa được cấp tài khoản hoặc được cấp tài khoản khai thác CSDL quốc gia về dân cư nhưng không sử dụng mà vẫn yêu cầu người dân cung cấp giấy tờ tùy thân hoặc xác nhận thông tin về cư trú (Bắc Ninh, An Giang, Cần Thơ); trong thành phần hồ sơ giải quyết TTHC đã tiếp nhận từ đầu năm 2023 có sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ xác nhận thông tin cư trú còn xuất hiện tại một số địa phương (Bắc Ninh, An Giang, Hà Nam, An Giang,...) và trên một số lĩnh vực (đất đai, tư pháp,...), đặc biệt là những nơi chưa thực hiện tốt việc kết nối, khai thác CSDL quốc gia về dân cư trong giải quyết TTHC.

- Về cán bộ, công chức: Tại một số địa phương cán bộ, công chức chưa được tập huấn, hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ về truy cập, khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC cho công dân (ở hầu hết các địa phương được kiểm tra).

- Về hạ tầng kỹ thuật: Việc đồng bộ dữ liệu giữa các CSDL chuyên ngành, bao gồm cả CSDL quốc gia về dân cư và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các địa phương còn gặp nhiều khó khăn, vì vậy đã xảy ra tình trạng kết quả giải quyết TTHC, hồ sơ của công dân thực hiện trên Cổng DVC không đồng bộ được vào các CSDL chuyên ngành để bảo đảm tính cập nhật, thống nhất (cụ thể là: Kết quả giải quyết TTHC, hồ sơ trên Cổng DVC không đồng bộ vào CSDL quốc gia về dân cư; không đồng bộ kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực tài chính, giao thông vận tải, lý lịch tư pháp, kế hoạch đầu tư, Công an, bảo hiểm,... với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành). Nhìn chung, tốc độ đường truyền tại các địa phương đa số chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, thường xuyên xảy ra tình trạng quá tải, nghẽn mạng, gián đoạn, nhất là thời điểm có nhiều công dân cùng truy cập sử dụng DVCTT. Hầu hết các địa phương chưa trang bị máy quét, đầu đọc mã vạch, chíp trên CCCD cho công chức tại Bộ phận Một cửa để thực hiện, sử dụng 07 phương thức khai thác thông tin công dân thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Việc số hóa hồ sơ, kết quả TTHC còn chậm, chưa đạt yêu cầu, có nơi nhận thức chưa đầy đủ về việc số hóa các hồ sơ, giấy tờ trong giải quyết TTHC (chỉ thực hiện scan tài liệu lưu trên phần mềm chứ chưa có ký số, chưa xác thực chữ ký số để tái sử dụng). Tỷ lệ số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn thấp, chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tái sử dụng lại các thành phần hồ sơ của công dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC.

- Việc cập nhật, công khai TTHC một số nơi còn chưa kịp thời, chưa đúng quy định (vẫn công khai tờ khai, mẫu đơn hết hiệu lực); một số nơi công chức chưa thực hiện tốt việc hướng dẫn giải quyết TTHC, dẫn đến người dân phải đi lại nhiều lần gây bức xúc.

- Thực trạng các thuê bao điện thoại không chính chủ còn khá phổ biến, dẫn đến khó khăn trong việc tạo lập tài khoản trên Cổng DVC quốc gia để thực hiện DVCTT. Hệ thống tiếp nhận hồ sơ trực tuyến của Bộ Công an trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú và cấp, quản lý CCCD thường xuyên bị lỗi, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến.

- Thời gian giải quyết TTHC chưa có sự thống nhất giữa tính ngày làm việc hay là ngày (ví dụ: Lĩnh vực tư pháp tính thời gian là các ngày làm việc, trên CSDL quốc gia tính thời gian là ngày, theo đó có nghĩa tính cả ngày nghỉ cuối tuần, ngày nghỉ lễ).

- Chưa có dịch vụ hoàn tiền phí, lệ phí đối với người dân, tổ chức khi thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị đề xuất đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương nhanh chóng thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành có nội dung quy định liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về nơi cư trú để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật cư trú năm 2020, hạn chế sử dụng thông tin nơi cư trú là điều kiện để thực hiện các TTHC. Theo đó các bộ, ngành, địa phương cần rà soát để sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền có nội dung quy định liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về nơi cư trú; sớm ban hành quyết định công bố các TTHC được sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP.

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh việc xây dựng CSDL chuyên ngành theo hướng tập trung để đảm bảo tích hợp, chia sẻ dùng chung phục vụ phát triển kinh tế xã hội, quản lý xã hội nói chung và việc giải quyết TTHC nói riêng.

- Chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan có giải pháp, hướng dẫn các địa phương trang bị máy quét, đầu đọc mã vạch, chíp trên căn cước công dân cho công chức tại Bộ phận Một cửa các cấp để khai thác dữ liệu dân cư phục vụ công tác giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Chỉ đạo Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương, địa phương đẩy mạnh thông tin, truyền thông, tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức chung cho đội ngũ công chức, người dân, doanh nghiệp đối với việc bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy, thay bằng các phương thức theo quy định tại Nghị định 104/2022/NĐ-CP, Đề án 06.

2. Kiến nghị, đề xuất cụ thể đối với một số bộ, ngành

a) Đối với Văn phòng Chính phủ:

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan chủ động nâng cấp hệ thống kết nối và đường truyền của Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC của Bộ Công an, CSDL quốc gia về dân cư để đảm bảo kết nối thông suốt, tránh tình trạng bị nghẽn mạng, quá tải.

- Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Công an nghiên cứu hướng dẫn các địa phương đối với trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin đó không có trong CSDL quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin do cơ quan nhà nước tạo lập thì cho phép cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công gửi văn bản đến cơ quan đăng ký cư trú, quản lý về thông tin của công dân để xác nhận, cung cấp thông tin.

- Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan sớm có hướng dẫn, kết nối liên thông trên phạm vi toàn quốc việc đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi đồng bộ trên phạm vi toàn quốc (hiện nay nhiều địa phương chưa thực hiện được đăng ký thường trú); liên thông đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí (đến nay, chưa có văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn việc tích hợp liên thông đối với 03 TTHC nêu trên).

- Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu, đề xuất giải pháp để tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC trên những lĩnh vực trọng tâm, với những chỉ tiêu cụ thể, khả thi, hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b) Đối với Bộ Công an:

- Đề nghị Bộ Công an phối hợp với các bộ, ngành có liên quan kiểm tra, rà soát, khắc phục tình trạng các hồ sơ được tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công không được đồng bộ sang CSDL quốc gia về dân cư; khắc phục tồn tại liên quan đến việc cấp số định danh cá nhân cho trẻ em mới sinh bị treo trên hệ thống cấp khai sinh của cơ quan tư pháp các cấp.

- Đề nghị phối hợp với các bộ, ngành xác thực, cập nhật, làm sạch dữ liệu và kết nối, chia sẻ CSDL quốc gia về dân cư phục vụ tra cứu, giải quyết TTHC; chia sẻ bổ sung các trường thông tin từ CSDL quốc gia về dân cư đối với 02 dịch vụ: Dịch vụ xác thực thông tin hộ gia đình; dịch vụ tra cứu thông tin công dân để phục vụ giải quyết TTHC của các địa phương.

- Bộ Công an đề xuất Chính phủ bố trí và cấp nguồn kinh phí cho việc thực hiện Đề án 06 để đảm bảo nguồn lực cũng như việc đồng bộ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao tại địa phương.

- Bộ Công an phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC trong việc khai thác thông tin cư trú của công dân trong CSDL quốc gia về dân cư để

thực hiện nghiêm việc bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú trong giải quyết TTHC, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; có hướng dẫn cụ thể việc tra cứu thông tin công dân, xác nhận số định danh cá nhân và chứng minh thư nhân dân, xác thực thông tin hộ gia đình thay cho các giấy tờ liên quan trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên toàn quốc.

c) Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Đề nghị tăng cường hướng dẫn, kiểm tra các địa phương về tình hình cung ứng DVCTT bảo đảm thống nhất, hiệu quả, thực chất, khách quan.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương với CSDL quốc gia về dân cư, CSDL chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia thông suốt 24/7.

d) Đối với các Bộ: Giao thông vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Tư pháp; Tài chính; Y tế và Thanh tra Chính phủ

- Đề nghị các Bộ: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Y tế phối hợp, hỗ trợ các địa phương trong kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm chuyên ngành và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các địa phương.

- Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Văn phòng Chính phủ, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với phần mềm chứng thực điện tử trên Cổng DVC quốc gia.

- Đề nghị Thanh tra Chính phủ hướng dẫn cụ thể về phương hướng triển khai ứng dụng phần mềm quản lý hồ sơ khiếu nại, tố cáo liên thông đến sở, ngành, UBND cấp huyện và hệ thống công nghệ thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập để chủ động thực hiện các nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, quản lý tài sản, thu nhập.

3. Kiến nghị, đề xuất chung đối với các bộ, ngành và địa phương

- Đề nghị các bộ, ngành kịp thời hướng dẫn cụ thể cho các địa phương về việc triển khai các DVCTT toàn trình và một phần thuộc 25 TTHC thiết yếu được quy định trong Đề án 06 triển khai theo ngành dọc; gấp rút hoàn thiện, đưa các thủ tục còn lại thuộc 25 TTHC thiết yếu được quy định trong Đề án 06 lên DVCTT toàn trình và một phần theo quy định.

- Đề nghị các bộ, ngành rà soát quy định TTHC để thống nhất cách tính thời gian giải quyết TTHC trên Cổng DVC quốc gia với thời gian giải quyết TTHC được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các bộ, ban, ngành.

- Đề nghị các bộ, ngành đẩy mạnh rà soát, có giải pháp kỹ thuật để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm chuyên ngành của các bộ, ngành, CSDL quốc gia về dân cư và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương, bảo đảm thông suốt, đồng bộ.

- Các bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai các quy định tại Luật cư trú năm 2020, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP và Đề án 06, trong đó chú trọng kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc cấp tài khoản, kết nối, chia sẻ, khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC cho công dân, bảo đảm nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Đề nghị các địa phương khẩn trương thực hiện: Hoàn thành việc kết nối, cấp tài khoản khai thác CSDL quốc gia về dân cư cho cán bộ, công chức tại Bộ phận Một cửa các cấp; đẩy mạnh tập huấn, hướng dẫn công chức tiếp nhận và giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp trong việc khai thác, sử dụng CSDL quốc gia về dân cư trong giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân; tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp, chấm dứt tình trạng tiếp nhận và giải quyết TTHC tại phòng chuyên môn; kiên quyết xử lý, kỷ luật những trường hợp không thực hiện đúng quy định, cố tình gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu người dân gây bức xúc trong dư luận; đẩy mạnh việc số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, rà soát tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong giải quyết TTHC tại các địa phương; Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ xin trân trọng báo cáo Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Trần Lưu Quang (để b/c);
- PTTg Trần Hồng Hà (để b/c);
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà;
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Các thành viên BCD;
- Các bộ: Công an, Thông tin và Truyền thông; Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Nội vụ: Cục VTLTNN, Vụ CCHC (để t/h);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VP BCD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Phạm Thị Thanh Trà**

Phụ lục I

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐANG THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐCCHC ngày tháng 4 năm 2023
của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ)

STT	Tỉnh/ Thành phố	Toàn tỉnh	Chia theo			
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cơ quan ngành dọc
1	An Giang	1,614	1,250	214	98	52
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	2,026	1,519	338	169	
3	Bạc Liêu	1,643	1,286	206	123	
4	Bắc Giang	1,972	1,522	287	163	
5	Bắc Kạn	1,896	1,426	312	158	
6	Bắc Ninh	1,775	1,344	229	178	
7	Bến Tre	1,752	1,387	243	114	8
8	Bình Dương					
9	Bình Định	2,082	1,548	372	162	
10	Bình Phước	1,859	1,372	224	91	
11	Bình Thuận	1,868	1,479	330	162	58
12	Cà Mau	1,996	1,518	314	164	
13	Cao Bằng	1,724	1,382	236	106	
14	Cần Thơ	1,865	1,459	267	139	
15	Đà Nẵng	1,955	1,556	272	127	
16	Đắk Lắk	1,622	1,319	212	91	
17	Đắk Nông	1,910				

STT	Tỉnh/ Thành phố	Toàn tỉnh	Chia theo			
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cơ quan ngành dọc
18	Điện Biên	1,782	1,364	271	147	58
19	Đồng Nai	1,972	1,539	313	120	123
20	Đồng Tháp	1,831	1,397	276	161	145
21	Gia Lai	1,948	1,491	284	173	
22	Hà Giang	1,944	1,561	241	142	
23	Hà Nam	1,756	1,441	202	113	
24	Hà Nội	1,875	1,479	284	112	
25	Hà Tĩnh	1,751	1,383	254	114	
26	Hải Dương	1,932	1,496	296	140	
27	Hải Phòng	2,343	1,738	353	252	
28	Hậu Giang	1,867	1,438	274	155	
29	Hòa Bình	1,878	1,498	262	118	
30	TP. Hồ Chí Minh	1,766	1,436	212	118	
31	Hưng Yên	1,843	1,443	271	129	
32	Khánh Hòa	1,985	1,460	327	198	
33	Kiên Giang	1,911	1,512	266	133	
34	Kon Tum	1,752	1,437	215	100	
35	Lai Châu	1,921	1,536	265	120	
36	Lạng Sơn	1,798	1,426	263	109	
37	Lào Cai	1,960	1,501	314	145	
38	Lâm Đồng	1,860	1,402	293	165	

STT	Tỉnh/ Thành phố	Toàn tỉnh	Chia theo			
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cơ quan ngành dọc
39	Long An	1,813	1,484	259	129	
40	Nam Định	1,749	1,419	230	100	
41	Nghệ An	2,667	1,866	649	152	
42	Ninh Bình	1,867	1,482	270	115	
43	Ninh Thuận	1,754	1,383	260	111	
44	Phú Thọ	1,871	1,445	274	152	
45	Phú Yên	1,877	1,508	250	119	
46	Quảng Bình	1,996	1,485	325	186	
47	Quảng Nam	1,952	1,469	322	161	
48	Quảng Ngãi	1,751	1,347	263	141	
49	Sóc Trăng	1,839	1,443	270	126	
50	Sơn La	1,750	1,308	288	154	
51	Tây Ninh	1,862	1,455	273	134	
52	Thái Bình	1,766	1,407	238	121	
53	Thái Nguyên	1,882	1,470	285	127	
54	Thanh Hóa	2,111	1,520	347	244	
55	Tiền Giang	1,849	1,535	224	90	
56	Trà Vinh	1,832	1,423	275	134	
57	Tuyên Quang	1,855	1,497	241	117	
58	Vĩnh Long	1,675	1,380	204	91	

STT	Tỉnh/ Thành phố	Toàn tỉnh	Chia theo			
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cơ quan ngành dọc
59	Vĩnh Phúc	1,792	1,368	285	139	
60	Quảng Ninh	1,794	1,380	292	122	
61	Quảng Trị	1,893	1,514	258	121	
62	Thừa Thiên Huế	2,143	1,625	388	130	
63	Yên Bái	2,227	1,689	424	114	

Phụ lục II

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 14/3/2023)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCDCCHC ngày tháng 4 năm 2023 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ)

STT	Cơ quan thực hiện	Số lượng hồ sơ tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Tỷ lệ phần trăm đúng hạn và trước hạn (%)	Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
			Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn		Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
1	An Giang	161,810	160,474	45,050	115,354	70	100.0%	1,336	1,323	13
2	Bà Rịa - Vũng Tàu		1,246,902		1,226,431	20,471	98.4%			
3	Bạc Liêu	700,906	692,309					9		
4	Bắc Giang	751,744		737,980			99.3%			
5	Bắc Kạn	206,843	204,928		204,543	385	99.8%	2	2	199
6	Bắc Ninh	1,633,016	1,631,488	240,390	1,391,012	86	99.9%	1,528	1,528	0
7	Bến Tre	1,492,589	1,449,951	1,445,809		4,142	99.7%	30,717	16,286	22
8	Bình Dương									
9	Bình Định	706,159	698,043	696,426		1,617	99.8%	8,113		

STT	Cơ quan thực hiện	Số lượng hồ sơ tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Tỷ lệ phần trăm đúng hạn và trước hạn (%)	Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
			Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn		Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
23	Hà Nam	277,485	276,072	272,641	2,163	1,268		1,413		
24	Hà Nội	4,514,829	4,458,276					56,553		
25	Hà Tĩnh	666,437	643,713					22,704		
26	Hải Dương	1,481,056	1,461,586	1,251,317	205,575	4,694		17,521	16,192	1,329
27	Hải Phòng	1,346,950	1,331,970					14,980		
28	Hậu Giang	426,165	346,697							
29	Hòa Bình	513,693	503		502,074	1,288		10	10,300	31
30	TP. Hồ Chí Minh	22,343,787	22,305,247		22,267,892	37,355	99.8%	82,459		
31	Hung Yên	769,220	764	365	398,050	193		6	6	0
32	Khánh Hòa	755	719		709,386	9,277				
33	Kiên Giang	2,957,233	2,747,962					149,143		
34	Kon Tum	403	388		383			7		

STT	Cơ quan thực hiện	Số lượng hồ sơ tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Tỷ lệ phần trăm đúng hạn và trước hạn (%)	Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
			Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn		Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
35	Lai Châu	133	131,700	69,018	62,161	521		3,809	3,743	66
36	Lạng Sơn	355,503	348		334,630	13				
37	Lào Cai	514,326			506,050	4,912	98.4%	3364	3,124	240
38	Lâm Đồng	1.385.909	1,385,909		1.376.341	10				
39	Long An	1.478.743	1.461.152	837265	619.176	4.711		17579		
40	Nam Định	888								
41	Nghệ An	4,779,340			4,472,020	112,441		18,485		
42	Ninh Bình									
43	Ninh Thuận	685,418	676,786		676,611	175	100.0%			
44	Phú Thọ	864,534	864,531		859,813	4,718	99.5%			
45	Phú Yên	613,028	573,656		546,602	27,054	95.3%			
46	Quảng Bình	694,140	0							

STT	Cơ quan thực hiện	Số lượng hồ sơ tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Tỷ lệ phần trăm đúng hạn và trước hạn (%)	Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
			Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn		Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
59	Vĩnh Phúc	288,808	713,778		699,750	14,028	98.0%	718,709	726,027	
60	Quảng Ninh	1,582,981								
61	Quảng Trị									
62	Thừa Thiên Huế	503,958	464,973	220,734	216,144	28,095	94.0%			
63	Yên Bái	471,152	460,594	406,305	54,184	105	97.7%	5,542	5,535	7

THAM LUẬN

Những điểm nghẽn trong triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; kiến nghị và giải pháp

Bộ Công an

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Qua hơn 01 năm triển khai thực hiện Đề án “*Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030*” (Đề án 06), các mục tiêu có tính chất nền tảng đã cơ bản hoàn thành đúng tiến độ; Đề án đã được triển khai đi vào những nội dung cụ thể, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ là “sâu sát, quyết liệt, làm việc nào dứt điểm việc đó”. Nhiều nhiệm vụ đã đạt kết quả tốt, được doanh nghiệp, người dân đồng tình ủng hộ, nhiều giải pháp phát triển kinh tế, xã hội được thúc đẩy, tạo ra giá trị cho Chính phủ, doanh nghiệp và người dân... Tuy nhiên, Cơ quan Thường trực Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ đã xác định còn **04 nhóm vấn đề** là nguy cơ nếu không giải quyết dứt điểm sẽ không hoàn thành các nhiệm vụ năm 2023 và làm chậm lộ trình triển khai Đề án, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về hoàn thiện thể chế

Thực trạng hiện nay cho thấy: thể chế pháp luật chuyên ngành phù hợp với phương thức quản lý dân cư hiện đại trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa được hoàn thiện, cụ thể: chưa hoàn thành việc thực thi 19 Nghị quyết chuyên đề về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư. Việc rà soát, sửa đổi các văn bản quy định việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy còn chậm; chưa hoàn thiện thể chế liên quan đến số hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu; các quy định về giao dịch điện tử còn rải rác tại nhiều văn bản của nhiều cấp, nhiều quy định đã không còn phù hợp với thực tiễn song việc rà soát, đề xuất sửa đổi còn chậm. Những vấn đề trên dẫn đến nguy cơ không đủ cơ sở pháp lý để triển khai các nhóm nhiệm vụ của Đề án 06.

Thứ hai, về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị

Hiện nay mới chỉ có 5 bộ, 12 địa phương đáp ứng toàn bộ các yêu cầu, còn

lại mới chỉ đáp ứng một phần hoặc chưa khắc phục các điểm yếu bảo mật, phần lớn hệ thống của các Bộ, ngành được đầu tư từ lâu hoặc đang đi thuê, chưa sẵn sàng cho công tác số hóa và việc đẩy mạnh giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử. Kênh truyền Internet, thiết bị đầu cuối chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng để thực hiện thuận tiện, ổn định các thủ tục trên môi trường điện tử. Những vấn đề trên dẫn đến nguy cơ không đảm bảo về tài nguyên hệ thống phục vụ xử lý nghiệp vụ và lưu trữ dữ liệu khi cung cấp dịch vụ công cho người dân với số lượng truy cập lớn, tài liệu cần số hóa nhiều. Không thể đảm bảo yêu cầu để kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm cung cấp tiện ích cho người dân. Tiềm ẩn nguy cơ bị tấn công hệ thống gây thất thoát dữ liệu của Chính phủ, người dân.

Thứ ba, về dịch vụ công

Các dịch vụ công trực tuyến mới chỉ đơn thuần chuyển từ môi trường giấy sang môi trường điện tử, chưa quan tâm tái cấu trúc quy trình, các trải nghiệm của người dùng nên dịch vụ công trực tuyến còn chưa thực sự thuận lợi, đơn giản, nhiều trường hợp vừa phải làm thủ công, vừa làm trực tuyến gây mất thời gian. Việc số hóa, tái sử dụng dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử còn rất hạn chế nên chưa giúp cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính cũng như nâng cao năng suất lao động của cán bộ công chức. Các biểu mẫu điện tử chủ yếu vẫn yêu cầu người dân tự điền và tải lên để nộp, chưa thiết kế các biểu mẫu tương tác, hỗ trợ điền các thông tin sẵn có. Việc áp dụng chữ ký số công cộng đối với người dân khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến chưa cao. Do đó, nguy cơ người dân khó khăn trong thực hiện các thủ tục hành chính thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến, gây mất niềm tin.

Thứ tư, về nguồn lực

Về kinh phí: Các bộ, ngành, địa phương còn chậm trong quá trình tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả, khó khăn, vướng mắc trong đầu tư công nghệ thông tin phục vụ triển khai thực hiện Đề án 06, nội dung báo cáo chưa rõ ràng, cụ thể. Về nguồn lực con người: Cán bộ, công chức chưa được đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ trên môi trường điện tử. Nhiều cán bộ, công chức, viên chức chưa nắm rõ được các nhiệm vụ trong triển khai Đề án 06/CP; chưa có kỹ năng giải quyết các thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công trực tuyến. Chưa có quy định cơ chế vị trí việc làm, đào tạo, chế độ chính sách đối với lực lượng thực hiện Đề án 06 nói chung, thực hiện công tác quản trị hệ thống, đảm bảo an ninh an toàn thông tin để các đơn vị có thể tuyển dụng, duy trì nguồn nhân lực chuyên trách. Do đó, nguy cơ không bố trí được kinh phí để đầu tư, triển khai Đề án 06. Cán bộ, công chức không đủ năng lực làm việc, không hướng dẫn được người dân thực hiện; không thu hút được cán bộ có trình độ, năng lực để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trên môi trường điện tử.

Từ thực trạng và những nguy cơ được xác định nêu trên, Bộ Công an kiến nghị Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

Một là, Bộ Nội vụ khẩn trương hoàn thành hướng dẫn về lưu trữ điện tử để các bộ, ngành, địa phương thực hiện lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. **Bộ Thông tin và Truyền thông** nghiên cứu, sửa đổi các quy định pháp lý liên quan đến việc cấp, quản lý Chữ ký số công cộng cho người dân, tổ chức theo hướng tiện lợi cho tổ chức, cá nhân trong ký các giấy tờ, tài liệu khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. **Các bộ, ngành** đẩy nhanh việc thực thi 19 Nghị quyết chuyên đề về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ của công dân liên quan đến quản lý dân cư. Rà soát tổng thể văn bản quy phạm pháp luật theo hướng sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, sản phẩm số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, các tiện ích của Thẻ căn cước công dân gắn chip, tài khoản định danh điện tử để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân.

Hai là, Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị khẩn trương triển khai các giải pháp về công nghệ lâu dài và để khắc phục tạm thời trong giai đoạn thực hiện thủ tục đầu tư. **Bộ Công an** phối hợp, hỗ trợ các đơn vị lưu trữ dữ liệu gồm các trường thông tin liên quan đến công dân cho các cơ quan, đơn vị chưa có hệ thống để tận dụng tối đa về dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, sẵn sàng khi các cơ quan, đơn vị xây dựng hệ thống chuyên ngành của mình. **Các bộ, ngành** khẩn trương rà soát, đề xuất đầu tư thiết bị, hạ tầng đường truyền; xây dựng quy trình, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

Ba là, các bộ, ngành, địa phương rà soát đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công trực tuyến đã cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm. **Bộ Công an** chịu trách nhiệm cung cấp công cụ cho người dân: Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử, nghiên cứu giải pháp tích hợp chữ ký số công cộng trong tài khoản định danh điện tử qua ứng dụng VNeID.

Bốn là, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an báo cáo Chính phủ giải pháp bảo đảm kinh phí cho các bộ, ngành, địa phương trong việc nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính. **Bộ Nội vụ** nghiên cứu, đề xuất văn bản quy định về đào tạo, tập huấn, các chế độ chính sách đối với nhân lực thực hiện các nhiệm vụ trên môi trường điện tử. **Bộ Công an** phối hợp Đại học Bách khoa khai thác nền tảng giáo dục trực tuyến đại chúng mở MOOC, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương tự xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao kiến thức cho cán bộ, giảm chi phí đào tạo truyền thống.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

**Kết quả cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số
trong ngành Tài chính, những bài học kinh nghiệm thành công**

Bộ Tài chính

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Thời gian qua, Bộ Tài chính đã bám sát chủ trương của Đảng, Nhà nước với quan điểm lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ để chỉ đạo triển khai nhiều hoạt động cải cách, hiện đại hóa.

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo đó, Bộ Tài chính đã triển khai đồng bộ các giải pháp cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tiếp tục xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Bộ Tài chính số và nền kinh tế số, từng bước đưa ứng dụng công nghệ thông tin trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực cho quá trình quản lý và điều hành ngân sách - tài chính. Một số kết quả nổi bật có thể kể đến như sau:

Từ năm 2022 đến nay, Bộ Tài chính đã ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) để cắt giảm **134** TTHC; đơn giản hoá **169** TTHC thuộc lĩnh vực quản lý. Theo đó, tổng số TTHC thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính còn hiệu lực là **800** TTHC, đã giảm **96** TTHC so với cùng kỳ năm 2021 (khoảng **12%**). Trong đó, Bộ Tài chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với **359** TTHC, đạt tỷ lệ trên **45%**; và đã thực hiện tích hợp **296** dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Cùng với đó, Bộ Tài chính tiếp tục vận hành ổn định, hiệu quả Bộ phận Một cửa Bộ Tài chính và triển khai số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa từ tháng 6/2022. Về cơ bản, các TTHC lĩnh vực Tài chính ngày càng được hoàn thiện theo hướng thống nhất, đơn giản, công khai, minh bạch, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận và thực hiện TTHC, bước đầu hình thành cơ sở dữ liệu điện tử về hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC.

Với việc xác định “đẩy mạnh hiện đại hóa, phát triển nền tảng tài chính số trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin gắn với chuyển đổi số” là một trong các đột phá trong Chiến lược Tài chính đến năm 2030, Bộ Tài chính đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Tài chính đến năm 2025, định hướng đến năm

2030 và Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Tài chính năm 2022, năm 2023. Tại Kế hoạch đã xác định được các nhiệm vụ trọng tâm, phân giao rõ trách nhiệm của đơn vị chủ trì cũng như đơn vị phối hợp trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Đây là căn cứ pháp lý để các đơn vị triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Tài chính.

Đồng thời, triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Theo đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú; đã hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư với CSDL quốc gia về tài chính (CSDL về thuế); thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính có liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện TTHC; ...

Ngoài ra, Bộ Tài chính đã tập trung triển khai có hiệu quả các hệ thống thông tin lớn, cốt lõi bám sát chương trình chuyển đổi số, trong đó đặc biệt chú trọng hỗ trợ trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp như lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc:

(i) Về cải cách, hiện đại hoá TTHC và các dịch vụ thuế

- Dịch vụ khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế điện tử đã được triển khai tại **100%** Cục Thuế và Chi cục Thuế địa phương. Đến nay, đã có trên **99%** doanh nghiệp sử dụng dịch vụ khai, nộp và hoàn thuế điện tử; đã hoàn thành triển khai hóa đơn điện tử cho **100%** doanh nghiệp, tổ chức và hộ, cá nhân kinh doanh,...

- Triển khai hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: Tính đến nay, đã có hơn **9 nghìn** doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với số lượng hoá đơn được khởi tạo từ máy tính tiền là trên **1,6 triệu** hoá đơn.

- Bộ Tài chính đã chính thức triển khai triển khai ứng dụng thuế điện tử trên nền tảng thiết bị di động (eTax Mobile) và Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp ở nước ngoài (Etaxvn.gdt.gov.vn). Các ứng dụng này đã góp phần xây dựng một xã hội số minh bạch, thuận tiện và giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp, giúp cho công tác quản lý thuế ngày một hiệu quả hơn.

- Bộ Tài chính cũng tiếp tục hoàn thiện các chính sách để tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử (TMĐT), kinh doanh xuyên biên giới. Ngày 15/12/2022, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã khai trương Cổng tiếp nhận thông tin thương mại điện tử. Đến nay, số lượng sản TMĐT gửi dữ liệu cung cấp thông tin đến cơ quan thuế là **285** sản với **304** lượt nộp hồ sơ.

(ii) Về cải cách TTHC, xây dựng hải quan thông minh

Bộ Tài chính triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất, nhập khẩu, hướng tới xây dựng mô hình Hải quan thông minh. Đến nay, đã hoàn thành mục tiêu 5E³⁵ về ứng dụng công nghệ thông tin. Hệ thống

³⁵ E-Declaration; E-Payment, E-C/O, E Permit và E-Manifest.

Hải quan số và Mô hình Hải quan thông minh sẽ cho phép doanh nghiệp khai báo thủ tục hải quan mọi lúc, mọi nơi, trên mọi công cụ. Đồng thời, thời gian thông quan hàng hóa nhanh chóng, giảm chi phí logistics; được sử dụng phần mềm khai báo miễn phí do cơ quan Hải quan cung cấp; chỉ thực hiện khai thông tin hàng hóa một lần để thực hiện nhiều TTHC thông qua hệ thống một cửa quốc gia; dễ dàng theo dõi tiến trình xử lý của các cơ quan quản lý nhà nước trong chuỗi cung ứng.

Việc quản lý, vận hành Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống CNTT tập trung của ngành Hải quan luôn ổn định 24/7, đảm bảo an ninh, an toàn, thông suốt. Cụ thể: **99,7%** doanh nghiệp tại **100%** đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc tham gia hệ thống VNACCS/VCIS; **13** Bộ, ngành tham gia kết nối với **250** TTHC được đưa lên Cơ chế một cửa quốc gia với trên **55 nghìn** doanh nghiệp tham gia; trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ điện tử với **09** nước ASEAN. Triển khai thành công Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng, kho, bãi (VASSCM) tại **33/35** Cục Hải quan tỉnh, thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp cảng, kho, bãi, giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tăng cường hiệu quả giám sát của cơ quan hải quan.

Qua đó, đã giúp giảm thiểu giấy tờ, rút ngắn thời gian, giảm chi phí thực hiện các TTHC trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thay đổi căn bản phương thức quản lý kiểm tra chuyên ngành, tiến tới hội nhập quốc tế và phát triển mạnh mẽ các dịch vụ hải quan số.

(iii) Về cải cách TTHC, định hướng xây dựng kho bạc số

Thời gian qua, Bộ Tài chính đã tích cực hiện đại hóa trong công tác quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN) qua Kho bạc Nhà nước (KBNN) theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch về quy trình và TTHC; hiện đại về công nghệ; đảm bảo quản lý chặt chẽ NSNN hướng đến mục tiêu xây dựng Kho bạc điện tử, Kho bạc số với 3 “không” (“Không khách hàng tại trụ sở”, “Không tiền mặt” và “Không giấy tờ”).

Hiện nay, **100%** TTHC toàn trình lĩnh vực kho bạc đã được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; hoạt động giao dịch với KBNN 24/7 (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ) với số lượng giao dịch hồ sơ chứng từ chi NSNN phát sinh qua DVCTT đạt trên **99,6%** lượng chứng từ chi của toàn quốc trên TABMIS. Số giao dịch qua DVCTT ngày càng tăng mạnh đã đáp ứng kịp thời nhu cầu chi tiêu của đơn vị cũng như đưa nguồn vốn NSNN kịp thời vào triển khai các dự án đầu tư, sớm phát huy hiệu quả.

KBNN tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát từ xa tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC trong công tác kiểm soát chi NSNN khi chương trình ứng dụng Tiện ích tra cứu dữ liệu DVCTT phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đã đi vào hoạt động ổn định; kết quả khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của hệ thống KBNN năm 2022 đạt **94,5%**.

Mô hình thanh toán điện tử liên ngân hàng tập trung và liên thông các hệ thống công nghệ thông tin đã được KBNN triển khai thành công. Đây là bước

cải tiến lớn trong công cuộc hiện đại hóa của hệ thống KBNN. Ngoài ra, KBNN đã mở rộng phối hợp thu NSNN và thanh toán song phương điện tử với các ngân hàng thương mại; Phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan đẩy mạnh thu phí, lệ phí, thu phạt qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; Triển khai thí điểm thanh toán tự động các khoản chi điện, nước, dịch vụ viễn thông theo ủy quyền của các đơn vị sử dụng ngân sách tại KBNN Hà Nội, KBNN Thành phố HCM...

Đánh giá chung: Trong nhiều năm qua, Bộ Tài chính luôn tiên phong trong xây dựng, hoàn thiện thể chế, cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số trong ngành Tài chính. Điều đó đã khẳng định sự quyết tâm của Bộ Tài chính trong việc tạo ra những thay đổi căn bản, mang tính đột phá khi chuyển từ phương thức quản lý dịch vụ công dựa trên giấy tờ, giao tiếp trực tiếp sang phương thức quản lý tự động, hiện đại, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin, trên cơ sở đó đã mang lại nhiều lợi ích cho xã hội, thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước. Qua những kết quả đạt được, Bộ Tài chính rút ra một số bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số của ngành như sau:

Một là, sự quyết tâm chính trị và vào cuộc của người đứng đầu trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch, xác định các TTHC trọng tâm ưu tiên để đề ra các giải pháp cải cách phù hợp, ưu tiên và phân bổ nguồn lực hợp lý, tránh sự đầu tư dàn trải, thiếu đồng bộ gây lãng phí nguồn lực của nhà nước, của xã hội. Đồng thời, phải có cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác cải cách TTHC, chuyển đổi số.

Hai là, cải cách TTHC phải đặt người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả của các giải pháp cải cách. Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính thường xuyên lấy ý kiến đánh giá, khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về việc giải quyết TTHC và triển khai DVCTT để làm cơ sở hoàn thiện về chính sách, quy trình và nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực Tài chính.

Ba là, cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số phải xuất phát và thực hiện được việc chuyển đổi về nhận thức. Thời gian qua, Bộ Tài chính đã đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức ngành Tài chính, người dân, doanh nghiệp và xã hội, góp phần thay đổi tư duy, cách làm việc thủ công sang môi trường số. Từ sự thay đổi tư duy, nhận thức và quyết tâm của các cơ quan, đơn vị trong ngành để dẫn dắt thay đổi tư duy, nhận thức và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp.

Bốn là, tập trung phát triển hạ tầng số rộng khắp, hiện đại, trong đó đặc biệt quan tâm phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ và các đơn vị trực thuộc; ưu tiên đầu tư các Hệ thống, ứng dụng, phần mềm để phục vụ việc giải quyết TTHC, nhất là trong các lĩnh vực như thuế, hải quan, kho bạc.

Năm là, chuẩn hoá tất cả quy trình, nghiệp vụ giải quyết TTHC, tái cấu trúc các TTHC trong lĩnh vực tài chính trên nền tảng Công Dịch vụ công quốc gia, đồng bộ với hệ thống văn bản QPPL; kết nối xác thực với cơ sở dữ liệu dân cư, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu về tài chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng thuận tiện, đảm bảo công khai minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Nâng cao chất lượng thẩm định quy định thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Bộ Tư pháp

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Cải cách hành chính luôn được Đảng, Nhà nước ta đặt biệt quan tâm thực hiện, trong đó cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là khâu đột phá, góp phần quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngày 15 tháng 7 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết 76/NQ-CP về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, trong đó đặt ra mục tiêu cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện... Trong quá trình kiểm soát chất lượng quy định TTHC thì thẩm định quy định TTHC là một khâu bắt buộc theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), nhằm góp phần kiểm soát chất lượng quy định TTHC, hỗ trợ cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo kịp thời phát hiện những bất cập về TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), dự án, dự thảo văn bản QPPL.

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Kết quả đạt được

Cơ quan lập đề nghị, chủ trì soạn thảo đã tuân thủ quy định về hồ sơ thẩm định đề nghị xây dựng văn bản QPPL có liên quan đến TTHC (*có đánh giá tác động TTHC trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách*), dự án, dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC (*có Báo cáo đánh giá tác động TTHC/Bản đánh giá TTHC*) theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Công tác thẩm định quy định TTHC trong đề nghị văn bản QPPL, dự án, dự thảo văn bản QPPL luôn được Bộ Tư pháp chú trọng thực hiện, bảo đảm

kiểm soát chặt chẽ quy định TTHC ngay trong quá trình đề nghị xây dựng văn bản QPPL, dự án, dự thảo văn bản QPPL, bảo đảm chỉ ban hành những TTHC thật sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý với chi phí tuân thủ thấp nhất theo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả thẩm định quy định TTHC từ năm 2019 - 2022 như sau:

Năm	Số TTHC	Luật	Pháp lệnh	Nghị định	Quyết định của TTg	Thông tư
2019	340	110	13	194	7	16
2020	471	54	0	385	09	23
2021	398	57	0	319	13	09
2022	581	173	0	392	08	08

Ý kiến thẩm định quy định TTHC từ năm 2019 - 2022 như sau:

Năm	Số TTHC	Đề nghị không quy định		Đề nghị sửa đổi	
		TTHC	Tỷ lệ %	TTHC	Tỷ lệ %
2019	340	10	3,4	178	52,35
2020	471	12	2,54	329	69,85
2021	398	03	0,75	307	77,13
2022	581	01	0,17	454	78

Ý kiến thẩm định về quy định TTHC tập trung vào sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ TTHC. Ngoài ra, đối với các quy định về điều kiện kinh doanh thì ý kiến thẩm định nêu rõ những vấn đề liên quan đến việc đơn giản hóa các thủ tục mà doanh nghiệp phải thực hiện như: *Đánh giá sự cần thiết, phù hợp của các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh, đánh giá các quy định liên quan đến hồ sơ, quy trình thực hiện, thời gian giải quyết thủ tục hành chính; các quy định nhằm nâng cao trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc tạo điều kiện và bảo đảm nguồn lực hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh....*

Chất lượng ý kiến thẩm định quy định TTHC ngày càng được nâng cao; được các cơ quan, đơn vị chủ trì lập đề nghị, soạn thảo tiếp thu tại cuộc họp thẩm định, tạo cơ sở để hoàn thiện quy định TTHC trong quá trình xây dựng văn bản QPPL, góp phần nâng cao chất lượng quy định TTHC, chất lượng xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác thẩm định quy định TTHC còn một số tồn tại, hạn chế sau đây:

- Về hồ sơ: Vẫn còn hồ sơ gửi cơ quan thẩm định mà Báo cáo đánh giá tác động của chính sách không có nội dung đánh giá tác động TTHC; không có Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ dự án, dự thảo văn bản QPPL. Vì vậy, một số hồ sơ bị trả lại để hoàn thiện, bổ sung đánh giá tác động TTHC theo đúng quy định, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng xây dựng văn bản QPPL; chất lượng một số Bản đánh giá tác động TTHC vẫn còn hình thức, chưa đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 07/2014/TT-BTP (đã được thay thế bởi Thông tư số 03/2022/TT-BTP).

- Ý kiến thẩm định về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ TTHC của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL, dự án, dự thảo văn bản QPPL tại một số báo cáo thẩm định còn chưa thật sự sâu sắc.

- Việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định về quy định TTHC của một số cơ quan lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa thật sự thỏa đáng.

Từ đó dẫn đến thực tế là một số văn bản QPPL có quy định về TTHC vẫn chưa thực sự được đơn giản hóa, chưa thuận tiện cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

3. Nguyên nhân

Tồn tại, hạn chế trong công tác thẩm định quy định TTHC nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Một là, nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác thẩm định nói chung và thẩm định quy định TTHC nói riêng từ phía các cơ quan, đơn vị chưa thực sự đầy đủ, đúng đắn; thậm chí chỉ coi thẩm định là một thủ tục để hoàn chỉnh hồ sơ trình, nên chất lượng hồ sơ gửi thẩm định còn hạn chế, chưa được quan tâm, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định trong đó có ý kiến thẩm định về quy định TTHC trước khi trình Chính phủ.

Hai là, việc tiếp thu ý kiến thẩm định về quy định TTHC vào một số báo cáo thẩm định của đơn vị chủ trì thẩm định chưa được đầy đủ, rõ ràng.

Ba là, số lượng đề nghị, dự án, dự thảo văn bản QPPL thẩm định rất lớn, trong khi việc bố trí cán bộ cho công tác kiểm soát TTHC chưa xứng tầm, mặt khác còn phải thực hiện nhiều công việc chuyên môn khác.

II. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng thẩm định quy định TTHC trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL và dự án, dự thảo văn bản QPPL trong thời gian tới, Bộ Tư pháp đề xuất một số giải pháp cụ thể sau đây:

1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác thẩm định

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) , Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Thông tư số 03/2022/TT-BTP; đặc biệt là các quy định về trách nhiệm, nhiệm vụ của các cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL và cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong việc thẩm định các đề nghị và dự án, dự thảo văn bản QPPL.

- Cơ quan, đơn vị thẩm định tiếp tục quán triệt đến cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị về tầm quan trọng của hoạt động thẩm định trong công tác xây dựng pháp luật, xác định đó là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Tư pháp.

2. Nâng cao năng lực của công chức trong thẩm định

- Bố trí đủ cán bộ, công chức có kinh nghiệm, chuyên môn về kiểm soát TTHC để làm công tác thẩm định quy định TTHC.

- Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng (kỹ năng soạn thảo, đánh giá tác động chính sách, đánh giá tác động TTHC, thẩm định quy định TTHC, kiểm soát TTHC...), kiến thức pháp luật theo lĩnh vực cho đội ngũ công chức thẩm định nói chung và công chức thẩm định quy định TTHC nói riêng để báo cáo thẩm định có sự thuyết phục về tính hợp lý, tính khả thi, tính dự báo chính sách, quy định của dự án, dự thảo văn bản được thẩm định, trong đó nội dung thẩm định về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ TTHC được đánh giá cụ thể, rõ ràng.

3. Nâng cao chất lượng thẩm định quy định TTHC

3.1. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương:

- Tuân thủ hồ sơ thẩm định theo đúng quy định Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Thông tư số 03/2022/TT-BTP, cụ thể là:

+ Hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản QPPL có liên quan đến TTHC gửi cơ quan, đơn vị thẩm định, trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải có Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP đối với chính sách phát sinh TTHC được đóng dấu treo theo quy định.

+ Hồ sơ dự án, dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC gửi cơ quan, đơn vị thẩm định cần phải có: Bản đánh giá TTHC theo mẫu số 01 Phụ lục II và các biểu mẫu kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP phải được ký, đóng dấu hoặc đóng dấu treo theo quy định.

- Cơ quan lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL cần phải tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định của cơ quan, đơn vị thẩm định và gửi Báo

cáo tiếp thu, giải trình theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

3.2. Đối với cơ quan, đơn vị thẩm định:

- Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Thông tư số 03/2022/TT-BTP.

- Các quan quan, đơn vị thẩm định không tiếp nhận hồ sơ gửi thẩm định nếu hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản QPPL và dự án, dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC chưa có bản đánh giá TTHC theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2017) và Thông tư số 03/2022/TT-BTP.

- Tiếp tục tổ chức các cuộc họp tham vấn quy định TTHC trước khi tổ chức thẩm định để nâng cao chất lượng ý kiến thẩm định về quy định TTHC hoặc tổ chức các cuộc họp tham vấn sau khi tổ chức thẩm định để làm rõ thêm các vấn đề phức tạp, còn có ý kiến khác nhau.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng thẩm định và Hội đồng tư vấn thẩm định. Đăng tải công khai các báo cáo thẩm định trên cổng thông tin điện tử của cơ quan thẩm định.

- Các cơ quan, đơn vị thẩm định cần phải phối hợp, theo dõi, bám sát việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định nói chung và ý kiến thẩm định quy định TTHC nói riêng.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả nổi bật trong xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số thời gian qua và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

Bộ Thông tin và Truyền thông

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, xác định “*Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia*” là một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ xác định: Chính phủ số cũng là 1 trong 6 nội dung trọng tâm của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Vì vậy, xây dựng Chính phủ số luôn luôn gắn liền với công tác cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước.

Một số kết quả chính về xây dựng Chính phủ điện tử/Chuyển đổi số (CPĐT/CPS) thời gian qua như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo.

- Ngày 25/02/2023, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã chủ trì phiên họp lần thứ năm của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ.

- Ngày 04/4/2023, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã ký Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023 với mục tiêu: *Năm 2023 là Năm Dữ liệu số quốc gia*

và Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tập trung chỉ đạo, điều phối các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng mang lại kết quả thực chất, bền vững, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược quốc gia về phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Xây dựng, hoàn thiện thể chế

- Ngày 07/02/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-CP thông qua hồ sơ xây dựng Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời giao Bộ Công an tiếp tục hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị định.

- Ngày 05/4/2023, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông tư số 01/2023/TT-VPCP quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

3. Xây dựng nền tảng phát triển CPĐT

- Có 32,5 triệu giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP- National Data Exchange Platform) trong tháng 3/2023; trung bình hằng ngày có khoảng 1,4 triệu giao dịch thực hiện thông qua NDXP; từ khi khai trương đến nay có hơn 1,2 tỷ giao dịch thực hiện thông qua NDXP.

- Việc xây dựng các Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành tiếp tục được hoàn thiện để tạo nền tảng phát triển CPĐT/CPS, một số kết quả nổi bật như:

+ CSDLQG về dân cư: Đã kết nối chính thức với 13 đơn vị bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông và 60 địa phương để phục vụ khai thác thông tin. Tra cứu khai thác thông tin giải quyết thủ tục hành chính và tự động điền eForm đối với 648.396 lượt khai thác của 60 địa phương; tra cứu giải quyết thủ tục hành chính và xác thực làm sạch thông tin trên 530 triệu lượt khai thác của các bộ, ngành; đồng bộ và làm giàu dữ liệu dân cư.

+ CSDL về Bảo hiểm: Đã hoàn thành xác thực thông tin của hơn 75 triệu nhân khẩu với CSDL quốc gia về dân cư; tính đến ngày 15/3/2023, toàn quốc đã có 12.326 cơ sở khám chữa bệnh BHYT thực hiện tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng CCCD gắn chíp.

+ CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc: Tính đến ngày 20/3/2023, trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch đã có hơn 33,98 triệu dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có hơn 8,52 triệu trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định, hơn 4,67 triệu hồ sơ khai sinh có số định danh cá nhân được chuyển sang hệ thống của BHXH; hơn 8 triệu dữ liệu đăng ký kết hôn; hơn 5 triệu dữ liệu đăng ký khai tử và hơn 9,2 triệu dữ liệu khác.

+ CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Đã thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp với các Hệ thống sau: Hệ thống thông tin đầu tư nước ngoài, Hệ thống thông tin đấu thầu qua mạng; Hệ thống thông tin của một

số Bộ, ngành và địa phương thông qua Trục tích hợp dữ liệu quốc gia (NGSP) như Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp đổi giấy phép kinh doanh vận tải, biển hiệu phù hiệu xe ô tô của Bộ Giao thông vận tải, Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh Thừa Thiên - Huế, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian tới, tiếp tục mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống Một cửa điện tử tại một số địa phương.

4. Xây dựng các hệ thống thông tin đổi mới lề lối, phương thức làm việc, phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Trục liên thông văn bản quốc gia: Số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trong tháng 3 năm 2023 là 555.960 văn bản. Trong 3 tháng đầu năm 2023, số lượng văn bản điện tử, gửi, nhận qua Trục khoảng 1,6 triệu văn bản. Từ khi khai trương đến nay Hệ thống có tổng số hơn 19,2 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Các bộ, ngành, địa phương đang tiếp tục thúc đẩy triển khai dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) theo hướng toàn trình quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Hiện tại, đã có 73 bộ, tỉnh công bố danh mục DVCTT toàn trình, một phần, tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện để triển khai DVCTT toàn trình đạt 77,08%.

- Từ ngày 20/02/2022 đến ngày 20/3/2023, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã có trên 654 nghìn tài khoản đăng ký; trên 4 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; trên 1,3 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích từ Cổng; trên 1,4 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; trên 1,3 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 386 tỷ đồng. Từ khi khai trương đến nay đã cung cấp 4.396 dịch vụ công trực tuyến; đã có hơn 5,49 triệu tài khoản đăng ký; hơn 1,44 tỷ lượt truy cập tìm hiểu thông tin, dịch vụ; hơn 182,8 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 12,4 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; hơn 11,3 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 7 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 4,49 nghìn tỷ đồng.

5. Về việc xây dựng CPĐT gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân

Trong tháng 3 năm 2023, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý 525 cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 68,9% so với tháng 02/2023, giảm 49,3% so với cùng kỳ tháng 3/2022. Trong Quý I/2023, đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý 3.446 cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 6,3% so với Quý I/2022.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị một số phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm các bộ, ngành, địa phương cần tập trung triển khai trong thời gian tới như sau:

1. Khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 về Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng thiết thực, hiệu quả; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023.

2. Triển khai các nội dung để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước tuân thủ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, đặc biệt là cung cấp DVCTT toàn trình, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân mong muốn và thực sự sử dụng hiệu quả DVCTT.

3. Phối hợp với Văn phòng Chính phủ triển khai các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

4. Triển khai phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo kế hoạch để thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

5. Đẩy mạnh triển khai các nền tảng số địa phương để giải quyết các vấn đề của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả nổi bật của công tác cải cách hành chính, tồn tại, hạn chế và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Trong công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước, công tác cải cách hành chính (CCHC) luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, coi đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, bảo đảm sự thành công của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Tại Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT), công tác CCHC của Bộ luôn được chỉ đạo và thực hiện với quyết tâm chính trị cao nhất. Ban Cán sự đảng và Lãnh đạo Bộ đã chỉ đạo thực hiện toàn diện, mạnh mẽ, thường xuyên và đồng bộ các giải pháp để thực hiện có hiệu quả công tác CCHC; yêu cầu đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp theo hướng chú trọng thực chất, hiệu quả, tăng cường hướng về địa phương, cơ sở; thường xuyên quán triệt, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và sự phối hợp của các tổ chức đảng, đoàn thể trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác CCHC; gắn trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị với thực hiện CCHC; đưa nội dung, kết quả thực hiện CCHC vào các cuộc họp, chương trình giao ban định kỳ của Bộ. Với sự quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, sự nỗ lực trong thực hiện nhiệm vụ CCHC trong thời gian qua, công tác CCHC của Bộ đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được nhiều thành tựu, kết quả quan trọng, thể hiện rõ nét nhất thông qua kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của Bộ những năm gần đây thường xuyên đạt được thứ hạng cao, tăng dần đều trong bảng xếp hạng kết quả Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ. Đạt được kết quả như vậy là nhờ Bộ đã triển khai đồng bộ các giải pháp và sự tham gia, vào cuộc của toàn ngành TN&MT, trong đó phải kể đến sự đóng góp không nhỏ của các địa phương trong việc tích cực triển khai những chính sách, pháp luật của Chính phủ, của Bộ trong lĩnh vực TN&MT. Các kết quả đạt được cụ thể như sau:

Một là, tập trung đẩy mạnh cải cách thể chế: Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về TN&MT luôn được Bộ xác định là nội dung quan trọng đặc biệt, ưu tiên hàng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC. Bộ

đã tích cực phối hợp với các cơ quan liên quan từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của ngành; chất lượng văn bản được nâng lên đáng kể, góp phần tích cực đưa công tác quản lý nhà nước về TN&MT vào nền nếp và đạt hiệu quả cao; kịp thời tháo gỡ vướng mắc cho địa phương, giải quyết những vấn đề bức xúc của người dân, doanh nghiệp; tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư; góp phần tạo động lực cho tăng trưởng và giải phóng nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh tăng cường công khai minh bạch, thiết lập sự bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực tài nguyên và tuân theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC): Với mong muốn mang đến sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp, Bộ tiếp tục thực hiện cắt giảm quy định TTHC, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy mạnh việc phân cấp trong giải quyết TTHC, liên thông trong giải quyết TTHC nhằm cắt giảm chi phí tối đa cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của nền hành chính. Theo đó, năm 2022, Bộ đã đề nghị bãi bỏ, đơn giản hóa 153 TTHC trên tổng số 178 TTHC được rà soát (đạt 85%), chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm được khi thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC là 132.622.701.000 đồng chiếm tỷ lệ 21,9% trên tổng chi phí tuân thủ quy định TTHC.

Cùng với đó, Bộ rất quyết liệt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC. Để hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC, Bộ đã xây dựng, đưa vào vận hành và liên tục nâng cấp Cổng Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ tại địa chỉ: <https://dichvucong.monre.gov.vn>. Hệ thống cũng được tích hợp với kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, về bảo hiểm, về dân cư và Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và DVCTT của Bộ Thông tin và Truyền thông; kết nối, tích hợp với Hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia cho phép tổ chức, doanh nghiệp, người dân thanh toán phí, lệ phí (nếu có) trực tuyến khi thực hiện TTHC theo quy định của pháp luật. Đến nay, Bộ đã vận hành, cung cấp 95 DVCTT mức độ 3, 4, trong đó có 72 DVC mức độ 4 (đủ điều kiện), đạt tỷ lệ > 75,8%; đã tích hợp, cung cấp 68 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đang phối hợp với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) tích hợp các DVCTT còn lại đủ điều kiện lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đặc biệt, cuối năm 2022, Bộ và Bộ Công an đã tổ chức kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quản lý nhà nước, phục vụ người dân, việc liên kết hai cơ sở dữ liệu này cũng sẽ góp phần tháo gỡ những vướng mắc khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

Ba là, thực hiện đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, khắc phục các tồn tại; bổ sung các nhiệm vụ còn

bỏ trống, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ còn giao thoa với các bộ, ngành; xây dựng hệ thống tổ chức tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tính đồng bộ, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở, khắc phục sự chồng chéo, bất cập trong phân công thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị, lĩnh vực công tác, bảo đảm có sự liên thông, kết nối, gắn kết hữu cơ các lĩnh vực, đơn vị trực thuộc Bộ, đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc, mục tiêu của mô hình tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; thu gọn đầu mối, giảm tối đa tầng nấc trung gian. Ở địa phương, Bộ thường xuyên quan tâm, hướng dẫn³⁶, đôn đốc, hoàn thiện hành lang pháp lý³⁷ tạo cơ sở để các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa phương. Các lĩnh vực quản lý nhà nước về TN&MT được phân cấp mạnh cho Ủy ban nhân dân các cấp thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với mục tiêu quy định rõ ràng, cụ thể nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi cấp trong hệ thống hành chính nhà nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp trong việc giải quyết tốt nhất các công việc quản lý nhà nước, phục vụ tốt hơn nhu cầu và lợi ích của các tổ chức, công dân trong xã hội, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và cả nước.

Bốn là, thiết lập cơ chế giám sát hoạt động quản lý nhà nước về TN&MT: Nhằm tăng cường vai trò giám sát trong việc triển khai, thực thi chính sách pháp luật về TN&MT, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về tiêu cực trong hoạt động quản lý nhà nước về TN&MT, Bộ đã thành lập và hiện đang duy trì 03 đường dây nóng³⁸. Ở địa phương, hiện nay hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đã thành lập và công bố đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về những tiêu cực trong hoạt động quản lý nhà nước về MT&MT theo chỉ đạo của Bộ.

Tăng cường sự phối hợp với các địa phương, hướng dẫn giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật đất đai và triển khai thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai, Bộ thành lập Tổ công tác giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất³⁹. Nhằm lắng nghe ý kiến phản hồi từ thực tiễn của doanh nghiệp để tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về các lĩnh vực TN&MT; đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, tạo lập môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh, kiến tạo cho phát triển, phục vụ tốt

³⁶ Cụ thể như hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành TN&MT; định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành TN&MT.

³⁷ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29/5/2021 của Bộ trưởng Bộ TN&MT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở TN&MT thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng TN&MT thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

³⁸ (1) đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về tiêu cực trong hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; (2) đường dây nóng tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về tình trạng vi phạm đất đai và những nhiễu, tiêu cực trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất; (3) đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường.

³⁹ Quyết định số 1014/QĐ-BTNMT ngày 06/5/2016.

hơn nữa yêu cầu của doanh nghiệp, hàng năm Bộ đã phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các Sở TN&MT tổ chức hội nghị trực tuyến, giao ban vùng để cùng giao lưu và giải đáp các vướng mắc, kiến nghị liên quan đến thể chế, chính sách cho người dân, doanh nghiệp. Hội nghị còn là nơi giao lưu, đối thoại giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TN&MT, các địa phương với các doanh nghiệp, nhằm tìm ra các giải pháp phù hợp, thúc đẩy phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, công tác CCHC tại Bộ vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cụ thể như: Các TTHC đã được cắt giảm về thành phần hồ sơ, rút gọn về trình tự giải quyết, tuy nhiên, vẫn còn có quy định một số TTHC phức tạp, trình tự các bước thực hiện còn nhiều, qua nhiều khâu, thời gian giải quyết tương đối dài; chưa đơn giản hóa tối đa thành phần hồ sơ quy định đáp ứng nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4; các dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành còn hạn chế; dịch vụ xác thực và định danh điện tử hoạt động chưa ổn định, tốc độ xử lý chậm, còn bị lỗi; kỹ năng tổ chức, cá nhân thực hiện DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC còn hạn chế...

Để tiếp tục tăng cường hiệu quả hoạt động toàn ngành TN&MT trong thời gian tới, hướng tới mục tiêu xây dựng nền hành chính hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch, toàn ngành cần tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, Xây dựng nền hành chính của ngành TN&MT phục vụ, dần dần loại bỏ cơ chế xin cho, hiện tượng nhũng nhiễu, cửa quyền, quan liêu, xa rời thực tế trong từng cán bộ, công chức.

Hai là, Hoàn thiện thể chế pháp luật về TN&MT, tháo gỡ các rào cản, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện tối đa cho người dân, doanh nghiệp.

Ba là, Phát triển, hiện đại hóa hạ tầng số, nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về TN&MT; đẩy mạnh triển khai DVCTT toàn ngành TN&MT. Hoàn thiện Hệ thống giải quyết TTHC, kết nối các cơ sở dữ liệu dùng chung, cung cấp đầy đủ các DVCTT giải quyết TTHC liên quan đến công dân, các TTHC về TN&MT cho toàn ngành. Phân đấu tiếp tục chuẩn hóa, đơn giản hóa, giảm thành phần hồ sơ giải quyết TTHC, cung cấp 100% DVCTT toàn trình đủ điều kiện, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Bốn là, Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, đảm bảo sự thông suốt, kịp thời; đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, vì sự phồn vinh của đất nước.

Năm là, Hoàn thiện cơ chế tương tác giữa Bộ và các đơn vị thuộc Bộ với người dân, doanh nghiệp, hướng tới sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả nổi bật của công tác cải cách hành chính, tồn tại, hạn chế và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Được sự phân công của Cơ quan thường trực, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xin tham luận, với chủ đề “Những kết quả nổi bật của công tác cải cách hành chính (CCHC), tồn tại, hạn chế và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới” như sau:

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính, với sự quyết tâm nỗ lực lớn của Bộ, ngành Nông nghiệp và PTNT đã duy trì được đà tăng trưởng khá cao, toàn diện, các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 đều đạt, vượt, cụ thể: (1) Tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành 3,36%; (2) Tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS 53,53 tỷ USD, tăng 9,3%, trong đó xuất siêu đạt 8,5 tỷ USD; (3) Có 73,06% số xã đạt chuẩn NTM và 255 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; (4) Số xã đạt tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM trên 78%; (5) Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 42%.

Cùng với đó công tác CCHC của Bộ đã có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả, cụ thể đạt các kết quả như sau:

1. Kết quả công tác CCHC năm 2022

a) Về công tác chỉ đạo, điều hành:

- Bộ đã chỉ đạo, điều hành quyết liệt các đơn vị thuộc Bộ bám sát các nội dung chương trình kế hoạch CCHC theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, trong năm 2022 đã hoàn thành 100% kế hoạch với 55 nhiệm vụ, 128 hoạt động.

- Công tác tuyên truyền CCHC được đẩy mạnh, tổ chức nhiều hình thức, sáng kiến tuyên truyền CCHC, như: tổ chức “Tọa đàm phát huy vai trò tuổi trẻ Bộ Nông nghiệp và PTNT trong thực hiện CCHC giai đoạn 2021 - 2030”; xây dựng trang Website CCHC của Ban Chỉ đạo CCHC của Bộ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành...

- Bộ đã thực hiện đánh giá, chấm điểm CCHC năm 2022 của 21 đơn vị của Bộ: 04 Tổng cục, 08 cục, 07 Vụ, Thanh tra bộ, Văn phòng Bộ và công bố kết quả đánh giá xếp hạng.

b) Về cải cách thể chế:

Năm 2022 kết quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) đã đạt, đó là: (i) Bộ đã trình 09/09 Nghị định (đạt tỷ lệ 100% kế hoạch), Chính phủ đã ban hành 03 Nghị định, (ii) Bộ trình 04/04 Quyết định (đạt tỷ lệ 100% kế hoạch), Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Quyết định. Bộ trưởng đã ban hành 26/26 Thông tư, đạt tỷ lệ 100% kế hoạch.

c) Về cải cách TTHC:

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, đến 31/12/2022 Bộ đã rà soát, cắt giảm 182/677 TTHC (đạt 26,88%), tiết kiệm 218 tỷ đồng (đạt 29,36%) chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc chức năng quản lý của Bộ (đạt 134,34%).

Đã rà soát 348 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ và đề nghị bãi bỏ, đơn giản hóa 22 TTHC (trong đó bãi bỏ 17 TTHC); đề nghị phân cấp 54 TTHC (đạt 20,4%).

Bộ đã thống kê, rà soát và ban hành Quyết định công bố TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ gồm 91 TTHC (61 TTHC cấp Trung ương và 30 TTHC cấp địa phương).

d) Cải cách tổ chức bộ máy, công chức công vụ:

- Thực hiện Nghị định số 105/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ sắp xếp tinh gọn bộ máy đạt kết quả đó là: Đã tổ chức lại 04 Tổng cục thành 06 Cục chuyên ngành thuộc Bộ, giảm 100% số Tổng cục.

- Giảm toàn bộ 16/16 phòng (100%) trong Vụ thuộc Bộ.

- Sắp xếp lại 170 công chức lãnh đạo từ cấp Phó Vụ trưởng và tương đương đến Tổng cục trưởng.

- Thành lập Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp, Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn...

- Đã trình Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm cho 21/21 đơn vị hành chính thuộc Bộ; xây dựng, hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm đối với 74/74 đơn vị khối sự nghiệp công lập thuộc Bộ.

đ) Cải cách tài chính công và giải ngân vốn đầu tư công:

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên và chi đầu tư...

- Năm 2022 Bộ thành lập 09 đoàn kiểm tra công tác quản lý tài chính tại 09 đơn vị thuộc Bộ.

e) Về xây dựng Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số:

- Hoàn thành 03 nhiệm vụ của Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử giao cho Bộ (Cơ sở dữ liệu quản lý thức ăn chăn nuôi và cơ sở chăn nuôi; Cơ sở dữ liệu cấp, quản lý mã số vùng trồng; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản).

- Hoàn thành 04 nhiệm vụ trọng tâm trong ứng dụng CNTT; xây dựng Đề án Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình thị trường nông sản;

- Xây dựng Đề án Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Triển khai Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung ngành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Hệ thống thông tin báo cáo, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ...

- Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã hoàn thành, kết nối tổng số **29** thủ tục (đạt 100%) thực hiện cơ chế một cửa quốc gia tại 07 đơn vị thuộc Bộ, năm 2022 tiếp nhận tổng số trên 510 nghìn hồ sơ điện tử qua Cổng một cửa quốc gia, đã xử lý, giải quyết 508 nghìn hồ sơ và đang tiếp tục xử lý số hồ sơ còn lại.

2. Đánh giá

Năm 2022, Bộ đã tập trung chỉ đạo điều hành quyết liệt, sâu sát, đồng bộ 07 nội dung CCHC ngay từ đầu năm 2022.

Đã kịp thời ban hành kế hoạch CCHC, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện bám sát bộ chỉ số CCHC giúp cho việc theo dõi, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện được đảm bảo chính xác, chủ động, đáp ứng yêu cầu.

Tuy nhiên, trên thực tế một số đơn vị vẫn còn tình trạng xử lý hồ sơ, trả kết quả TTHC chậm, việc xây dựng Tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt mức chưa cao so với kế hoạch, thực hiện chuyển đổi số còn lúng túng...

3. Phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới

(1) Tăng cường rà soát, ban hành quy định cụ thể, thiết thực tạo đột phá nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ kế hoạch CCHC.

(2) Nâng cao việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC; tăng cường đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tuyên truyền về thực hiện CCHC. Tiếp tục triển khai thực hiện đánh giá, xác định chỉ số CCHC của Bộ và các đơn vị theo kế hoạch và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

(3) Đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị theo quy định tại Nghị định số 105/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Quyết định vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.

(4) Tăng cường rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, quy định TTHC, điều kiện kinh doanh, đảm bảo thực chất, hiệu quả; thực hiện phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo quy định.

(5) Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ, giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo yêu cầu tiến độ và hiệu quả.

(6) Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, tiếp tục phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia của Bộ và các đơn vị; triển khai đồng bộ dự án về đầu tư công nghệ thông tin...

4. Đề xuất, kiến nghị

- Hiện nay, Bộ đã trình một số Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, kính mong Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm xem xét, ban hành.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm hoàn thiện chính thức vận hành Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ để thuận lợi trong theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện của các bộ, ngành...

- Đề nghị Bộ Nội vụ tăng cường hội thảo chuyên đề, đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ CCHC đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn 2023 - 2030.

Trên đây là tham luận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác CCHC năm 2022 và định hướng năm 2023.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Kết quả cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của ngành Ngân hàng

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta chuyển sang một giai đoạn phát triển mới - giai đoạn quyết liệt tái cơ cấu để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giai đoạn hội nhập sâu sắc, toàn diện với khu vực và thế giới, Chính phủ đã thể hiện sự quyết liệt, mạnh mẽ trong hành động khi ban hành và chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/07/2021 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và nhiều Nghị quyết về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh.

Quan điểm chỉ đạo của Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước

Bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, với mục tiêu xây dựng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) hiện đại, tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Thống đốc NHNN luôn coi trọng công tác CCHC, xác định CCHC là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu và luôn thể hiện sự quyết liệt, mạnh mẽ, liên tục, trước hết từ nhận thức sau đến hành động, từ Thống đốc đến toàn thể cán bộ công chức và người lao động ngành Ngân hàng.

Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng đã và đang gặp nhiều khó khăn, thách thức trước những diễn biến phức tạp, khó lường bởi tình hình thế giới, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bằng sự quyết tâm trong chỉ đạo, điều hành của Thống đốc NHNN và sự nỗ lực chung trong toàn Ngành, ngành Ngân hàng đã kịp thời ban hành và triển khai nhiều chính sách cụ thể để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát, tạo nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC) góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo giá trị gia tăng cho nền kinh tế

Với quan điểm xuyên suốt của nền hành chính phục vụ là đặt doanh nghiệp, người dân làm trung tâm, trên tinh thần Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, NHNN tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chức năng rà soát các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (HĐKD) để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, tạo thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD), doanh nghiệp, người dân. Trên cơ sở đó, năm 2022, NHNN đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN, trong đó đề xuất đơn giản hóa 6 quy định (gồm 05 chế độ báo cáo và 01 TTHC) thuộc 4 nhóm ngành nghề kinh doanh. Ngày 08/11/2022, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh của NHNN (Quyết định số 1361/QĐ-TTg).

Thực hiện Quyết định số 1844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cắt giảm điều kiện kinh doanh năm 2021, trong năm 2022, NHNN đã khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định⁴⁰ và ban hành theo thẩm quyền 06 Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa **27/27** quy định về HĐKD thuộc phạm vi quản lý của NHNN.

Trong năm 2022 và quý I năm 2023, cùng với việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định HĐKD, NHNN đã ban hành 08 thông tư sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa 35 TTHC, tạo thuận lợi cho TCTD và doanh nghiệp, người dân⁴¹. NHNN cũng đã triển khai Bộ nhận diện thương hiệu tại tất cả Bộ phận Một cửa thuộc NHNN; Tổ chức số hóa hồ sơ và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa để giảm bớt gánh nặng hồ sơ cho các tổ chức, cá nhân; tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia...

Các TCTD mặc dù là doanh nghiệp nhưng có tính chất phục vụ của loại hình kinh doanh dịch vụ tiền tệ cũng được cải tiến, cắt giảm mạnh mẽ các thủ tục, ứng dụng công nghệ số và dịch vụ trực tuyến tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân trong mọi lĩnh vực giao dịch về tiền tệ, tín dụng, thanh toán.

Từ kết quả thực hiện các chương trình CCHC, cải thiện môi trường kinh doanh, cả ngân hàng và doanh nghiệp đều đạt được những lợi ích to lớn, đã thiết lập mối quan hệ cộng sinh chặt chẽ, cùng tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế; củng cố niềm tin ngày càng vững chắc hơn giữa ngân hàng và doanh nghiệp. Mọi người dân và doanh nghiệp đều được tiếp cận nhanh chóng, thuận tiện các dịch vụ tài chính, ngân hàng hiện đại, có chất lượng, được chia sẻ lợi ích, được đồng hành lúc thuận lợi và khó khăn. Về phía các ngân hàng cũng có những bước tiến vượt

⁴⁰ Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt.

⁴¹ (i) Lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng: đơn giản hóa 16 TTHC, cắt giảm 04 TTHC; (ii) Lĩnh vực hoạt động ngoại hối: đơn giản hóa 06 TTHC, cắt giảm 06 TTHC; (iii) Lĩnh vực thanh toán: cắt giảm 01 TTHC; (iv) Lĩnh vực tiền tệ: đơn giản hóa 02 TTHC.

bạc, tăng trưởng mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng, giúp các ngân hàng nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng sức cạnh tranh trong nền kinh tế cả trong nước và quốc tế.

Để có những kết quả tích cực về cải cách TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh, NHNN rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất, NHNN luôn bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về CCHC và cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp; bám sát sự chỉ đạo sát sao của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, của đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo. Từ đó, xác định chương trình hành động của toàn Ngành giai đoạn 10 năm và kế hoạch nhiệm vụ từng năm. Quan điểm và trọng tâm trong điều hành CCHC của NHNN phải có sự thống nhất từ lãnh đạo cao nhất là đồng chí Thống đốc NHNN đến từng cán bộ, nhân viên trong Ngành, từ Trung ương đến địa phương và phải thực hiện bền bỉ, kiên trì, liên tục không có điểm dừng.

Thứ hai, NHNN thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị trong toàn Ngành để đánh giá sát tình hình, kịp thời quán triệt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Định kỳ, Lãnh đạo NHNN, Ban chỉ đạo của Ngành đều trực tiếp đi kiểm tra tại các địa phương, các đơn vị trong Ngành về việc tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch CCHC.

Thứ ba, NHNN đã tập trung chỉ đạo triển khai toàn diện 6 lĩnh vực CCHC, trọng tâm vào 3 trụ cột đó là (i) Cải cách hoàn thiện thể chế trong các lĩnh vực hoạt động ngân hàng; (ii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trên cơ sở hiện đại hóa đồng bộ hạ tầng cơ sở; (iii) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung và công chức công vụ nói riêng.

Thứ tư, phải tiếp cận ứng dụng nhanh công nghệ số, chuyển đổi số trong các lĩnh vực hoạt động ngân hàng; đưa nhiều sản phẩm tiện lợi, an toàn nhất, có nhiều lựa chọn cho doanh nghiệp và người dân trong các lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, thanh toán.

Thứ năm, NHNN đã chủ động đề xuất với Chính phủ và chủ động phối hợp với các Bộ, ngành địa phương để thực hiện các chương trình cải cách thủ tục hành chính, các giải pháp để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Và cuối cùng, để triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch CCHC, phải tổ chức được mạng lưới công chức chuyên trách chất lượng, có trách nhiệm, năng động; ý thức trách nhiệm, năng lực công tác và đạo đức tác phong công vụ công chức trong toàn Ngành phải được quan tâm và nâng cao.

Quán triệt định hướng, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ tiếp tục coi trọng CCHC, cắt giảm đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, đẩy mạnh triển khai kinh tế số và triển khai Chính phủ điện tử là một trong các nhiệm vụ trọng tâm quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Căn cứ vào chủ trương, định hướng đó, NHNN đã xác định các nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021 - 2030 và hàng năm,

trong đó, ngành Ngân hàng sẽ tập trung vào 3 trụ cột chính, gồm: Cải cách hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh chuyên đổi số trong các lĩnh vực hoạt động ngân hàng, hiện đại hóa phương thức điều hành; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần thực hiện tốt phương châm **“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”** của Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN**Giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số trên địa bàn thành phố****UBND Thành phố Hà Nội**

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Thay mặt thành phố Hà Nội, Tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe đến các đồng chí lãnh đạo, các vị đại biểu tham dự Hội nghị chuyên đề của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Được sự cho phép của Ban Tổ chức, tôi xin trình bày nội dung tham luận **“Giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội”**.

Kính thưa các đồng chí!

Bám sát tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, giai đoạn 2021 - 2025, thành phố Hà Nội tiếp tục xác định cải cách thủ tục hành chính (TTHC) gắn với chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của Thủ đô, để đạt và vượt các chỉ tiêu CCHC đã được Đảng bộ Thành phố đặt ra từ đầu nhiệm kỳ (Phấn đấu cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 4 đủ điều kiện, đạt 100%; tích hợp 60% các DVCTT mức độ 3, 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia; đến năm 2025 có thêm 20% số lượng TTHC được tinh gọn, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian và tiết giảm chi phí...), UBND thành phố Hà Nội đã chỉ đạo quyết liệt các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã tập trung rà soát, cắt giảm, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức; tăng cường phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC; thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, chú trọng nâng cao hiệu quả thực hiện việc cung cấp trực tuyến trong giải quyết TTHC, đặc biệt là 25 dịch vụ công thiết yếu (Hà Nội được Chính phủ chọn Thí điểm thực hiện Đề án 06) tạo bước đột phá trong chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số, xã hội số, kinh tế số, công dân số.

Trong năm 2022 và 3 tháng đầu năm 2023, thành phố Hà Nội đã ban hành gần 40 văn bản liên quan đến kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, chuyển đổi số của Thành phố (Năm 2022: 23 văn bản; Quý I/2023: 26 văn bản); Thành phố đã chủ động ban hành quy chế phối hợp thực hiện liên thông các thủ tục hành chính

khi thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp và Thuế - đây là cơ sở quan trọng để các cơ quan, đơn vị phối hợp liên thông, giải quyết công việc, giải quyết thủ tục hành chính thông suốt, hiệu quả, rút ngắn thời gian, giảm thời gian đi lại của người dân, tổ chức; chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính, nổi bật trong 6 nhiệm vụ đó là:

Thứ nhất: Việc thực hiện rà soát, đơn giản hóa và công bố, công khai TTHC đã được Thành phố quan tâm, trong năm 2022 và Quý I/2023 UBND Thành phố đã thông qua phương án đơn giản hóa 65 thủ tục hành chính (Năm 2022: 57 TTHC; Quý I/năm 2023: 8 TTHC); ban hành 40 Quyết định công bố danh mục TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ (Năm 2022: 31; Quý I/năm 2023: 9); ban hành 27 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC (Năm 2022: 18; Quý I/năm 2023: 9). Các Quyết định công bố danh mục TTHC sau khi ban hành, đã được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Giao tiếp điện tử của Hà Nội và các địa điểm để người dân dễ tiếp cận (Nhà văn hóa thôn, Tổ dân phố, Khu dân cư, mạng xã hội Zalo, facebook..) tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tra cứu nội dung khi thực hiện TTHC.

Thứ hai: Việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đã được Thành phố chỉ đạo đổi mới theo hướng điện tử thống nhất trên toàn Thành phố, ngày 10/11/2022, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4379/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án Mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC hiện đại các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội; 100% TTHC được tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thành phố đã tiến hành thực hiện tái cấu trúc quy trình TTHC, phục vụ việc xây dựng dịch vụ công trực tuyến, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia và dân cư; triển khai thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông "đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí".

Việc giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn và trước hạn của Thành phố đạt tỷ lệ cao, tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết năm 2022: 1.983.673 hồ sơ, trong đó hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng và trước hạn: **1.981.421/1.983.673 = 99.89%** (không tính số lượng hồ sơ giải quyết của các đơn vị theo ngành dọc như Công an Thành phố, Cục Hải quan Thành phố, Cục Thuế Thành phố,...); Quý I/2023 tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết **3.711.227/3.718.646 = 99.80%**. Tính đến ngày 09/3/2023, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố là: 1.867 TTHC, trong đó cấp Sở, cơ quan tương đương Sở: 1.471 thủ tục, cấp huyện: 284 thủ tục và cấp xã: 112 thủ tục.

Thứ ba: Việc tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức được Thành phố đặc biệt quan tâm, Thành phố đã thành lập kênh zalo để tiếp nhận phản ánh kiến nghị (PAKN) (Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 về việc vận hành chính thức kênh tiếp nhận phản ánh kiến nghị của người dân và

doanh nghiệp về quy định hành chính qua ứng dụng Zalo) trong năm 2022 và quý I/2023, tổng số phản ánh, kiến nghị của Thành phố đã tiếp nhận 2.725 phản ánh, kiến nghị, đã xử lý xong 2.700 PAKN, còn 25 PAKN đang xử lý, đạt tỷ lệ 91,74%, (Năm 2022: 1.744 PAKN; Quý I/năm 2023: 981 PAKN) các PAKN về quy định TTHC được gửi đến qua đường dây nóng, địa chỉ hộp thư điện tử và trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trong đó bao gồm 104 PAKN từ kênh tiếp nhận qua Zalo).

Thứ tư: Việc xây dựng quy trình giải quyết TTHC liên thông và giải quyết công việc nội bộ được chú trọng, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND về rà soát, thống kê, xây dựng quy trình giải quyết công việc nội bộ (ngoài TTHC) của các cơ quan hành chính thuộc thành phố Hà Nội. Các cơ quan thuộc Thành phố đã rà soát, đánh giá, thống kê và đề xuất các quy trình theo hướng ứng dụng CNTT kết hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO. Tính đến nay, các sở, ban, ngành Thành phố đã ban hành 305 quy trình; cấp huyện ban hành 1.688 quy trình và 111 quy trình liên thông; cấp xã ban hành 3.755 quy trình.

Thứ năm: Thực hiện chuyển đổi số trong việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, Thành phố ban hành Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 12/7/2021 và Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 19/11/2021 về số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền của các cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội. Đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa. Một số cơ quan, đơn vị đã triển khai lắp đặt các thiết bị màn hình cảm ứng, trang thiết bị công nghệ thông tin để tuyên truyền và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại các khu chung cư, tổ dân phố tại một số các quận, huyện.

Thứ sáu: Thành phố đã chỉ đạo hoàn thành tái cấu trúc, tích hợp 70% TTHC đủ điều kiện tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; ban hành Quyết định phê duyệt phương án ủy quyền thủ tục hành chính trong đó ủy quyền: $708 \text{ TTHC} / 1.892 \text{ TTHC} = 37,4 \%$, trong đó: Số TTHC đã ủy quyền là 91 TTHC, số đề xuất ủy quyền là 617 TTHC, vượt chỉ tiêu tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ 17.4%.

Để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Thành phố, ngày 09/02/2023, Thành phố đã đưa vào và vận hành chính thức Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành Thành phố, Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố; tiếp tục triển khai Hệ thống họp trực tuyến đến 579 xã, phường, thị trấn; duy trì và vận hành ổn định hệ thống giao ban trực tuyến, hệ thống hòm thư điện tử công vụ; hệ thống quản lý điều hành tác nghiệp; hệ thống thông tin báo cáo. Thực hiện chuyển đổi số phát triển Thủ đô theo hướng thông minh, hiện đại, thành phố Hà Nội phấn đấu thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện công tác cải cách TTHC cũng gặp một số khó khăn: Việc thực hiện số hóa tại Bộ phận Một cửa các cấp đang bị chậm so với lộ trình đề ra do thiếu hướng dẫn của các cơ quan

Trung ương về quy định đối với lưu trữ hồ sơ điện tử; chưa thống nhất danh mục mã số hồ sơ, thành phần hồ sơ số hóa; Việc công bố TTHC của một số bộ, ngành còn chưa kịp thời, cập nhật chưa đầy đủ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Ngoài ra, giao diện các TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, các chức năng của Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa thuận tiện cho người dân tra cứu, thực hiện. Thành phố đã cố gắng từng bước khắc phục và đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ này trong thời gian tới.

Trong thời gian tới Thành phố tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, tập trung vào 5 nhóm nhiệm vụ sau :

1. Tiếp tục tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC, đặc biệt là tăng cường giải pháp để nâng cao tỷ lệ giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn cho doanh nghiệp, người dân biết được những tiện ích trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; hoàn thành việc tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư theo yêu cầu, nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 16/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tăng cường việc ủy quyền giải quyết TTHC theo hướng “cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền, tiêu cực”; Đảm bảo việc thực hiện ủy quyền 708/1892 TTHC trên địa bàn toàn Thành phố từ ngày 01/01/2023 và đánh giá, sơ kết trong năm 2023 để xác định tính hiệu quả và xây dựng phương án tăng cường trong các năm tiếp theo.

3. Triển khai, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC gắn với sự đánh giá hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính Thành phố; kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL chuyên ngành đảm bảo mục tiêu lấy người dân làm trung tâm, người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện DVCTT. Đồng thời, thực hiện áp dụng rộng rãi thanh toán điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính tại Thành phố. Thực hiện Thí điểm số hoá các dữ liệu về y tế, đất đai, nhà ở, thuế, an sinh xã hội, Thành phố chỉ đạo các đơn vị bám sát của Bộ chủ quan, chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để triển khai thực hiện theo chỉ đạo (rà soát về cơ sở vật chất, điều kiện hiện có và đào tạo, lựa chọn nhân lực); rà soát toàn bộ hệ thống các dữ liệu của từng lĩnh vực hiện có của Thành phố (tình trạng, số liệu, hệ thống lưu trữ, chỉ đạo của Bộ chủ quản...), dự kiến triển khai thí điểm tại 02 đơn vị cấp quận để đánh giá trước khi đưa vào triển khai toàn Thành phố, đáp ứng, đảm bảo về tiến độ, chất lượng.

4. Tập trung đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, trong đó xác định việc xây dựng, nâng cao chất lượng đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới là nhiệm vụ trọng tâm; Chú trọng xây dựng cơ chế khuyến khích, khơi dậy tinh thần cống hiến vì đất nước, tạo động lực để mọi cán bộ, công chức, viên chức tận tụy phục vụ nhân dân và hoàn

thành tốt nhiệm vụ được giao; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm nêu gương người đứng đầu và của đội ngũ công chức, viên chức; thực tế cho thấy một đội ngũ hành chính - công vụ tinh hoa là điều kiện không thể thiếu để đất nước có thể phát triển vượt bậc và trở nên cường thịnh. Trong năm 2023, tập trung triển khai Đề án mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC hiện đại các cấp, tập trung đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận theo hướng “lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá”.

5. Tăng cường các giải pháp, sáng kiến, liên thông giải quyết TTHC:

Thành phố đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị tìm giải pháp, đăng ký sáng kiến trong thực hiện CCHC, học tập các mô hình, cách làm hay như: liên thông trong giải quyết cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký thuế cho hộ, cá nhân kinh doanh; tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC theo mô hình “Ngày thứ Ba xanh” - không giấy hẹn, trả kết quả ngay; thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng để “đi từng ngõ, gõ từng nhà” hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng công nghệ thông minh, dịch vụ hành chính công; xây dựng mô hình “3 tại nhà” đối với TTHC thuộc lĩnh vực người có công...

Kính thưa các đồng chí!

Hà Nội với vị trí là Thủ đô, có nhiều cơ quan, doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn; công dân là cán bộ, công chức, nhân viên các cơ quan sinh sống rất đông; việc giải quyết các TTHC gắn với chuyển đổi số cũng chịu tác động vào nhận thức, ý thức chênh lệch về kiến thức hiểu biết của công dân; trong quá trình thực hiện Thành phố đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo các quy định của Trung ương cũng như điều kiện thực tiễn. Để công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số của Thành phố đạt kết quả cao hơn nữa, Thành phố rất mong nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành để Thành phố tiếp tục thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ CCHC, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Sáng kiến và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp

UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Thành phố Hồ Chí Minh luôn xác định việc phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt là mục tiêu, nhiệm vụ cần hướng đến trong quá trình quản lý, điều hành của Thành phố trong nhiều năm qua. Năm 2023, Thành phố Hồ Chí Minh chọn chủ đề năm thực hiện là “*Nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ, đẩy mạnh cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội*”, để tiếp tục thực hiện quyết tâm của Thành phố trong việc cải cách, thay đổi cách thức làm việc để phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Qua kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhiều năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy công tác cải cách thủ tục hành chính luôn có vai trò hết sức quan trọng trong nhiệm vụ chung của công tác cải cách hành chính, nhất là việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp luôn là một nhiệm vụ gắn liền với việc đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Năm 2022, tổng số hồ sơ các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận giải quyết trong kỳ báo cáo được tổng hợp là: **22.343.787** hồ sơ (bao gồm 49.765 hồ sơ kỳ trước chuyển qua, 16.356.402 hồ sơ tiếp nhận trong kỳ và tiếp nhận trực tuyến là 5.937.601 hồ sơ), đã giải quyết **22.305.247** hồ sơ, đang giải quyết 82.459 hồ sơ. Trong số hồ sơ đã giải quyết có **22.267.892/22.305.247** hồ sơ giải quyết đúng hạn (chiếm tỷ lệ **99.84%**) và **37.355/22.305.247** hồ sơ giải quyết quá hạn (chiếm tỷ lệ **0,16%**). Số hồ sơ của năm 2022 tăng 24,88% so với năm 2021 (tổng số nhận giải quyết năm 2021 là 17.860.458 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn tăng 0,3% so với năm 2021 (năm 2021 hồ sơ đúng hạn là 99.81%).

Có thể thấy, qua các con số nêu trên, nếu tính về số tương đối thì số hồ sơ giải quyết quá hạn của Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2022 không quá cao, tuy nhiên nếu tính về con số tuyệt đối thì số hồ sơ giải quyết quá hạn của

Thành phố Hồ Chí Minh rất lớn với **37.355** hồ sơ. Như vậy, Thành phố Hồ Chí Minh cũng tự đánh giá có hơn 30.000 người dân hoặc doanh nghiệp chưa hài lòng với sự giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính trên địa bàn Thành phố.

Với nhận định vị trí, vai trò quan trọng của việc giải quyết thủ tục hành chính gắn liền với sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp, năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều sáng kiến, giải pháp để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn như:

(1) Xây dựng và triển khai thực hiện Tháng hành động “*Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong ngày*”, qua đó Thành phố đã thực hiện 58 thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết trong 01 (một) ngày làm việc.

(2) Xây dựng và phát triển kho dữ liệu dùng chung của Thành phố để phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố. Đối với cơ sở dữ liệu Hộ tịch: Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành số hóa 4 loại sổ hộ tịch: Sổ đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký khai tử và Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, với tổng số trên 12,8 triệu hồ sơ. Tất cả dữ liệu số hóa Sổ hộ tịch của Thành phố đã được đồng bộ với cơ sở dữ liệu hộ tịch của Bộ Tư pháp. Từ ngày 15 tháng 6 năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cấp bản sao trích lục kết hôn, khai sinh, khai tử, đăng ký nhận cha, mẹ, con từ dữ liệu số hóa sổ hộ tịch tại Kho dữ liệu dùng chung Thành phố cho người dân mà không phụ thuộc vào nơi đã đăng ký, nơi lưu trữ sổ hộ tịch và nơi cư trú. Người dân sẽ không phải mất thời gian về nơi cư trú trước đây hoặc nơi đăng ký hộ tịch để trích lục tại bất cứ phường, xã, thị trấn nào trên địa bàn Thành phố.

(3) Một số đơn vị trên địa bàn Thành phố tiếp tục thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp ngoài giờ hành chính; thực hiện các mô hình, giải pháp cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân và doanh nghiệp và cùng các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Đối với năm 2023, để nâng cao chất lượng hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh đề ra các giải pháp sau:

(1) Xác định yếu tố con người rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp. Do đó, Thành phố tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Thành phố thông qua việc thi tuyển, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức một cách nghiêm túc, khoa học và hiệu quả để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Thành phố đáp ứng kỳ vọng của người dân, doanh nghiệp và sự phát triển của Thành phố.

(2) Xác định cụ thể, chi tiết trách nhiệm của cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động cải cách hành chính; có giải pháp khắc phục ngay đối với việc giải quyết hồ sơ quá hạn, hồ sơ tồn đọng kéo dài. Đặc biệt là xử lý nghiêm đối với các trường hợp giải quyết quá hạn, tồn đọng kéo dài do yếu tố chủ quan, xử nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị để nêu gương.

(3) Thực hiện rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc UBND Thành phố, UBND thành phố Thủ Đức, UBND quận - huyện trong công tác tham mưu và triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, theo hướng: rõ nội dung; rõ trách nhiệm; rõ kết quả; có sự giám sát, kiểm tra chéo trong nội bộ; công khai, minh bạch từng quy trình, từng bước và có sự giám sát của cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các thành viên, đại biểu Hội đồng nhân dân, người dân và đơn vị báo chí, truyền thông.

(4) Vận hành, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, kết nối dịch vụ công quốc gia. Tiếp tục xây dựng và triển khai Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố, thực hiện số hóa hồ sơ, hồ sơ thủ tục hành chính; áp dụng chữ ký số trong giải quyết hồ sơ và lưu trữ tài liệu được số hóa, phục vụ cho việc quản lý, khai thác tài liệu điện tử trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

(5) Phát động phong trào thi đua, tìm kiếm các mô hình, giải pháp đột phá, sáng tạo, hiệu quả gắn với Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, qua đó khắc phục tình trạng giải quyết hồ sơ quá hạn, hồ sơ tồn đọng kéo dài trên địa bàn Thành phố.

Trên đây là nội dung tham luận của Thành phố Hồ Chí Minh về “Sáng kiến và giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp”.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

**Các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp
dịch vụ công trực tuyến tại địa phương**

UBND tỉnh Bắc Giang

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Trong bối cảnh xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến giúp đơn giản hóa việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; tăng tính công khai, minh bạch của việc giải quyết TTHC; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Với mục tiêu sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo của sự thành công, tỉnh Bắc Giang đã triển khai nhiều phương thức nhằm đẩy mạnh việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Trước hết, tỉnh Bắc Giang xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 về phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2025; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/6/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 433-NQ/TU để lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện. Nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, HĐND tỉnh Bắc Giang ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 quy định giảm 50% mức thu phí, lệ phí đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, tỉnh Bắc Giang đưa tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến là 01 trong các tiêu chí đánh giá người đứng đầu hằng năm.

Hai là, Các Sở, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thường xuyên đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp hiểu rõ lợi ích của sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tích cực tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trong đó đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi đầu trong việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; xây dựng các video clip hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến. Đồng thời, tại Bộ phận Một cửa các cấp, công chức, đoàn viên thanh niên tích cực hướng dẫn kỹ năng cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến. Thường xuyên tuyên truyền cách thức nộp hồ sơ trực

tuyên trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang và Đài truyền thanh ở thôn, tổ dân phố, đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái sử dụng các tài liệu lưu trữ, các giấy tờ, đảm bảo công dân, doanh nghiệp chỉ phải xuất trình giấy tờ 01 lần đối với các cơ quan giải quyết TTHC... Qua đó, tạo thói quen cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Ba là, tỉnh Bắc Giang xây dựng đội ngũ công chức, viên chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đồng thời, thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ và ứng dụng CNTT, nhất là công chức, viên chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC, trong đó chú trọng đến kỹ năng hướng dẫn giải quyết TTHC trực tuyến. Song song với đó, tỉnh Bắc Giang xây dựng đội ngũ công chức chuyên trách về CNTT có trình độ chuyên môn cao; thường xuyên ứng phó, kịp thời xử lý các vướng mắc của các hệ thống phần mềm; chủ động kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống phần mềm chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua hệ thống chia sẻ, tích hợp dùng chung, các hệ thống thanh toán đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Đến nay, tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình tỉnh Bắc Giang là 823 dịch vụ công. 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt 79,15%; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 69,28%; Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa các cấp bao gồm: tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 51,15%, tỷ lệ TTHC số hoá kết quả giải quyết đạt 81,24%, tỷ lệ khai thác sử dụng lại tài liệu đạt 28,5%. 25/25 dịch vụ công thiết yếu được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia để phục vụ các nhu cầu giao dịch của Nhân dân, trong đó có những TTHC có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%⁴².

Tháng 6/2022, tỉnh Bắc Giang là 10/63 tỉnh đầu tiên tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa CSDL quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương đạt 100%.

Với sự chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ trực tiếp tham mưu, tiếp nhận, giải quyết TTHC, tỉnh Bắc Giang giữ vững 02 năm liên tục vị trí thứ 10/63 tỉnh, thành phố về Chỉ số chuyên đổi số; 02 năm liên tục đứng thứ nhất toàn quốc lĩnh vực hiện đại hóa hành chính. Quý I/2023 tỉnh Bắc Giang xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴² Xác nhận số CMND khi đã được cấp thẻ CCCD; khai báo tạm vắng; thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu; cấp điện mới từ lưới điện hạ áp; thay đổi chủ thẻ hợp đồng mua bán điện; ...

Kính thưa các đồng chí!

Trong quá trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tỉnh Bắc Giang gặp một số những khó khăn, cụ thể:

Trên Công Dịch vụ công quốc gia thời gian giải quyết TTHC lĩnh vực Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư không thống nhất giữa ngày làm việc với ngày thông thường; thời gian giải quyết TTHC vùng trung du, miền núi không đồng nhất với thời gian quy định của các bộ, ngành, từ đó dẫn đến hồ sơ quá hạn.

Một số TTHC thuộc lĩnh vực Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội hiện tại đang thực hiện theo mẫu, phôi cứng theo bộ chuyên ngành quy định, vì vậy khó khăn trong việc giải quyết toàn trình trên môi trường mạng và ký số.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh Bắc Giang đã sẵn sàng kết nối với hệ thống phần mềm chuyên ngành của các bộ. Trên thực tế, các bộ chưa xây dựng các API kết nối hoặc kết nối không đủ các trường thông tin theo quy định, từ đó đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia không đảm bảo.

Để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thời gian tới, tỉnh Bắc Giang đề xuất một số kiến nghị, cụ thể:

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ thống nhất thời gian giải quyết TTHC lĩnh vực Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở dữ liệu quốc gia với thời gian trong Quyết định công bố TTHC của các bộ.

- Đề nghị các bộ điện tử hóa các mẫu biểu lĩnh vực Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm thuận tiện trong việc giải quyết TTHC.

- Đề nghị các bộ chủ động xây dựng các API kết nối đảm bảo theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đồng nhất trên toàn quốc, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Trên đây là tham luận các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Bắc Giang.

Thay mặt UBND tỉnh Bắc Giang, xin chúc sức khỏe các vị đại biểu, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

THAM LUẬN

**Nỗ lực của chính quyền địa phương, cơ quan hành chính nhà nước các cấp
trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân**

UBND tỉnh Quảng Ninh

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Trước hết thay mặt Lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ninh tôi đồng tình, nhất trí cao với nội dung báo cáo chuyên đề về cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, Chính quyền điện tử và kết quả các Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 (SIPAS 2022) và Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được công bố tại Phiên họp thứ tư của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ngày hôm nay.

Tại Hội nghị hôm nay, thay mặt UBND tỉnh Quảng Ninh, tôi xin báo cáo làm rõ thêm về **“Nỗ lực của tỉnh Quảng Ninh trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân”**.

Thưa các đồng chí!

Thưa toàn thể Hội nghị!

Trong những năm qua tỉnh Quảng Ninh luôn quan tâm, chỉ đạo triển khai hiệu quả, đồng bộ, tích cực các nội dung của cải cách hành chính trong đó tỉnh luôn đề cao vấn đề nâng cao chất lượng phục vụ người dân thông qua việc triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách liên quan đến người dân như: Tỉnh đã quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành hệ thống các công trình giao thông lớn như tuyến đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái, tuyến đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả; ban hành và triển khai chính sách đảm bảo an sinh xã hội đặc biệt là chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, giảm nghèo, chăm sóc và trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cứu trợ đột xuất với kinh phí 2.013 tỷ đồng; chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm 2022 - 2023 với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách khoảng 458 tỷ đồng; chính sách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm triển khai hiệu quả thông qua việc nâng cao chất

lượng khám chữa bệnh, đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân ngay tại tuyến cơ sở cho 177 xã, phường, thị trấn; triển khai hiệu quả chính sách đưa điện lưới đến 100% các thôn, khe, bản, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; Tỉnh cũng thường xuyên chỉ đạo việc tổ chức đối thoại, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của người dân, doanh nghiệp để nắm bắt các tâm tư, nguyện vọng, đời sống của nhân dân để giúp các cấp chính quyền có những giải pháp, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ người dân...

Thưa toàn thể Hội nghị!

Trong các hoạt động đó thì việc tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân là nội dung thiết thực được tỉnh triển khai hiệu quả thông qua mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp và Bộ phận một cửa hiện đại cấp xã, trong những năm qua tỉnh đã có nhiều giải pháp để giúp người dân thuận lợi trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính và mang lại hiệu quả như: triển khai ứng dụng Zalo trong triển khai dịch vụ công trực tuyến và truyền thông; thành lập Tổ giải quyết TTHC lưu động giải quyết các TTHC cần thiết cho người dân; tại Trung tâm phục vụ hành chính công triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ theo hướng hiện đại như: tư vấn, giải đáp thắc mắc qua Quầy tổng hợp, qua tổng đài 1900558826, đường dây nóng, qua Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng Zalo, qua trang fanpage trên mạng xã hội để giúp tổ chức, người dân chủ động kê khai, chuẩn bị hồ sơ TTHC bảo đảm chính xác, đầy đủ, hạn chế đi lại nhiều lần...

Cùng với đó, để người dân, doanh nghiệp thực sự là chủ thể trong việc tiếp cận các dịch vụ công, tỉnh thường xuyên tiến hành khảo sát sự hài lòng của người dân. Đến năm 2023, tỉnh đã có 10 năm thực hiện đánh giá Chỉ số cải cách hành chính và 06 năm đánh giá chỉ số đo lường sự hài lòng. Có thể thấy, điều mà cả hệ thống chính quyền Quảng Ninh làm được đó là “dám nhìn thẳng sự thật”, tập trung cải cách hành chính toàn diện với quyết tâm thực hiện thành công nhiều mô hình, cách làm mới. Từ đó, tỉnh đã tìm ra cách để “truyền lửa” cải cách từ cấp tỉnh xuống các sở, ban, ngành, địa phương; chủ động để các địa phương thi đua lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm mục tiêu của mọi sự phục vụ. Các đơn vị, địa phương trong tỉnh đã triển khai đồng bộ các cách thức khảo sát, như: Phát phiếu khảo sát; qua hòm thư góp ý; đánh giá qua hệ thống mạng internet tại địa chỉ website dichvucong.quangninh.gov.vn... Trên cơ sở đó, giúp người dân có thể đánh giá một cách khách quan nhất đối với chất lượng phục vụ tại các trung tâm hành chính công các cấp, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã, từ đó giúp chính quyền có hướng khắc phục các tồn tại, hạn chế để ngày càng phục vụ người dân, tổ chức tốt hơn.

Đặc biệt, triển khai Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 05/2/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Tỉnh Quảng Ninh đã giao các đơn vị liên quan tiếp tục ***hỗ trợ người dân và tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính, theo đó Trung tâm Phục vụ***

hành chính công đã thí điểm triển khai phần mềm Trợ lý ảo trong giải quyết thủ tục hành chính. Việc triển khai phần mềm Trợ lý ảo trong giải quyết thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Ninh giúp tăng khả năng tương tác, phản hồi ngay lập tức đối với các câu hỏi của người dân, doanh nghiệp trong mọi thời điểm để tự động hóa và nâng cao hiệu suất phục vụ. Hệ thống hoạt động được trên đa dạng các thiết bị như máy tính để bàn, thiết bị di động... để đa dạng hóa cách thức giao tiếp với người dân và doanh nghiệp. Hệ thống có khả năng tự động lấy dữ liệu từ Công dịch vụ công của tỉnh qua các API để hoàn thiện cơ sở dữ liệu câu hỏi/câu trả lời về thực hiện thủ tục hành chính, xây dựng bộ kịch bản hoạt động của phần mềm đa dạng để xử lý được tối đa các thắc mắc của người dân, doanh nghiệp, tự học, tự làm giàu cơ sở dữ liệu trong phạm vi cho phép và được kiểm duyệt. Tính đến thời điểm hiện tại đã xây dựng được 13.142 câu hỏi trong các lĩnh vực: Cấp, quản lý thẻ căn cước công dân; Giao thông Đường bộ; Hộ tịch (Giấy khai sinh, đăng ký hôn); Lý lịch tư pháp; Quản lý xuất nhập cảnh (Hộ chiếu); An toàn lao động. và đã có trên 6.000 lượt truy cập đặt câu hỏi trên ứng dụng ISee trong đó có 4.415 câu hỏi đã được trả lời, giải đáp cho doanh nghiệp, người dân tự động.

Kính thưa các đồng chí!

Thưa toàn thể Hội nghị!

Với quan điểm lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ người dân, thời gian tới tỉnh Quảng Ninh tiếp tục quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mặt, nội dung của đời sống xã hội nhằm thực hiện hiệu quả Chủ đề công tác năm 2023 theo Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 28/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ***“Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và chất lượng đời sống Nhân dân”***. Để đạt được mục tiêu đã đề ra, nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ người dân, thời gian tới tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai các nội dung:

Thứ nhất, Tỉnh Quảng Ninh tiếp tục xác định Chuyển đổi số là khâu đột phá giúp xóa nhòa khoảng cách địa lý, mang đến cơ hội bình đẳng cho người dân về tiếp cận dịch vụ, mang lại những tiến bộ lớn trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua các dịch vụ y tế, giáo dục, vui chơi giải trí... thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai hiệu quả nghị quyết chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh, thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng để kịp thời hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến.

Thứ hai, quan tâm đổi mới toàn diện, đồng bộ công tác cán bộ, coi đây là khâu đột phá, then chốt để nâng cao năng lực lãnh đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị thông qua việc đổi mới về tiêu chuẩn cán bộ, công khai, minh bạch, dân chủ hóa việc đánh giá, lựa chọn cán bộ; quan tâm bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ thực sự khoa học, dân chủ, đúng pháp luật và quy định của Đảng “đúng người, đúng việc” nhằm tạo sự đoàn kết, thống nhất cao.

Thứ ba, chủ động triển khai các giải pháp cải cách trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, xây dựng mô hình chính quyền lắng nghe, cải thiện chất lượng phục vụ vì quyền và lợi ích của người dân ngày càng tốt hơn.

Thứ tư, tập trung ưu tiên các nguồn lực để đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tăng cường rà soát thực hiện chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu TTHC giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân theo Đề án 06.

Thứ năm, tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các sáng kiến mới trong cải cách thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Thứ sáu, triển khai hiệu quả cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Cá thể hóa trách nhiệm cá nhân, tổ chức và định kỳ hàng tháng công khai danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm muộn trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

Trên đây là ý kiến phát biểu làm rõ thêm **“Nỗ lực của tỉnh Quảng Ninh trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân”**.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính tại địa phương

UBND tỉnh Quảng Ngãi

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Hôm nay, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức Hội nghị chuyên đề (Phiên họp thứ tư) về cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, Chính quyền số và công bố Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - PAR INDEX 2022 và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước - SIPAS 2022; được sự cho phép của Ban Tổ chức hội nghị, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tham luận với chủ đề: **“Đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính tại tỉnh Quảng Ngãi”**.

Kính thưa Chủ trì Hội nghị!

Kính thưa các đồng chí tham dự Hội nghị!

Trong giai đoạn từ năm 2020 trở về trước, công tác CCHC đã được Tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, việc thực hiện của các sở, ngành, địa phương chưa được nghiêm túc, hiệu quả thấp. Trong khi đó Tỉnh chưa có sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt. Điều này dẫn đến chỉ số CCHC của tỉnh thường xuyên bị xếp hạng ở vị trí thấp nhất trong cả nước (Cụ thể: Năm 2016: 59/63, Năm 2017: 63/63, Năm 2018: 56/63, Năm 2019: 61/63 và Năm 2020: 63/63).

Trước thực trạng này, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã xác định **“Cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh”** là một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2020 - 2025; đây là danh dự của tỉnh, dù khó cũng phải thực hiện và phải được thực hiện với quyết tâm chính trị cao nhất. Để đạt được mục tiêu đặt ra, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC,

nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ. Đồng thời, thành lập Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Trưởng ban; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố làm thành viên và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; định kỳ họp Ban Chỉ đạo để tập trung chỉ đạo công tác CCHC, kịp thời giải quyết, tháo gỡ các nội dung còn vướng mắc, phát sinh; thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ, đôn đốc các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng. Hằng năm, UBND tỉnh căn cứ vào điểm xếp hạng chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, địa phương làm cơ sở nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bên cạnh đó, tỉnh đã đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành CCHC; chuyển mạnh từ cơ chế “xin - cho” - là một trong những nguyên nhân chính của biểu hiện “hành dân”, “hành doanh nghiệp” sang cơ chế “phục vụ”; CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm của đối tượng phục vụ; lấy sự hài lòng của tổ chức, công dân là thước đo chủ yếu đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Đồng thời thường xuyên theo dõi, chỉ đạo kiểm tra đột xuất, kịp thời xử lý nghiêm những hành vi những nhiều, tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Cùng với quyết tâm của Chính phủ đã giảm bớt rất nhiều TTHC rườm rà, bây giờ chúng ta cần phải tập trung vào xây dựng đội ngũ công chức “Chính quy - Chuyên nghiệp - Liêm chính” nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu giao dịch hành chính của tổ chức, doanh nghiệp và công dân, vì suy cho cùng mọi sự thành công hay thất bại cũng chính từ yếu tố con người mà ra.

Ngoài ra, tỉnh đã chỉ đạo, triển khai nhiều sáng kiến, giải pháp mới để đẩy mạnh hiệu quả công tác CCHC như: Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết giảm 50% mức thu phí, lệ phí khi tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với 10 nhóm thủ tục hành chính; giao chỉ tiêu thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho các cơ quan trên địa bàn tỉnh (30% đối với các sở, ban ngành, 20% đối với các huyện đồng bằng, 10% đối với các huyện miền núi); giải pháp vận động cá nhân, tổ chức thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; xây dựng phần mềm thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên thiết bị di động để mở rộng phương thức nộp hồ sơ trực tuyến cho tổ chức, cá nhân; biên dịch các thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài (116 thủ tục) sang 04 thứ tiếng: Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản để phục vụ cho nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài. Đặc biệt, trong thời gian qua, tỉnh đã phê duyệt sáng kiến cho phép chủ tàu cá nộp hồ sơ đăng kiểm tàu cá trực tuyến bằng phương thức gọi điện thoại đến Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát

TTHC tỉnh để nộp hồ sơ và nhận kết quả tại nhà (sáng kiến này mỗi năm tiết kiệm khoảng hơn 01 tỷ đồng cho ngư dân).

Với sự quyết tâm, chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả của Lãnh đạo Tỉnh, cùng với sự triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, có trách nhiệm của Thủ trưởng các sở ngành, địa phương nên tỉnh Quảng Ngãi về cơ bản đã khắc phục được những yếu kém lâu nay trong CCHC. Nhờ đó, các Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) bước đầu được cải thiện và tăng hạng trong đánh giá, chấm điểm của Trung ương. Kết quả là Chỉ số CCHC (PAR INDEX) năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi tăng 24 bậc so với năm 2020, từ đứng vị trí 63 lên vị trí 39/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tóm lại, trong thời gian qua tỉnh Quảng Ngãi đã tập trung triển khai thực hiện quyết liệt và đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành CCHC tại địa phương, bước đầu đã mang lại hiệu quả tích cực, thực chất, toàn diện; môi trường đầu tư kinh doanh từng bước được cải thiện, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên đây là nội dung tham luận về **“Đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính tại tỉnh Quảng Ngãi”**.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

**Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông
trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương**

UBND tỉnh Lâm Đồng

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Cải cách thủ tục hành chính được tỉnh Lâm Đồng xác định là nhiệm vụ trọng tâm, trong đó chú trọng triển khai đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) tại địa phương.

Tỉnh đã rất quyết liệt trong việc chỉ đạo triển khai trong thực tế. Ngay từ sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 468/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”, Lâm Đồng đã ban hành Kế hoạch số 2563/KH-UBND triển khai Đề án 468 trên địa bàn tỉnh bao gồm 44 nhiệm vụ chi tiết được thực hiện theo lộ trình từ năm 2021 đến năm 2025. Đến nay, tỉnh đã ban hành 16 văn bản liên quan đến cải cách TTHC, thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trên cơ sở kế hoạch, chỉ đạo của tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện và thành phố đã ban hành các kế hoạch để triển khai nhiệm vụ của từng đơn vị. Đến nay, tỉnh đã đạt được 05 kết quả trong triển khai đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cụ thể như sau:

Thứ nhất, rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh. Đã rà soát, bãi bỏ 27 TTHC đặc thù; cắt giảm thời gian thực hiện của 62 TTHC có liên quan đến quy trình dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tỷ lệ thời gian rút ngắn bình quân là hơn 22% so với trước đây (riêng lĩnh vực khoáng sản giảm từ 694 ngày còn 254 ngày, tỷ lệ 63,4%). Hướng dẫn thực hiện song song TTHC trong quá trình thực hiện dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách, rút ngắn thời gian triển khai dự án từ 130 đến 275 ngày, tỷ lệ 25% đến 46%, tùy thuộc loại dự án. Kiến nghị với bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định đối với 05 TTHC. Định kỳ hàng tháng, tổ chức tiếp, làm việc và giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong thực hiện TTHC trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, nâng cao tính chủ động trong đổi mới, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của Bộ phận Một cửa.

Lâm Đồng mạnh dạn chuyển giao một số khâu trong giải quyết TTHC cho khu vực ngoài ngân sách để hỗ trợ và cùng với khu vực công nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Tỉnh đã chuyển giao cho Bru điện thực hiện việc tiếp nhận, số hóa và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện. Kết quả là số lượng nhân sự giảm trong khi chất lượng phục vụ tại Bộ phận Một cửa tăng. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 14 nhân viên Bru điện (bao gồm nhân viên thực hiện nhiệm vụ số hóa) thực hiện nhiệm vụ của 38 công chức thuộc 19 sở, ban, ngành. Tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện: Mỗi đơn vị từ 02 đến 04 nhân viên Bru điện thực hiện nhiệm vụ của 08 công chức thuộc 13 phòng chuyên môn cấp huyện.

100% Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh đã trên khai Bộ nhận diện thương hiệu theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 2319/VPCP-KSTT ngày 14/4/2022; triển khai bộ phận hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tạo tài khoản định danh điện tử (đến nay cấp được 28.983 tài khoản công dân, 768 tài khoản doanh nghiệp và 7.140 tài khoản cán bộ), thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến (Quý I năm 2023, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của tỉnh đạt 57,3%; thanh toán trực tuyến đạt 34,44%); bố trí trang thiết bị cho người dân trải nghiệm dịch vụ công của tỉnh. Tổ chức các quầy tiếp nhận hồ sơ cho người già, phụ nữ mang thai, người khuyết tật. Triển khai hệ thống bóc số trực tuyến giúp người dân và doanh nghiệp hạn giờ giải quyết TTHC.

Thứ ba, đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, Bộ phận Một cửa scan thành phần hồ sơ theo quy định gửi các cơ quan chuyên môn xử lý. Trên cơ sở hồ sơ điện tử do Bộ phận Một cửa hoặc do người dân và doanh nghiệp gửi trực tuyến đến, các cơ quan chuyên môn tiến hành kiểm tra, bóc tách dữ liệu vào hệ thống chuyên ngành, giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC kèm bản điện tử cho người dân và doanh nghiệp. Quý I/2023, tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết của tỉnh đạt: 61,8%. Từ năm 2021, tỉnh đã nước đầu triển khai kho dữ liệu số hóa của địa phương, đến nay đang tiến hành hiệu chỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Triển khai Đề án 06 về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tỉnh đã hoàn thành kết nối hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tỉnh đã triển khai rà soát thành phần hồ sơ của 267 TTHC có liên quan đến Sổ hộ khẩu và Căn cước công dân; trên cơ sở công bố của Bộ Xây dựng, tỉnh xây dựng biểu mẫu điện tử cho 14 TTHC, sử dụng thông tin trích xuất tự động từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho thành phần hồ sơ là Căn cước công dân.

Thứ tư, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh được quan tâm, thường xuyên được nâng cấp, bổ sung đáp ứng yêu cầu theo

từng giai đoạn. Trong đó, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được thiết kế tích hợp thống nhất giữa hai Hệ thống một cửa điện tử và Hệ thống dịch vụ công trực tuyến, được triển khai thống nhất từ cấp tỉnh tới cấp xã và giao Văn phòng UBND tỉnh vận hành, quản lý. Hệ thống của tỉnh đã kết nối với Hệ thống cung cấp lý lịch tư pháp, Hệ thống của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost), Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hệ thống được bổ sung các chức năng ký số qua Sim điện thoại hỗ trợ người dùng khi thực hiện TTHC.

Thứ năm, đổi mới việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo thời gian thực. Tăng trách nhiệm giải trình của người đứng đầu trong giải quyết TTHC, định kỳ hàng tuần Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện phải giải trình lý do hồ sơ quá hạn xử lý. Hệ thống của tỉnh kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia để thực hiện đánh giá theo thời gian thực Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công. Quý I năm 2023, tỉnh Lâm Đồng được đánh giá 70,17 điểm, xếp loại Khá, vị trí thứ 05/63 tỉnh, thành.

Qua thực tế triển khai thực hiện với các kết quả đạt được như trên, tỉnh rút ra 03 bài học kinh nghiệm như:

Một là, quyết tâm chính trị, cam kết của lãnh đạo thông qua các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch chung của tỉnh và các kế hoạch triển khai cụ thể của từng cơ quan, địa phương.

Hai là, kế thừa các kết quả phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh từ trước đến nay. Tập trung kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống sẵn có và phát triển thêm chức năng mới để nâng cao chất lượng giải quyết TTHC ở địa phương.

Ba là, triển khai thí điểm ở phạm vi hẹp trước, đánh giá hiệu quả sau đó mới triển khai diện rộng.

Bên cạnh các kết quả đạt được, tại tỉnh Lâm Đồng, người dân vẫn còn khá e dè trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Nguyên nhân có thể kể đến như: Rào cản về thói quen, tâm lý của người dân, muốn được đến trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện TTHC; rào cản về thiết bị: Không phải người dân nào cũng có đủ thiết bị (điện thoại thông minh, laptop,...) có thể kết nối Internet và thao tác trên máy nhằm thực hiện dịch vụ công trực tuyến; hạ tầng công nghệ thông tin ở một số đơn vị cấp xã (nhất là vùng sâu, vùng xa) chưa đáp ứng được yêu cầu; quy trình thực hiện thủ tục hành chính còn phức tạp.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trong thời gian tới, tỉnh tập trung thực hiện 03 giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; triển khai giai đoạn tiếp theo của Kho số hóa; đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; rà soát, trang bị hạ tầng công nghệ thông tin, nhất là ở các đơn vị cấp xã vùng sâu, vùng xa.

Thứ hai, tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến: Đổi mới, đa dạng các hình thức tuyên truyền; duy trì và phát huy việc hỗ trợ người dân và doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công tại Bộ phận Một cửa các cấp và thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng.

Cuối cùng, phối hợp, chủ động triển khai kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trên cơ sở hướng dẫn của các cơ quan Trung ương về mở dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, chuẩn hóa mẫu đơn, tờ khai.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Đánh giá khái quát kết quả công tác cải cách hành chính của tỉnh đã đạt được. Những tác động tích cực của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

UBND tỉnh Kiên Giang

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Tỉnh Kiên Giang xác định rõ: Cải cách hành chính (CCHC) là một trong những nội dung lớn, mang tính đột phá để hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành các cơ quan nhà nước trên địa bàn, góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Kính thưa Thủ tướng Chính phủ!

Thưa Ban Chỉ đạo!

1. Phát huy vai trò của người đứng đầu trong CCHC

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Kiên Giang đã quyết liệt chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương đẩy mạnh công tác CCHC, đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp, bước đầu đạt được một số kết quả đáng khích lệ.

Theo đó, Kiên Giang đã xây dựng mới trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công với đầy đủ tiện nghi, hiện đại nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Cùng cố và kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) và ở các sở, ngành. Trong đó, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải là Trưởng Ban chỉ đạo; thực hiện tốt việc giao ban Ban Chỉ đạo CCHC để qua đó kịp thời đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh và của từng sở ngành, địa phương.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong CCHC như Ký thỏa thuận hợp tác với VNPT, Zalo và thiết lập kênh truyền thông chuyển đổi số trên Zalo (Tổng đài 1022 Kiên Giang) để thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân; hỗ trợ tra cứu thông tin tình hình giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp và tiếp nhận phản ánh kiến nghị có liên quan TTHC.

Hoàn thành việc hợp nhất và đưa vào vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang tích hợp, liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia và kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06 của Chính phủ tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC, nhất là giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh ban hành các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân theo Đề án 06. Triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật theo quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, nhằm thực hiện nghiêm quy định bỏ Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy, hướng dẫn đầy đủ, thống nhất việc sử dụng dữ liệu dân cư, mã số định danh cá nhân trong giải quyết TTHC cho người dân theo quy định của Luật Cư trú năm 2020 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

2. Triển khai có hiệu quả các cơ sở dữ liệu phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Đến nay, tỉnh đã triển khai đến 100% các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã; hiện đang cung cấp 1.977 dịch vụ công trực tuyến (trong đó đã cung cấp 100% TTHC đủ điều kiện lên toàn trình); đã kết nối thanh toán trực tuyến với 06 ngân hàng lớn gồm Vietinbank, Agribank, SHB, BIDV, Vietcombank, VPBank và các hệ thống thanh toán trực tuyến, ví điện tử như: VNPT Pay, MoMo, Viettel Pay... xếp thứ 56/63 tỉnh, thành trong cả nước về số lượng dịch vụ đồng bộ, liên thông lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Đồng thời, hệ thống Cổng Thông tin điện tử của tỉnh gồm 01 Cổng chính và 37 Trang Thông tin điện tử thành phần của các sở, ngành, địa phương thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin chỉ đạo, điều hành, CCHC, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị cho người dân, doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài tỉnh nhanh chóng, hiệu quả.

Kiên Giang đã xây dựng và đưa vào hoạt động Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp từ ngày 23/7/2022, trở thành kênh thông tin chính thức cung cấp thông tin về cơ chế, chính sách của tỉnh, các chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân truy cập thông tin, chính sách để phục vụ hoạt động kinh doanh. Qua đó, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan thực thi công vụ.

Hiện tại, 100% các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn có mạng nội bộ và kết nối Internet; thực hiện gửi, nhận và xử lý văn bản trên môi trường mạng liên thông 3 cấp, kết nối với trực liên thông của Chính phủ. Hoàn thành việc triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối các sở, ban, ngành tỉnh với 15 huyện, thành phố và 144 xã, phường, thị trấn. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành thông suốt, nhanh chóng từ tỉnh đến cấp xã trên môi trường mạng.

Trên cơ sở đó, Kiên Giang tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ sở dữ liệu nền tảng, phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Tăng cường công tác tuyên truyền và phân công công chức hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức nộp hồ sơ, nhất là hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (ở 3 cấp); qua dịch vụ bưu chính công ích và khi thanh toán trực tuyến quý I năm 2023 đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ.

3. Về mức độ hài lòng của người dân trên Cổng dịch vụ công

Đó là, thời gian giải quyết các TTHC cho người dân và doanh nghiệp đã giảm nhiều so với quy định; quy trình giải quyết được thường xuyên được cập nhật; hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt tỷ lệ cao. Trong quý I năm 2023, cấp huyện đã giải quyết 24.075/34.297 hồ sơ; cấp xã giải quyết 42.181/43.122 hồ sơ. Riêng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã tiếp nhận 13.268 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến là 11.381 hồ sơ, tăng 112% so với cùng kỳ, so với năm 2022 tổng số hồ tiếp nhận trực tuyến đạt 41,9% (11.381/27.164), đã giải quyết 10.380 hồ sơ, đạt 78,2%, trong đó, trước hạn 9.904 hồ sơ, đạt tỷ lệ 74,6%, đúng hạn 57 hồ sơ, đạt tỷ lệ 0,42%; trễ hạn 419 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,42%, giảm 49,8% so với cùng kỳ.

Số liệu chỉ số đánh giá trên Cổng Dịch vụ công quốc gia được cải thiện, cụ thể như: **“Mức độ hài lòng của người dân”** đạt điểm tối đa 18/18 điểm. **“Dịch vụ công trực tuyến”** năm 2022 đạt 46,9%, trong Quý I năm 2023 tỷ lệ thủ tục hành chính phát sinh trực tuyến là 65% (58.956 hồ sơ trực tuyến/90.687 tổng số hồ sơ phát sinh).

Tuy nhiên, thẳng thắn nhìn nhận, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai, Kiên Giang vẫn còn một số bất cập, hạn chế, khó khăn như:

Thói quen sử dụng hồ sơ giấy, đến nộp hồ sơ trực tiếp của người dân vẫn còn phổ biến, chỉ làm theo cách thức truyền thống là nộp hồ sơ trực tiếp; thói quen sử dụng tiền mặt trong thanh toán của người dân chậm thay đổi, nhất là khu vực nông thôn, biển đảo và nhóm người cao tuổi; tâm lý sợ mất an toàn do những thông tin trái chiều gây mất niềm tin cho người dân; khả năng tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế. Tất cả những điều này đã ảnh hưởng lớn đến việc đẩy mạnh giải quyết TTHC dịch vụ công trực tuyến (toàn trình và một phần) và thanh toán trực tuyến.

Điều kiện cơ sở hạ tầng mạng trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, một số vùng sóng kết nối internet còn yếu và chậm nên gây khó khăn trong việc nâng cao số lượng người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; khó khăn về nguồn nhân lực trong chuyển đổi số, nhất là yêu cầu phải có công chức chuyên trách (hiện nay đa phần là kiêm nhiệm).

4. Lấy người dân làm trung tâm phục vụ dịch vụ công

Nhìn nhận về một số bài học kinh nghiệm quá trình chỉ đạo, thực hiện công tác CCHC gắn với chuyển đổi số, phải phát huy cho được vai trò, trách nhiệm

của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng như các cán bộ, công chức, viên chức trong công tác CCHC gắn với chuyển đổi số.

Thường xuyên kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh các sai sót của cấp dưới; nêu cao tinh thần sáng tạo, đổi mới trong cách thức điều hành, quản lý nhà nước, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giải quyết công việc hành chính để góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý hành chính nhà nước của chính quyền các cấp.

Đồng thời, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về CCHC gắn với việc chuyển đổi số để các cá nhân, tổ chức nắm rõ thông tin, đồng thuận tham gia; phát huy vai trò tích cực của các tổ, nhóm trong cộng đồng để hướng dẫn, tuyên truyền người dân về công tác CCHC và việc chuyển đổi số.

Cần tiếp tục đổi mới phương pháp chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo CCHC các cấp, xác định chuyển đổi số và CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, nhất là ở cơ sở.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nâng lên nhận thức của cán bộ, công chức và tăng cường hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4. Đồng thời, tiếp tục theo dõi đánh giá sự hài lòng của người dân, lắng nghe ý kiến người dân để có cơ sở khách quan cho việc cung ứng dịch vụ công đảm bảo lấy người dân làm trung tâm phục vụ.

Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ theo hướng tích hợp chia sẻ, dùng chung dữ liệu và tài khoản, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp trong việc sử dụng dịch vụ; xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật để phủ sóng thông tin di động nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp kết nối internet sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp; tổ công nghệ số cộng đồng; đề án thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số.

Sau cùng, xin kính chúc Thủ tướng Chính phủ, các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương và các địa phương, cùng quý vị đại biểu tham dự hội nghị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn./.

THAM LUẬN

Nỗ lực của chính quyền địa phương, cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân

UBND tỉnh Cà Mau

Kính thưa đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Trần Lưu Quang, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương!

Kính thưa các quý vị đại biểu! Kính thưa Hội nghị!

Được sự cho phép của Chủ trì Hội nghị, tỉnh Cà Mau xin trình bày tham luận với chủ đề: **“Nỗ lực của chính quyền địa phương, cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân”**.

Kính thưa Hội nghị!

Quán triệt sâu sắc mục tiêu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 được ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ: “Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân...”. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Cà Mau đã chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng phục vụ người dân. Trong đó, có những giải pháp, sáng kiến nổi bật sau:

- *Thứ nhất, năng lực thực thi công vụ của cán bộ, công chức:* Ở bất kỳ lĩnh vực nào, công việc nào, nhân tố con người luôn giữ vai trò quan trọng hàng đầu, quyết định để đạt được mục tiêu. Quán triệt quan điểm này, để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, tỉnh đã tiến hành cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ, công chức, viên chức các cấp, bảo đảm đúng người, đúng việc; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp; đổi mới nội dung, phương pháp đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm người đứng đầu...

Trong đó, Tỉnh đặc biệt quan tâm đến việc lựa chọn, bố trí công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp, vì đây là lực trực tiếp gặp gỡ, làm việc và giải quyết công việc cho người dân. Theo đó, đội ngũ công chức được tuyển chọn, bố trí làm việc tại Bộ phận Một cửa phải có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao; có phẩm chất đạo đức và khả năng giao tiếp tốt; am hiểu về TTHC. Mặt khác, đội ngũ này được ưu tiên giữ ổn định, trường hợp phải thay

đôi cần thì phải tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để đủ sức đảm đương công việc được giao.

- *Thứ hai, đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện:* Theo đó, hàng năm, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh. Kết quả, qua rà soát, tỉnh đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết của trên 1.500, chiếm 76,4% tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh (tỷ lệ thời gian cắt giảm từ 20% đến 80%). Đồng thời, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- *Thứ ba, đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính:* Với phương châm: “Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức”, Tỉnh đã nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiều mô hình mới nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Thực hiện thí điểm liên thông những TTHC có cùng thành phần hồ sơ, hoặc kết quả giải quyết của thủ tục này là hồ sơ đầu vào của thủ tục khác. Cụ thể: Tỉnh đã triển khai thực hiện thí điểm liên thông một số TTHC lĩnh vực Đăng ký đầu tư, Đăng ký kinh doanh, Môi trường, Đất đai, Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường. Theo đó người dân chỉ nộp hồ sơ một lần tại Bộ phận Một cửa nhưng nhận được nhiều kết quả; cắt giảm đáng kể thời gian và số lần đi lại cho người dân, doanh nghiệp.

+ Triển khai tiếp nhận giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Cụ thể, UBND tỉnh lựa chọn 83 TTHC (lĩnh vực Đất đai, Xây dựng, Đăng ký kinh doanh, Công Thương,...) người dân, doanh nghiệp có nhu cầu thực hiện thường xuyên thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện để giao cho Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh tiếp nhận. Theo đó, người dân, doanh nghiệp có quyền lựa chọn nộp TTHC tại Bộ phận Một cửa của huyện, thành phố hoặc tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. Kết quả, trong năm 2022, Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh đã tiếp nhận 3.479 hồ sơ.

Qua phân tích, đánh giá hiệu quả của mô hình nêu trên, ngày 15/3/2023, Chủ tịch UBND đã quyết định triển khai thực hiện thí điểm mô hình giải quyết TTHC phi địa giới theo hướng ngược lại. Cụ thể, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chọn 07 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ngành tỉnh giao cho UBND cấp huyện tiếp nhận. Theo đó, người dân có thể lựa chọn nộp TTHC ở bất kỳ Bộ phận Một cửa của huyện, thành phố nào hoặc tại Trung tâm giải quyết TTHC tỉnh.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC: Cụ thể, Tỉnh đã triển khai áp dụng hệ thống quét mã QRCode trên Căn cước công dân và nhận diện khuôn mặt tại Bộ phận Một cửa. Với hệ thống này, người dân,

doanh nghiệp khi đến giao dịch tại Bộ phận Một cửa không cần phải khai báo thông tin, chỉ cần dùng thẻ Căn cước công dân quét mã QRCode ở lần giao dịch thứ nhất, sau đó sẽ được hệ thống kết nối thông tin từ dữ liệu căn cước công dân và quét nhận diện khuôn mặt để lưu thông tin. Dữ liệu và thông tin người giao dịch sẽ được lưu trữ vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, được kết nối, tích hợp và chia sẻ phục vụ cho hoạt động giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp. Khi người dân đến giao dịch các lần tiếp theo tại bất kỳ Bộ phận Một cửa nào trên địa bàn tỉnh, thiết bị tại Bộ phận Một cửa sẽ tự động nhận dạng mà không cần phải xuất trình giấy tờ tùy thân hoặc khai báo thông tin.

- *Thứ tư, nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh:* Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai Chiến dịch cao điểm 69 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công. Theo đó, tỉnh giao chỉ tiêu cụ thể về việc nộp hồ sơ trực tuyến; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, thanh toán trực tuyến cho từng cơ quan, đơn vị. Để bảo đảm các điều kiện cho việc triển khai thực hiện, tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc nâng cấp đường truyền mạng cho Bộ phận Một cửa các cấp; phối hợp các nhà mạng cử nhân viên đến trực tiếp tại Bộ phận Một cửa các cấp để chuẩn hóa thông tin thuê bao chính chủ, cấp Chữ ký số miễn phí cho người dân; chỉ đạo các ngân hàng hỗ trợ việc tạo tài khoản, thanh toán trực tuyến; chỉ đạo Văn phòng UBND tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp, xếp hạng kết quả thực hiện hàng tuần của từng cơ quan, đơn vị và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh... Với sự chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, sâu sắc của tỉnh, sau 05 tuần triển khai thực hiện Chiến dịch, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến của tỉnh đạt 76% (trước Chiến dịch 52,23%); tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 51% (trước Chiến dịch 39,21%); tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 52% (trước Chiến dịch chỉ đạt gần 1%).

- *Thứ năm, giải quyết đến nơi, đến chốn các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính, quy định hành chính:* Các phản ánh, kiến nghị sau khi tiếp nhận được bộ phận chuyên môn tổng hợp, phân loại, đối với những phản ánh, kiến nghị có tính chất phức tạp, người dân bức xúc, lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh cử công chức chuyên môn gặp gỡ trực tiếp và cùng đi làm TTHC với người dân. Với cách làm này, giúp đánh giá khách quan và xử lý đúng người, đúng việc (nếu có vi phạm). Qua đó, tạo được sự tin tưởng, nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

- *Thứ sáu, tăng cường kiểm tra, xử lý những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, trong đó ưu tiên cho việc kiểm tra đột xuất:* Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công tác kiểm tra đột xuất được ưu tiên thực hiện nhằm bảo đảm tính khách quan, hiệu quả. Theo đó, thành viên của Đoàn kiểm tra đóng vai người dân đến Bộ phận Một cửa đề nghị giải quyết TTHC hoặc đề nghị hướng dẫn quy trình, hồ sơ TTHC; kiểm tra thực tế việc công khai TTHC, số điện thoại đường dây nóng... Qua đó, kịp thời đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị khắc phục ngay những mặt tồn tại, hạn chế được Đoàn kiểm tra chỉ ra.

Với sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo UBND tỉnh, sự nỗ lực, tham gia, vào cuộc của chính quyền địa phương, cơ quan hành chính nhà nước các cấp, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh trong thời gian qua đã được cải thiện rõ nét; niềm tin, sự ủng hộ của người dân ngày càng được nâng lên. Kết quả khảo sát tại tỉnh cho thấy, mức độ hài lòng của người dân đối với việc giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 99%.

Với những kết quả đã đạt được, Tỉnh nhận thấy, để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, cán bộ, công chức phải thật sự gần gũi, quan tâm, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, khó khăn, vướng mắc của người dân và có giải pháp xử lý, tháo gỡ đến nơi, đến chốn. Đồng thời, để làm được việc này, đòi hỏi phải có sự nỗ lực, quyết tâm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, có tư duy đổi mới “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”. Tinh thần, trách nhiệm của người đứng đầu sẽ tạo sự lan tỏa, hiệu ứng tích cực cho cả hệ thống chính trị để cùng hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Trên đây là nội dung tham luận của tỉnh Cà Mau.

Sau cùng, tôi xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!